

NGƯỜI

Kinh Bắc

Số ra 1 tháng/kỳ

TẠP CHÍ SÁNG TÁC - NGHIÊN CỨU - THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Số 180

NĂM THỨ XXVII



THÁNG 01 - 2024

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
NHÀ BÁO NGÔ HỒNG GIANG

TỔNG BIÊN TẬP
NHÀ BÁO LÊ THANH HUYỀN

THAM GIA BIÊN TẬP
**HOÀNG GIÁ
NGUYỄN NHƯ HẠO
NGUYỄN ANH THUẤN
NGUYỄN THÁI SƠN
LÊ VIẾT ANH
NGUYỄN TRỌNG TĨNH
KIM PHÚC**

THƯ KÝ TÒA SOẠN
HOÀNG YẾN

Email tòa soạn
tapchinguoiKinhbac@gmail.com
Website: nguoiKinhbac.vn
Điện thoại: 0222.3875.551

Giấy phép xuất bản
Số: 138/GP-BTTTT

Bộ Thông tin - Truyền thông
Cấp ngày 19/4/2023

Tòa soạn
Số 01 Lý Thái Tổ - TP. Bắc Ninh

In 1000 cuốn, KT 19 x 27cm,
100 trang, in và nộm lưu chiếu
tháng 01 - 2024

In tại:
XÍ NGHIỆP IN/NHÀ MÁY Z176

* Thư chúc mừng năm mới - 2023 của Nhà báo Ngô Hồng Giang - Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh 3

CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

* 10 hoạt động Văn học nghệ thuật nổi bật năm 2023
Thanh Huyền 4

HỌC TẬP LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

* Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Đăng Chế - Người dựng công sư tâm, bảo tồn và phát triển tranh dân gian Đông Hồ
Nho Thuận 6

Ghi chép: Vinh dự được gặp Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng
Nguyễn Đức Tú 11

Tản văn: Chợ Tết
Trần Việt Hoàng 14

TÁC PHẨM ĐOẠT GIẢI CUỘC THI SÁNG TÁC VĂN HỌC CHỦ ĐỀ BẮC NINH TRONG HÀNH TRÌNH XÂY DỰNG TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ III - 2023

* Một nốt trầm xao xuyến
Nguyễn Thị Hằng 17

* Làng tôi lên phố
Đỗ Công Tiềm 22

Trang thơ 28-29

Ghi chép: Khơi dậy nguồn cảm hứng sáng tác từ những Cuộc thi

Đỗ Văn Phong 30

Tản văn: Tết muộn
Vũ Thế Thục 34

Truyện ngắn: Ngọa Long
Trần Quốc Cường 38

Trang thơ Xuân 42-43

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

* Bình giải "Mây Ngải, nét Ngải" trong Truyện Kiều của Nguyễn Du
Dương Mạnh Nghĩa 44



NGƯỜI
Kinh Bắc

* Phạm Quang Tiến - Đình nguyên Thám hoa vốn là thần đồng	Lê Viết Nga	47
Trang thơ Xuân		
Truyện ngắn: Tết thời bao cấp	Đỗ Quốc Long	52
Ghi chép: Bạn tôi ba lần cầm súng	Hoàng Tiên	55
Sân khấu: Nỗi nhớ Giêng - Hai	Trịnh Quang Khanh	59
Trang thơ Biển đảo quê hương - Biên cương Tổ quốc		68-69
Tản văn: Xuân về trên quê hương Quan họ	Lưu Lan Phương	70

TRANG VIẾT TUỔI HỒNG

* Tấm Cám chuyện chưa kể	Ngô Thị Khánh Hà	74
--------------------------	------------------	----

VĂN HIỂN BẮC NINH - KINH BẮC

* Sự tích chè đất sét và lễ hội du xuân Tứ Yên xưa ở Yên Phong	Nghiêm Đình Thường	77
* Địa danh Sơn phận Thị Cầu	Nguyễn Thị Thanh Hải	81
* Đình làng Lam Cầu	Nguyễn Văn An	85
* Lĩnh Mai phục dựng Đình làng	Phạm Huy Chương	87
* Độc đáo nghi lễ tiếp chạ làng Tam Tảo	Lê Thị Chung	91
Trang thơ Xuân		94-95

VĂN HIỂN BẮC NINH - KINH BẮC

* Chẳng thể dừng dung với hiển hiện xuân của Vũ Tuấn Anh	Vũ Thị Phương	96
--	---------------	----

ÂM NHẠC

* Sắc xuân quê mình	Nhạc và lời: Mạnh Thắng
* Tương ngộ	Nhạc và lời: Bá Quang

NHIẾP ẢNH

Bìa 1: Mầm non Quan họ - Nguyễn Văn Trường
Bìa 2: Kim Đài
Bìa 3: Trọng Hiếu, Sơn Thủy, Trần Phan, Hải Đăng

MỸ THUẬT

Bìa 2: Thanh Huyền
Bìa 4: Nguyễn Phúc Oanh, Trịnh Lễ, Nguyễn Văn Hưng, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Thuật, Nguyễn Văn Lai



2024

Thư chúc mừng năm mới

Kính gửi: - Hội viên Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh!
- Cộng tác viên và những người yêu mến Văn học,
nghệ thuật trong và ngoài tỉnh!

Chúng ta vừa chia tay năm 2023, năm bản lề thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Đại hội lần thứ XIII của Đảng; năm diễn ra Đại hội Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh lần thứ V nhiệm kỳ 2023 - 2028. Trong những ngày đầu năm mới - 2024, nhìn lại các hoạt động VHNT vừa diễn ra, đội ngũ văn nghệ sĩ Bắc Ninh có thể vui mừng với những kết quả đạt được. Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội VHNT tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động VHNT phù hợp tình hình thực tiễn; quan tâm đổi mới tổ chức các hoạt động theo phương châm thiết thực, hiệu quả. Đội ngũ văn nghệ sĩ trong tỉnh đoàn kết, hăng say lao động, đầy mạnh sáng tác trên các lĩnh vực, sáng tạo ra nhiều tác phẩm VHNT có chất lượng đã làm phong phú thêm đời sống tinh thần và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Nhân dịp đầu năm mới - 2024, Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, Tạp chí Người Kinh Bắc xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện của Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam, các Hội VHNT chuyên ngành Trung ương; của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ tỉnh; sự hợp tác, giúp đỡ của Hội VHNT các tỉnh, thành phố bạn; sự phối hợp và tạo điều kiện của các ban, sở, ngành, đoàn thể, cấp ủy, chính quyền các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh; sự cộng tác nhiệt tình, đầy trách nhiệm của toàn thể hội viên và cộng tác viên trong và ngoài tỉnh để Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, Tạp chí Người Kinh Bắc hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2023.

Chào năm mới - 2024, chuẩn bị đón Tết nguyên đán Giáp Thìn, đội ngũ văn nghệ sĩ Bắc Ninh bước vào đợt thi đua mới chào mừng thành công Đại hội Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh lần thứ V nhiệm kỳ 2023 - 2028, quyết tâm đưa Nghị quyết vào cuộc sống. Năm mới, với khí thế thi đua mới, Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, Tạp chí Người Kinh Bắc xin gửi lời chúc mừng năm mới tốt đẹp nhất tới các đồng chí lãnh đạo Liên hiệp các Hội VHNT Việt Nam; Tỉnh ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ tỉnh; các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh; cấp ủy, chính quyền các huyện, thị xã trong tỉnh; lãnh đạo các Hội VHNT chuyên ngành của Trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước; hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, đội ngũ cộng tác viên, những người yêu mến VHNT ở khắp mọi miền của Tổ quốc cùng gia đình các đồng chí năm mới dồi dào sức khỏe, an khang và thịnh vượng./.

Năm mới thắng lợi mới!

Nhà báo Ngô Hồng Giang
Chủ tịch Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Bắc Ninh

HOẠT ĐỘNG VĂN HỌC

NGHỆ THUẬT NỔI BẬT NĂM 2023



THANH HUYỀN

01

Gặp mặt Văn nghệ sĩ xuân Quý Mão 2023; Tổ chức Ngày Thơ Việt Nam lần thứ 21 tỉnh Bắc Ninh với chủ đề “**Nhịp điệu mới**”, giới thiệu thơ ca đương đại trong quá trình đổi mới, phát huy các giá trị văn hóa vùng đất Bắc Ninh - Kinh Bắc, tạo nguồn lực nội sinh, quảng bá hình ảnh mới về Bắc Ninh văn minh, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa, góp phần tích cực vào việc xây dựng quê hương, đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

02

Tổ chức thành công Đại hội Hội VHNT tỉnh lần thứ V, nhiệm kỳ 2023 - 2028 và bầu ra BCH khóa mới gồm 17 đồng chí, Chủ tịch và 02 Phó Chủ tịch Hội; Chỉ đạo các Chi hội chuyên ngành, Phân hội VHNT thành phố Từ Sơn, Phân hội VHNT Lương Tài tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2023 - 2028 thành công tốt đẹp; củng cố, tăng cường khối đoàn kết và niềm tin của hội viên đối với tổ chức Hội.

03

Để thiết thực chào mừng Đại hội Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh lần thứ V, nhiệm kỳ 2023 - 2028, Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh đã phối hợp với Hội VHNT tỉnh Bắc Giang tổ chức triển lãm Mỹ thuật “**Hội tụ sắc màu**” với 80 tác phẩm của 64 tác giả tham dự; Tổ chức Liên hoan Nghệ thuật với sự tham gia thể hiện của Văn nghệ sĩ đến từ các chi hội chuyên ngành: Âm nhạc, Sân khấu, Nhiếp ảnh, Kiến trúc, Văn nghệ dân gian, Thơ và Văn xuôi đã tạo không khí phấn khởi, động viên các thế hệ văn nghệ sĩ Bắc Ninh tiếp tục sáng tạo nghệ thuật, góp phần không nhỏ trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

04

Tổ chức Hội thảo chủ đề “**Văn học nghệ thuật góp phần xây dựng Văn hóa, con người mới**” với sự tham gia của 9 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Bắc Giang, Quảng Ninh, Bắc Ninh thuộc Nhóm liên kết hợp tác và phát triển văn học nghệ thuật khu vực Việt Bắc thành công tốt đẹp.

05

Tổ chức thành công các cuộc thi: Cuộc thi sáng tác văn học chủ đề **“Bắc Ninh trong hành trình xây dựng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương”**; Cuộc thi Cây bút tuổi hồng lần thứ 5 năm 2023 với chủ đề: **“Chúng em chung tay bảo vệ môi trường”**; Cuộc thi Sáng tác biểu trưng (logo) Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh; Cuộc thi sáng tác Ảnh nghệ thuật chủ đề **“Nét đẹp miền Quan họ”**.

06

Phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng sáng tác (Bộ Văn hóa Thể thao & Du lịch) mở Trại sáng tác tập trung tại Nhà sáng tác Đà Nẵng với 15 hội viên tham gia (từ ngày 12/4/2023 - 26/4/2023) đã sáng tác được 164 tác phẩm, trong đó có 01 ca khúc; 02 tác phẩm mỹ thuật; 12 bức ảnh nghệ thuật; 02 tác phẩm truyện thơ; 132 bài thơ; 03 tác phẩm lý luận phê bình; 03 truyện ngắn; 04 bài viết về VNDG.

07

Tổ chức cho các Chi hội Sân khấu, Văn xuôi, Thơ, Mỹ thuật, Âm nhạc, Văn nghệ dân gian đi thực tế sáng tác (128 hội viên tham gia) tại các tỉnh Lào Cai, Hòa Bình, Sơn La, Quảng Ninh; Tổ chức cho BCH và các đồng chí Chi hội Trưởng, Phân hội trưởng về nguồn, báo công dâng Bác tại Khu di tích lịch sử Cách mạng Pác Bó, Cao Bằng.

08

Tham gia Liên hoan, Triển lãm Mỹ thuật khu vực đồng bằng sông Hồng lần thứ 28 tại Hưng Yên với 20 tác phẩm của 18 tác giả; Liên hoan Ảnh nghệ thuật khu vực đồng bằng sông Hồng lần thứ 25 tại Thái Bình với 21 tác phẩm của 10 tác giả.

09

Tổ chức Trại sáng tác Mỹ thuật với chủ đề sáng tác: **“Bắc Ninh trong em”** với sự tham gia của 30 em học sinh trường Văn hóa nghệ thuật & Du lịch tỉnh và CLB Hello Art nhằm bồi dưỡng và phát hiện tài năng trẻ trong lĩnh vực hội họa; tổ chức Trại sáng tác Văn học bồi dưỡng năng khiếu trẻ chủ đề: **“Chúng em chung tay bảo vệ môi trường”**.

10

Bám sát sự chỉ đạo của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và định hướng tuyên truyền của Sở Thông tin - Truyền thông, Tạp chí Người Kinh Bắc đã tổ chức biên tập, xuất bản và phát hành 12 số Tạp chí trong năm đảm bảo đúng kế hoạch. Góp phần quan trọng trong công tác tuyên truyền, góp phần ổn định đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân và quảng bá hình ảnh vùng đất, con người Bắc Ninh, Kinh Bắc tới độc giả./.



NGHỆ NHÂN ƯU TÚ NGUYỄN ĐĂNG CHẾ NGƯỜI DỤNG CÔNG SƯ TÂM, BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN TRANH DÂN GIAN ĐÔNG HỒ

NHO THUẬN

Tranh dân gian Đông Hồ là một trong những dòng tranh dân gian Việt Nam có xuất xứ từ làng Mái - Đông Hồ. Nay thuộc khu phố Đông Khê, phường Song Hồ, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Trước kia tranh được bán ra chủ yếu phục vụ người chơi tranh trong dịp Tết Nguyên Đán, Thơ Tú Xương có nói đến tranh dân gian Đông Hồ về ngày Tết, như sau:

*"Đì đẹt ngoài sân tràng pháo chuột
Loẹt lòe trên vách bức tranh gà"*

Đó cũng là lí do minh chứng rằng, tranh dân gian Đông Hồ rất phổ biến trong

đời sống văn hóa tinh thần của người dân Việt Nam ta từ xưa.

Trước đây, làng tranh Đông Hồ có 17 dòng họ làm tranh. Sau năm 1945, dòng tranh dân gian Đông Hồ đã bị mai một dần, chỉ còn rất ít gia đình nghệ nhân duy trì nghề làm tranh. Cho đến năm 1990, cả làng chỉ còn 3 gia đình giữ được nghề, đó là các gia đình nghệ nhân: Trần Nhật Tấn, Nguyễn Hữu Sam và Nguyễn Đăng Chế, còn các gia đình khác đã chuyển từ làm tranh sang làm hàng mã và đến nay chỉ còn 2 gia đình, gồm các con cháu của gia đình cố Nghệ nhân



Nguyễn Hữu Sam và gia đình Nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế vẫn duy trì và phát huy tốt nghề làm tranh dân gian do cha ông để lại. Đặc biệt, trong đó Nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế là một trong số ít người đã dụng công sưu tầm tranh cổ và các bản khắc gỗ để bảo tồn, khôi phục và phát triển thành công dòng tranh dân gian đã được các thế hệ ông cha trao truyền.

Nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế, sinh ra trong một gia đình có truyền thống làm nghề tranh dân gian lâu đời, theo gia phả của dòng họ Nguyễn Đăng làng Đông Hồ thì đến đời nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế đã trao truyền nghề làm tranh qua 20 đời (hơn 400 năm). Ngay từ bé ông đã yêu thích nghề làm tranh và được ông nội, cha trực tiếp truyền nghề. Ban đầu ông chỉ phụ giúp cha pha hồ, quét điệp trên giấy dó và mang tranh ra sân phơi nắng, sau được học cách in tranh cho đúng màu sắc... để rồi tranh Đông Hồ đã gắn liền với tuổi thơ của ông và tình yêu nghề tranh truyền thống của quê hương đã đi suốt cuộc đời. Năm 1990, sau khi nghỉ hưu tại trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, ông Nguyễn Đăng

Chế về sống cùng con cháu tại làng Đông Hồ, nay là khu phố Đông Khê, phường Song Hồ, thị xã Thuận Thành. Hơn ba mươi năm xa quê nay về nghỉ hưu, cũng là thời điểm làng Đông Hồ có nhiều đổi thay, đời sống vật chất và tinh thần của người dân tuy đã được nâng lên. Nhưng sự chuyển đổi nhanh của cơ chế thị trường cũng đã tác động mạnh đến nghề truyền thống trong công việc sản xuất tranh dân gian Đông Hồ của làng nghề. Hợp tác xã (HTX) sản xuất tranh (theo kế hoạch thời bao cấp) đã tự giải thể, công cụ sản xuất (đồ nghề, những bản khắc gỗ in tranh...) của nhà ai xưa góp vào HTX, nay trả lại nhà ấy. Phần lớn các gia đình chuyển sang làm hàng Mã hoặc đi làm lò gạch ở bên bãi ngoài sông Đuống. Những nghệ nhân cao tuổi trong đó có ông vẫn đau đầu với nỗi lo mai một nghề làm tranh dân gian truyền thống của quê hương, những bức tranh cổ, bản khắc cổ và những bản khắc, tác phẩm được sáng tác theo đề tài, nội dung mới (tuyên truyền bình dân học vụ, sản xuất



và chiến đấu...) thời kỳ kháng chiến chống Pháp và đấu tranh đánh đuổi đế quốc Mỹ, nay cũng đành bỏ xó. Đầu năm 1991, ông Nguyễn Đăng Chế đã quyết định dốc hết số tiền dành dụm được trong quãng đời dạy học để mua lại những bản khắc gỗ, thứ được coi là đồ gia bảo của cha ông để lại mà nay các gia đình nghệ nhân trong làng muốn bán cho du khách, nhà sưu tầm đồ cổ trong và ngoài nước để lấy được một số tiền ít ỏi. Đặc biệt, ông còn bỏ bao công sức, thời gian để sưu tầm, tìm kiếm được hơn 100 bản khắc cổ với niên đại trên dưới 200 năm, hàng ngàn bản khắc mới gồm bản nét và bản màu tranh lẻ và tranh bộ (được khắc sau năm 1945) với gần 200 mẫu tranh các loại. Trong đó, sưu tầm khắc lại bản gỗ theo mẫu của cố nghệ nhân Nguyễn Đăng Sần, gồm 4 bộ tranh: Quang Trung - Nguyễn Huệ, 4 bộ tranh: Lúa Ngô, Khoai, Sắn và 12 mẫu do ông Nguyễn Đăng Sần sáng tác những năm chống Mỹ (nội dung, đề tài mới). Năm 1994, mua lại của 10 gia đình nghệ nhân trong làng được 35 bộ tranh (riêng mua được của nhà nghệ nhân Lý Xuân Huân 26 bộ)... trong đó quý nhất là bộ tranh thờ gia tiên, đủ nguyên cả bộ gồm 26 bản khắc cổ. Ông cho biết, bản cổ đã cất đi và ông đã cho khắc phiên bản để dùng in tranh để bán.

Năm 2006, Nghệ nhân Nguyễn Đăng Chế cùng con cháu trong gia đình đã đầu tư xây dựng "Trung tâm Giao lưu văn hóa tranh dân gian Đông Hồ", trở thành nơi lưu trữ, trưng bày hàng nghìn bản khắc, hàng trăm bức tranh và hàng chục bộ tranh (tranh bộ) dân gian Đông Hồ cổ, trong đó có nhiều bản, bộ tranh và bản khắc gỗ quý hiếm. Trung tâm có các khu nhà trưng bày quy trình sản xuất giấy, khu in tranh, giã điệp và khu trưng bày sản phẩm làng nghề... Bên cạnh những bức

tranh truyền thống của cha ông trao truyền lại, còn có những tác phẩm mà các nghệ nhân làng tranh dân gian Đông Hồ sáng tạo, cải tiến về mẫu mã, nội dung để thích ứng với nhu cầu của thị trường ngày nay, trong đó có những tác phẩm của gia đình ông, như: Bộ lịch Tết (đề tài 12 con giáp), tem thư, sách bé tập tô, tranh bưu thiếp... nhưng vẫn giữ được hồn cốt của tranh dân gian, tranh điệp làng Đông Hồ.

Trong gần 20 năm qua Trung tâm giao lưu văn hóa tranh dân gian Đông Hồ của gia đình ông đã đón tiếp hàng nghìn lượt các đoàn khách trong nước và quốc tế tới nghiên cứu, tham quan tìm hiểu về dòng tranh dân gian Đông Hồ và mua những sản phẩm tranh do gia đình ông sản xuất ra. Bản thân ông cũng đã có nhiều lần được gặp gỡ, đón tiếp các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, nhà nước và các bộ, ban ngành TW đến thăm Trung tâm Giao lưu văn hóa tranh dân gian Đông Hồ của gia đình mình. Ông và con trai ông đã được mời tham gia nhiều Hội chợ, Triển lãm văn hóa trong nước và quốc tế (Nhật bản, Singapore, Trung Quốc, Hàn Quốc, Thụy Sĩ, Cộng hòa Áo...).

Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Đăng Chế và các thành viên trong gia đình ông không chỉ đã và đang sưu tầm, bảo tồn, khôi phục và duy trì sản xuất thành công nghề tranh dân gian truyền thống của quê hương, mà luôn có kế hoạch mở rộng quy mô phát triển, đã đạt được mức thu nhập ổn định và có thể khẳng định là đã sống được bằng nghề. ngoài ra, "Trung tâm giao lưu văn hóa tranh dân gian Đông Hồ" của gia đình ông còn tham gia tích cực, thực hiện các Đề án về hướng dẫn quy trình tổ chức sản xuất, dạy nghề cho con em địa phương. Ký kết hợp đồng với các công ty Du lịch giới thiệu chuyên đề về quy



trình sản xuất tranh và những giá trị văn hóa truyền thống của tranh dân gian Đông Hồ cho các đoàn khách lữ hành trong và ngoài nước. Nhiều Công ty Du lịch trong nước và Du khách nước ngoài đã đặt mua tranh với số lượng lớn của gia đình ông để xuất khẩu ra nước ngoài. Bên cạnh việc thường xuyên có sản phẩm phục vụ thị trường trong nước, gia đình ông còn đáp ứng tốt các đơn hàng theo hợp đồng xuất khẩu trực tiếp sang thị trường Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc, Đài Loan... Khu trung tâm giao lưu văn hóa tranh dân gian Đông Hồ của gia đình ông đã thực sự trở thành địa chỉ/điểm Du lịch cuối tuần của du khách trong và ngoài nước. Hàng năm cứ vào dịp Tết, các đài truyền hình, các báo đều về thăm gia đình ông để viết bài, làm phim về đề tài chơi tranh dân gian Đông Hồ ngày Tết và tuyên truyền giới thiệu về làng nghề, về câu chuyện sưu tầm, bảo tồn, sản xuất và phát triển tranh Tết làng Hồ - Đông Hồ xưa và nay...

Sáng ngày 11/7/2023, tác giả lại có dịp tới thăm "Trung tâm giao lưu văn hóa tranh dân gian Đông Hồ" của gia đình Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Đăng Ch�, được trực tiếp trò chuyện với Nghệ nhân, cụ đang ở tuổi 88, huy hiệu 65 năm tuổi Đảng, với vóc người nhỏ nhắn nhưng lão nghệ nhân vẫn nhanh nhẹn và mẫn tiệp. Vì đã gặp gỡ trao đổi sơ bộ từ trước, ông đã chia sẻ luôn về những dự định của mình trong việc tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và khôi phục lại những mẫu tranh mới mà nay mình mới có trong tay. Ông cho chúng tôi biết, vào những năm 2011 đến 2013 có một nhà sưu tầm, nghiên cứu văn hóa người Pháp - ngài Jean Pierre Pascal, thông qua Cơ quan phát triển Pháp (chi nhánh tại Hà Nội) thường xuyên thông tin liên lạc với "Trung tâm giao lưu văn hóa

dân gian tranh Đông Hồ" của gia đình ông và đã chuyển tới gia đình ông một bức thư, kèm theo một bộ sưu tập bằng hình ảnh (đợt 1 - 2013), gồm 27 mẫu, bức tranh dân gian Đông Hồ hết sức độc đáo, mà chưa từng có trong bộ sưu tập tranh của các nghệ nhân làng tranh Đông Hồ và dường như từ rất lâu không được khắc ván, in nữa.

Nội dung bức thư mà Nghệ nhân Nguyễn Đăng Ch� nhận được, có đoạn: "...xin chúc mừng ông về sự nghiệp vì tranh dân gian Việt Nam của ông. Nhân đó, chúng tôi công nhận tính thiết yếu của văn hóa tranh dân gian đối với sự tồn tại và phát triển của nước Việt Nam. Bắt nguồn từ sự tưởng nhớ tổ tiên, những hình ảnh này (tranh dân gian Đông Hồ) cho phép gợi cảm hứng cho các tác phẩm văn học lớn và hình ảnh truyền thống của Việt Nam, và truyền lại cho các thế hệ mới nguồn năng lượng và lòng hiếu thảo cùng sự năng động, là những cơ sở của sự phát triển bền vững...

... Những tác phẩm (tranh, mẫu) chúng tôi gửi tặng, hy vọng rằng ông và gia đình có thể tìm được cảm hứng từ cuốn sách (ảnh - tranh dân gian Đông Hồ) này, nhằm tái tạo và sáng tạo những hình ảnh mới có thể làm phong phú thêm truyền thống của tổ tiên...".

Sau khi tiếp nhận được số mẫu/ bức tranh trên, Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Đăng Ch� đã tiến hành khắc 27 mẫu, bức tranh trên chất liệu gỗ (cả bản nét và bản màu), sau đó in thành tranh hoàn chỉnh (có đủ cả phần thơ, chữ đề trên tranh) và gửi tặng nhà sưu tập người Pháp ấy chọn bộ 27 bức tranh và kèm theo một bức thư cảm ơn. Sau khi nhận được 27 bức tranh hoàn chỉnh (theo đúng tranh mẫu) do gia đình Nghệ nhân gửi tặng, trong thư cảm ơn (ngày 10/9/2015), ngài Jean Pierre Pascal cho biết: "...Tôi rất

thích 27 tấm tranh (rất đẹp) của đợt trước, do tôi chuyển về cho ông năm 2013. Tôi đã triển lãm những tranh này tại thành phố Lyon (Pháp) trong dịp Tết để cộng đồng người Việt (có cả đại diện Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp) cùng thưởng thức..."

Rồi một năm sau (đợt 2 - ngày 2/9/2014), ông lại nhận tiếp 56 mẫu tranh dân gian Đông Hồ nữa cũng do ngài Jean Pierre Pascal gửi từ Pháp sang. Đến nay nghệ nhân ưu tú Nguyễn Đăng Chế đã hoàn thành được 42/56 bản khắc gỗ (bản nét) và cho in đen trắng gửi tặng lại nhà sưu tập.

Tiếp tục ngay năm sau gia đình ông lại nhận tiếp (đợt 3 - 2015) một bộ sưu tập hình ảnh (nội dung, thể loại cũng là dòng tranh dân gian Đông Hồ) với khoảng 50 bức ảnh có nội dung đề tài vô cùng phong phú và hấp dẫn... Ông Chế cho biết, bản thân ông tuổi đã cao nên dần dần sẽ bàn giao những bộ sưu tập này cho anh con trai - Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Đăng Tâm quản lý và tiếp tục lựa chọn để phục chế thành các bản khắc trên gỗ (cả bản nét và các bản màu), rồi in thành phẩm ra những bức tranh hoàn chỉnh cho lưu hành, bảo tồn và phát triển vào những năm sau. Vì đây có thể nói là một Dự án quá lớn đối với ông từ trước đến nay và để thực hiện việc phục chế nhằm tái tạo những bức tranh cổ theo như những mẫu tranh dân gian Đông Hồ đã từng bị thất truyền, lưu lạc bên trời Tây, nay mới trở về với gia đình lão nghệ nhân - Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Đăng Chế, khi ông đã ở tuổi 90 thì sẽ là một việc khó kham nổi.

Đến nay trong số gần 150 mẫu tranh dân gian Đông Hồ mà Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Đăng Chế đã được nhà sưu tập, nghiên cứu văn hóa người Pháp - ngài Jean Pierre Pascal gửi tặng, ông cùng các thành

viên trong gia đình đã phục chế lại (hoàn thành cả phần khắc ván nét và các bản khắc màu) được khoảng gần 60 bức (theo như tranh mẫu), nay đã ra thành phẩm và chuẩn bị cho công bố, phục vụ khách đến tham quan, tìm hiểu. Trong đó có những bức tranh tiêu biểu, như: Cặp tranh "**Ông Tư và bà Nguyệt**"; cặp tranh "**Cô gái bắt cua và cô gái gánh nước**", "**Mẹ cho con bú**", "**Mẹ bầu bên con**", "**Bé cưới hươu**", "**Bé cưới gà**".

Theo Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Đăng Chế, đây là những bộ tranh rất độc đáo và quý hiếm thuộc dòng tranh dân gian Đông Hồ, mà ông lựa chọn riêng ra để làm trước, đã và đang được ông cho tiến hành khắc gỗ các bản khắc nét và dần dần cho khắc đủ các bản khắc màu (khoảng từ 5 - 6 bản với hàng trăm bản khắc các loại) rồi in trên giấy điệp, ra thành phẩm tranh hoàn chỉnh để phục vụ du khách chơi tranh trong dịp tết Giáp Thìn - 2024 tới.

Ông cũng cho chúng tôi biết thêm, các cơ quan hữu quan đang hướng dẫn ông kê khai lập hồ sơ đề nghị Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân trong đợt tới. Với năng lực trình độ của người nghệ nhân tài hoa, thành tích "đôi bàn tay vàng", Huy chương "Vì sự nghiệp bảo tồn di sản văn hóa dân tộc"... về những cống hiến bền bỉ không mệt mỏi cho sự nghiệp bảo tồn, gìn giữ và phát triển dòng tranh dân gian Đông Hồ của ông. Chúng tôi rất mong Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Đăng Chế sớm được nhà nước trao tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân, và nghề làm tranh dân gian Đông Hồ cũng sớm được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại./.

VINH DỰ ĐƯỢC GẶP TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

NGUYỄN ĐỨC TÚ

Một chiều trời se se lạnh. Tôi đang thiêm thiếp nằm ngủ, bởi ngoài kia giặc Covid 19 vẫn đang hoành hành. Chợt điện thoại nổi chuông, cầm nhìn thấy hiện lên hàng chữ “Trung - PGĐ SVH”. Đồng chí Xuân Trung - Phó Giám đốc Sở Văn hoá - Thể thao & Du lịch tỉnh Bắc Ninh giờ này điện cho tôi có việc gì nhỉ? “Alô, xin chào Trung! Anh Tú đây!” “Vâng xin chào nghệ sỹ! Có một việc các đồng chí lãnh đạo Sở muốn nhờ nghệ sỹ giúp”. “Vâng! Có việc gì đây ạ?” “Anh ơi, sáng 24 tháng 1 tới, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cùng Đoàn công tác đến thăm, chúc tết Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân tỉnh ta. Đoàn dâng hương tưởng niệm 8 vị Vua nhà Lý tại Di tích lịch sử Văn hoá Đền Đô. Lãnh đạo Sở muốn anh thể hiện Chúc văn dâng hương, có được không ạ?”. Nghe vậy mà tim tôi đã muốn nhảy khỏi lồng ngực, một thoáng ý nghĩ qua đầu: Cũng khó đây? Nhưng cũng thật vinh dự đây! Một cơ hội hiếm có của cuộc đời người nghệ sỹ. Tôi vui vẻ nhận lời và hứa sẽ hoàn thành nhiệm vụ các đồng chí lãnh đạo tin tưởng giao phó.

Đồng chí Xuân Trung còn cẩn thận dặn tôi trong những ngày này không đi đâu, không ra ngoài tiếp xúc với mọi người và hãy giữ gìn sức khoẻ (Tôi biết là Xuân Trung lo tôi bị lây nhiễm Covid). Ngày 24/1 còn một tuần nữa, ngay ngày hôm sau tôi đã nhận được bài Chúc văn qua Email lập tức in và chú tâm nghiên cứu thể hiện từng chữ, từng câu. Đây là Chúc văn dâng hương, giọng đọc thể hiện phải rõ ràng, mạch lạc, nhấn nhá câu chữ trầm bổng, dịu mà vẫn uy nghiêm khác với đọc diễn văn hoặc Văn tế... Tôi bật máy cầm micro đọc thử nhiều lần, dùng điện thoại quay khi tập thể hiện từng chi tiết: Cúi chào Đoàn, bước lên phía Đền thờ làm lễ ba vái rồi mở đọc... nghĩa là từng chi tiết phải tập luyện thuần thục. Tôi nhớ có một câu mà tôi phải tập đi tập lại nhiều nhất “... do đồng chí Nguyễn Phú Trọng - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam...” đọc họ tên Bác làm sao vừa triu mến, lễ phép nhưng vẫn toát lên được lòng kính trọng, uy nghiêm với lãnh tụ và Đảng. Tôi cũng đã mở clip bài Chúc văn của NSND Lê Tiến Thọ thể hiện khi đồng chí Tổng Bí

thư Đỗ Mười cùng Đoàn lãnh đạo Đảng và Nhà nước dâng hương tại Di tích lịch sử Văn hoá Đền Hùng (Phú Thọ) để nghiên cứu học theo. Tự tập được hai hôm thì đồng chí Xuân Trung hẹn tôi ra Di tích Đền Đô để tập khớp với các cụ, đặc biệt là bộ phận trống chiêng phụ họa. Ban Tổ chức yêu cầu tôi đọc giữ tiết tấu chậm, để nghe, cũng tập được hai buổi thấy hòm hòm tạm ổn. Hôm đến thăm hỏi chú ruột tôi là cụ Nguyễn Đức San bị mệt, cụ năm nay 94 tuổi phần khởi chỉ lên tám Bằng 55 tuổi Đảng. Tôi cũng vui khoe là đến 24/1 được giao đọc Chúc văn dâng hương tại Đền Đô có Tổng Bí thư và Đoàn lãnh đạo Đảng và Nhà nước thăm Bắc Ninh tới dâng hương. Nghe vậy, cụ mừng rạo rỡ liền ngồi dậy nắm tay tôi: “Vinh dự lắm đấy con à! Năm nào đấy (2012) con đã được Chủ tịch nước Trương Tấn Sang tận tay trao bằng Danh hiệu Nghệ sỹ Ưu tú tại Nhà hát lớn Hà Nội. Năm nay lại được đọc Chúc văn khi Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng dâng hương, tự hào lắm, con là nhất nhà ta, cố gắng lên nhá!”.

Một sự cố xảy ra tưởng chừng tan tành niềm vinh dự của tôi. Đó là trước một ngày, ngày 23/1 tôi được thông báo: Trung tâm Y tế thành phố Từ Sơn thành lập Tổ công tác đặc biệt đặt tại UBND thành phố để test Covid cho tất cả các thành phần, các bộ phận có trách nhiệm tham gia sự kiện sáng ngày 24/1 tại Di tích Đền Đô. Tôi vui vẻ tới địa điểm và test, đến trưa hôm đó tôi nhận được điện thoại bên Y tế báo: “Ông Nguyễn Đức Tú đã bị nhiễm Covid!”. Tôi choáng váng... thôi thế là hết! Cả tuần tập luyện, nghiên cứu và điều quan trọng hơn

là tôi mất đi cơ hội được thể hiện, được gặp Tổng Bí thư - Một vinh dự hiếm hoi của cả cuộc đời hoạt động VHNT - Vậy là giặc Covid đã đánh gục tôi, cướp đi niềm vinh dự của tôi. Sau đó tôi lại nhận được điện của y tế mời tôi 15h chiều ra trực tiếp Đền Đô để test lại, vì lúc sáng là test nhóm. Lại có chút hy vọng rồi! Tôi rời nhà đi ngay, test xong vừa về nhà cởi bỏ đồ thì lại nhận được điện: “Mời ông Nguyễn Đức Tú tới Đền Đô để test”, “Tôi vừa test xong về nhà rồi mà”, đầu máy bên giải thích “Vâng vừa rồi test nhưng tới 21h tối nay mới có kết quả, trường hợp của ông là đặc biệt, các đồng chí lãnh đạo lo nếu ông bị nhiễm Covid thì người thay thế đọc Chúc văn sẽ không kịp, ông tới để test nhanh lấy kết quả ngay ạ”. Tôi lại lập tức tới test ngay, Bác sỹ bảo tôi ngồi chờ khoảng 15 phút là có kết quả. Tôi thấy các đồng chí lãnh đạo thành phố đều có mặt ở Đền để chỉ đạo. Một lát sau, đồng chí Lê Xuân Lợi - Tỉnh uỷ viên - Bí thư Thành uỷ - Chủ tịch HĐND thành phố Từ Sơn trực tiếp đến bắt tay và chúc mừng tôi: “Chúc mừng Bác! Kết quả test không bị lây nhiễm, Bác về nghỉ ngơi cho khoẻ để sáng mai hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Vậy là ba lần test kết quả hoàn toàn yên tâm! Thật không gì vui hơn, tối đó tôi đi ngủ sớm hơn mọi ngày.

Như đã hẹn, trước 6h sáng ngày 24/1 tôi đã có mặt tại Đền. Như được các vị Vua linh ứng phù trợ, thời tiết sáng nay rất đẹp. Các cụ trong đội Tế của phường Đình Bảng cũng đã có mặt đông đủ. Chúng tôi thay trang phục, ngắm vuốt nắn nót từ ve áo, mép mũ đến đôi hia cẩn thận hơn, xong tập trung trước sân nhà Đền tập lại lần cuối.

Ban tổ chức lại yêu cầu tôi xem lại Chúc văn đã chỉnh sửa và tiết tấu đọc nhanh một chút vì lo cho bác và Đoàn đứng lâu. Bỗng đồng chí trong Ban Tổ chức từ ngoài chạy vào hô lớn: “Đồng chí Tổng Bí thư đến rồi! Đoàn đến rồi!”. Lập tức trong sân Đền im phăng phắc, các bộ phận đã được quy định trở về đúng vị trí. Chúng tôi đều hướng ra cổng chính, ai cũng tự cảm thấy mình sẽ là người đầu tiên nhìn thấy Tổng Bí thư. Bác đây rồi! Những năm tháng qua tôi chỉ nhìn thấy bác trên các phương tiện thông tin... phút này, giờ này được trực tiếp thấy bác. Tôi vô cùng hồi hộp... hít một hơi dài thở nhẹ để lấy lại bình tĩnh, tôi bước lên cúi đầu kính chào bác và Đoàn, xúc động bước lên phía micro thể hiện bài Chúc văn “... Trân trọng kính mời đồng chí Nguyễn Phú Trọng - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam lên dâng hương!...”. Tôi như bị ngợp giữa rừng máy ảnh, các nghệ sỹ nhiếp ảnh ai cũng muốn có bức ảnh đẹp nhất, ưng ý nhất về bác, một lúc sau tôi mới hoá được Chúc văn. Thắp hương làm lễ xong, bác cùng Đoàn bắt tay thăm hỏi các cụ, thăm gian hàng tranh dân gian Đông Hồ của gia đình Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Thị Oanh và vào nhà khách Đền nghe các nghệ sỹ Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh đón bác bằng những câu ca đằm thắm, thiết tha.

Chúng tôi nhanh chóng thay đổi trang phục trở lại trước cửa nhà khách chờ bác ra. Lúc này tôi nhận được những cái bắt tay của các đồng chí lãnh đạo chúc mừng tôi: “Chúc mừng nghệ sỹ đã thể hiện bài Chúc văn rất tốt”, tôi khiêm tốn cảm ơn và giờ mới cảm nhận điều mình thể hiện đến

với mọi người. Bác từ trong nhà khách ra, chúng tôi đứng dưới sân quay quần thành vòng cung vỗ tay đón bác. Gia đình Nghệ nhân Ưu tú Nguyễn Thị Oanh lên xin phép được chụp ảnh lưu niệm với bác. Xong, rất nhanh tôi mạnh dạn bước lên nói nhanh “Thưa bác! Cháu hôm nay rất vinh dự được đọc Chúc văn, xin được chụp ảnh với bác ạ!”. Bên ngoài nhiều tiếng nói đồng tình “phải đấy” “xứng đáng lắm chụp ảnh với bác đi”. Qua ánh mắt, bác nhìn tôi hiền từ nở nụ cười và gật đầu, tôi sung sướng đứng bên cạnh bác... thời khắc chỉ tính bằng giây. Niềm hạnh phúc, vinh dự, tự hào dâng trào, in đậm trong tôi suốt cuộc đời người nghệ sỹ. Bác lên xe, những chiếc xe từ từ chuyển bánh rồi đi nhanh, nhìn chiếc xe cuối khuất khỏi cổng Đền về hướng thành phố Bắc Ninh. Bất giác tôi và Xuân Trung cùng đưa tay bắt nắm chặt: “Chúc mừng anh đã hoàn thành nhiệm vụ!”. “Xin cảm ơn các đồng chí lãnh đạo! Chúc mừng đã hoàn thành nhiệm vụ”. Tôi và Xuân Trung đều nở nụ cười tươi, ôm nhau thắm thiết.

Rời khỏi di tích Đền Đô, cảm xúc kỳ lạ vẫn dâng trào trong tôi. Buột miệng, tôi hát to câu Tuồng mà ngày đầu tiên cô giáo dạy tại trường Đại học Nghệ thuật Sân khấu & Điện ảnh Hà Nội:

Rất đẹp - Rất đẹp!

Nên hay - Nên hay!

Từ ngày ta có Đảng

Được no ấm muôn phần

Nhờ ơn Bác, có ngày nay

Học nghề xưa, tìm vốn quý!.

CHỢ TẾT

NƠI QUÊ



TRẦN VIỆT HOÀNG

Những cơn mưa báo xuân rắc bụi, thứ bụi lất phất bay bay giữa bầu trời mênh mênh mông mông rồi man chạm vào lòng người biết bao xúc cảm và ý nghĩ. Đi dưới trời mưa xuân, ta chẳng mấy khi cần tới một manh áo mưa, mà chỉ cần một chiếc áo đủ ấm, một chiếc nón quai thao mòn cũ của mẹ đã qua bao mưa nắng ruộng đồng. Gió xuân lên trong hơi mưa phùn ẩm áp, gió đông cuối mùa vẫn đủ sức làm lòng người run run. Hai loài gió ấy cứ hòa quyện vào nhau để lí giải cho niềm lòng người ta buổi giao mùa, đổi năm. Ta nhắm nháp một ngụm trà vừa đun, để nhuộm cho hơi thở thêm ấm và thơm thơm. Miên theo lối cũ rêu phong để hòa vào dòng người vội vã đường quê, rồi xuống chợ quê ngày giáp Tết...

Xa quê bao năm, những mùa xuân kia vì dịch bệnh mà ta chẳng thể về quê đón Tết. Nơi miền tha hương ấy, dấu đất trời vẫn chạm lầy hồn sắc mùa xuân nhưng ta vẫn cứ như là một khoảng lặng đầy trống

vắng. Để rồi xuân này, khi được hồi hương, ta không thể nào dấu được niềm xúc động khi về làng, thấy làng trong bóng tre xưa cũ ta đã rung rung.

Phải vậy, chợ quê trong mỗi con người chính là một biểu tượng đặc sắc cho văn hóa làng quê. Nơi đó phản chiếu sống động mức sống của người dân, cũng như bao câu chuyện văn hóa đã được hình thành, kết tụ, và gìn giữ tự bao đời. Mang tâm thế của người con xa quê đi chợ Tết lòng ta đã tự bao giờ mà rộn ràng, mà hòa mình với cung nhịp thêm xuân. Nhưng nhịp lòng ấy không vội vã, nó nhẹ nhàng như cách vẫy của một cánh bướm, cách khe khẽ nở của một bông hoa, cách vỡ bung của một giọt sương đang đọng mình trên nõn lá...

Dấu đông vẫn còn, gió rét làm lạnh ngăn những khuôn mặt người chợ. Nhưng cái lạnh ấy đâu đủ mãnh lực để làm che khuất ở họ những niềm vui, những nụ cười ngày chợ giáp Tết. Nụ cười tỏa ra hương

vị mùa xuân nồng ấm, hương vị của hạnh phúc người chợ quê nghĩa tình. Chợ Tết làm ta nhớ về những tháng năm xa xôi trong khoảng trời kí ức. Có phiên chợ Tết của ngày cuối năm nào mà ta không nũng nịu vào áo mẹ, theo mẹ ra chợ chuẩn bị cho Tết. Ta háo hức nô đùa với bao thức đồ mà người ta bày bán ở chợ Tết. Đặc biệt là vôi vĩnh bằng được với mẹ những bộ quần áo mới. Tháng năm ấy ta đâu biết thấu cảm cho nỗi niềm buồn nơi chợ của kẻ bán người mua, ta vô tư con trẻ tựa như những con cún con ngoan ngoãn đầu chợ, nằm co ro trên mẹt rom vàng, bị tách mẹ để đến nhà người khác mà chẳng hề hay biết... Để rồi, những kí ức ở chợ Tết nơi quê đã trở thành một nét chạm khắc trong tâm hồn, bồi đắp những mảng màu ấu thơ nghèo khó nhưng hết đời hạnh phúc.

Đến bây giờ, khi đã trải qua nhiều thăng trầm trong cuộc sống. Những sự từng trải vừa lặng im trong vốn lòng vừa khả lộ thành nét mặt, dấu vẫn biết phía sâu trong ta luôn có bóng hình của đứa trẻ con ngày ấy nhưng giờ đây ta đâu còn có thể trở lại với phong vị ấu thơ xưa một cách trực diện. Trái tim ta vì thế đã trở nên đa cảm hơn với mọi thứ xung quanh. Ta lặng lẽ trông ngắm những hàng lá dong mỏng mảnh năng chặt, là những rổ hành ta, hành tím còn tươi dẫu màu đất nâu. Biết bao loại rau vụ đông, mà người quê xuống luống từ độ tháng mười để chuẩn bị cho rau Tết. Góc kia là những đàn gà, vịt, ngan, ngỗng... con nào con nấy lông phủ óng mượt dù chưa qua hẳn mùa rét. Là những bó mùi gai thơm thơm... Ta chợt nhớ lời mẹ tự xưa: chợ quê bao năm vẫn vậy, đặc biệt khi xuân về, người quê mỗi người

một thứ, góp cho chợ Tết một sắc màu, mà sắc màu ấy xuất phát từ chính tấm lòng thơm thảo của mình, không khí chợ ấy thế mà chộn rộn.

Người ta đến với chợ Tết như để kí mình vào những nét đẹp văn hóa xưa cũ. Ở chợ quê những ngày này rộn ràng không khí gặp gỡ. Bao năm xa quê nay mới có dịp trở về, chưa có thời gian hạnh ngộ người quen, nhưng tình cờ thay khi ta hòa mình vào lòng chợ Tết ta được gặp lại họ trong sự bất ngờ và niềm xúc động khó tả. Chợ Tết ấy thế mà trở thành cầu nối để tình quê, tình người ấm áp, yêu thương, để những con người tha hương chia sẻ, lắng nghe, san sẻ những niềm vui nỗi buồn, tâm sự bao năm, rồi cùng nhau nhìn về phía mùa xuân...

Mùa xuân đã điểm sắc cho gương mặt của mình bằng bao sắc hoa. Vì vậy mà chợ quê ngày Tết cũng chẳng thể nào thiếu được một khoảng không gian để trưng hoa, bán hoa. Hoa từ những vùng lân cận được thương lái chuyên chở về, hoa do những người dân quê tỉ mỉ trồng được và đem lên chợ trưng bán. Bao nhiêu loài hoa là bấy nhiêu phong sắc, là cả những câu chuyện ý vị về lao碌, về tình yêu, về sự chăm chút hương sắc cho cái Tết. Và đặc biệt là những cây đào, cánh hoa phớt hồng mong manh đã bung sắc trong mưa phùn. Đào Tết luôn là một thú chơi thanh nhã mang một ý niệm đẹp đẽ về cái đẹp, về cuộc đời. Nhưng thử hỏi rằng người chơi đào có bao giờ đem lòng ra mà ngắm ngợi về nó không? Những cành đào đẹp lao碌 cả năm dài để hiến dâng sắc hương cho những ngày Tết. Đào buộc phải rời cành, rời gốc để phục vụ cho người, vết dao chặt đào còn lẹm nguyên ở

đó, nhựa đào liệu đã đủ phủ lên vết chặt để làm dịu vết xót. Góc nào đó của những mắt đào nâu nâu, mầm non đang vươn mình chực dậy, để rồi mà non xanh, mà hướng đến một mùa hoa xa xôi. Đào làm ấm hơi xuân cho chợ Tết, cho căn nhà người quê ta, có đào như thể có những điềm sắc về sự bình an, may mắn cho một mùa xuân mới. Và rồi khi Tết vẫn, độ ra Giêng vài tuần, cảnh đào dù đẹp đến mấy người ta cũng đem đi vứt nó ở một góc đường. Chợ Tết vội vã những ngày cuối năm là thế, nhưng những phiên họp cuối cùng thời gian như chậm lại, góc chợ trở thành một không gian cuộc sống sâu lắng. Những người bán hoa, đặc biệt là những gốc đào đôi mắt họ nhuốm đầy nỗi niềm, một nỗi buồn thoáng nhẹ, một sự hi vọng đến những khoảng khắc cuối cùng. Ta lại chùng lòng, cảm thương những cành đào ở chợ, thương lẽ sống và vòng đời của nó, rồi cũng đem lòng thương lấy những người trồng đào, bán đào ở phiên xuân...

Hương trầm thơm nghi ngút, những hàng hương ở chợ bao năm nay vẫn vậy, đông đúc và nhiều kiểu loại. Họ vừa bán vừa thấp những nén trầm hương bên cái lư cuối cạnh gian hàng. Một sự nguyện cầu bán mua may mắn hay chẳng là một phương cách để họ góp cho chợ quê ngày Tết một sắc hương thơm trầm thản. Mùi hương trầm xông vào mũi người làm ta nôn lòng xúc động, rồi mừng về những người thân của ta đã rời xa ta, về với mệnh mông của đất mẹ, với xanh thăm thẳm của chốn

cỏ sắc. Ta nghĩ về nguồn cội, gốc gác, về những giá trị văn hóa tâm linh ngày xuân đẹp đẽ của người mình.

Mùa xuân mới đã về với chợ quê, năm mới chẳng còn xa xôi với nỗi chờ mong của con người nữa. Ta đi trong những nẻo chợ, lối chợ xưa cũ mà hiểu hơn tình tứ ngày sắp xuân. Chợ quê ngày Tết, nói đúng hơn là những phiên chợ cuối năm để chuẩn bị cho Tết đã trở thành nơi để yêu thương lan tỏa, kết nối bện chặt, hồi ức xưa cũ mơn man rồi sống động, nó làm sâu thẳm cho hồn người, tình người. Chợ quê với những con người, những cuộc đời đã gieo hạt nơi thềm mùa xuân để hi vọng về một mùa xuân ấm áp, một năm mới tràn đầy hạnh phúc, an lành. Về quê ăn Tết, để biết không nơi nào bằng nhà mình, không vùng đất nào bằng quê mình, không gian hàng hay nào bằng chợ mình. Ta yêu nó, trân quý nó để yêu mãi những giá trị bình dị, chân chất mà thấm đượm tình quê. Bởi thế, đi chợ ngày Tết sau bao năm xa, nhiều khi chẳng cần mua gì, chỉ là đi để chạm vào hồn xuân, sắc Tết nơi cái chợ nhà quê thân thuộc./.



MỘT NỐT TRÂM XAO XUYỀN

(Giải Nhì)



NGUYỄN THỊ HẰNG

Nơi tôi ở là một thị trấn sầm uất. Những dãy hàng quán hiện đại tới nào cũng sáng trưng, nườm nượp khách. Tôi vốn bận rộn nhưng thi thoảng tự cho phép mình nhâm nhi ly cà phê trên tầng thượng một quán quen. Từ tầng thượng, tôi thường ngắm phía tây thị trấn - nơi có đô thị mới với những dãy biệt thự liền kề, trung tâm thương mại, trung tâm văn hóa, công viên, sân bóng... Ai ở xa về đều ngỡ ngàng trước đổi mới ngoạn mục trên mảnh đất chiêm trũng ngày xưa. Còn tôi, ngày ngày sống và làm việc tại đây lại ngỡ ngàng khi phát hiện phía đông thị trấn có tiệm cà phê Bao cấp.

Đúng với tên gọi của nó, tiệm Bao cấp mang đậm phong cách những năm 76 - 86 của thế kỉ trước. Không gian trầm mặc, vật dụng xưa cũ, những làn điệu Quan họ quen thuộc vang nhỏ từ chiếc loa phát thanh đủ hấp dẫn tôi ngay. Tôi gọi một ly nước cam - niềm mơ ước thời bao cấp. Cô chủ tiệm chừng ngoài sáu mươi, nền nã, đảm

thắm. Tiệm chưa đông khách. Tôi đánh bạo hỏi về chiếc mâm gỗ viết phấn: “Nhất gạo, nhì rau, tam dầu, tứ muối”. Cô chủ nhiệt tình giới thiệu chiếc mâm tuy giản dị nhưng gắn bó mật thiết với đời sống hàng ngày của con người. Nó luôn gợi nhớ về những bữa cơm gia đình ấm cúng và chan chứa tình yêu thương. Ngày trước, người ở quê thường dùng mâm gỗ. Những chữ viết tay trên mâm chứa đựng một phần ký ức lịch sử dân tộc thời bao cấp. Nghèo đói nhưng luôn kiên cường, đùm bọc nhau. Chiếc mâm hình tròn như sự tròn trịa trong ứng xử của người Việt mình. Thấy tôi để tâm lắng nghe, cô tiếp tục kể cả khung trời kỉ niệm.

Hai mươi tuổi, học xong lớp sơ cấp mậu dịch, cô chính thức vào nghề. Công việc hàng ngày của cô là pha lọc, bán thịt. Ai được mua là phúc đời. Khối người xếp hàng từ tờ mờ đến trưa trật vẫn phải về không khi mậu dịch viên nói: “Hết hàng”. Uy quyền của mậu dịch viên làm biến người chen chúc vừa mong tới gần lại vừa lo sợ.

Người mua rí tai nhau: nghề mậu dịch viên thật sướng. Cười ra tiền, nói ra vàng. Nhà ai có một mậu dịch viên thì yên tâm ăn no mặc ấm. Nhưng chẳng ai biết nghề mậu dịch viên cũng lắm gian truân. Ăn nửa bữa, ngủ nửa



giác vì bận hơn nuôi con lợn. Mọi cử chỉ, hành động, lời nói đều được các camera chạy bằng cơm độn khoai, độn sắn... ghi lại, truyền đi nhanh hơn loa phát thanh. Làm nghề sáu năm thì cả sáu năm cô không được đón giao thừa cùng gia đình. Bù lại, cô có khoản vốn kha khá. Cộng vẻ ngoài ưa nhìn, cô có hàng tá người theo đuổi: bác sĩ, sĩ quan, thẩm phán, con ông nọ bà kia... Nhưng cô chỉ ưng anh thương binh cùng làng.

Hồi nhỏ, một lần chơi trò đánh trận giả, vai cô bị trúng đạn - cục đất to bằng nắm đấm. Điếng người trong tích tắc rồi cô òa khóc. Chú thấy thế bèn ra hiệu cho cả đám dừng chơi. Chú bắt thằng địch xin lỗi cô. Nó còn phải đền tội với cô bằng chùm ổi hái trộm. Sau lần ấy, cô để ý chú. Thời trẻ trâu đi qua, ai rồi cũng lớn. Trước hôm chú nhập ngũ, cô sang chơi. Mang theo chiếc khăn tay rồi lại mang về vì ngại. Mấy tháng sau chú gửi thư cho cô. Đi lính làm chú bạo

dạn hơn hay sao mà tình trong như đã mặt ngoài giờ mới hết e. Cô học hết cấp ba thì vào trường mậu dịch và đợi... Chú tham gia trận Biên giới phía Bắc năm 1979, trúng đạn ở chân phải, đúng khớp gối. Một năm sau, chú ra quân, làm công cho trang trại họ hàng xa tận ngoài đê. Chú muốn làng tránh điều gì sau vết thương nhức nhối?

Những ngày nghỉ, cô sang thăm nhưng chú tuyệt nhiên không đã động chuyện yêu đương, cưới hỏi. Chú có khổ tâm riêng nên đành lòng vậy, cầm lòng vậy. Cô giờ là mậu dịch viên danh giá, hình mẫu lý tưởng của trăm người. Chú là thương binh, bước không vững thì biết làm sao để bảo toàn hạnh phúc cho người chú muốn cưới làm vợ. Không. Không nên làm người con gái trong tim phải cơ cực vì mình. Chú nghĩ vậy nên tỏ ra dửng dưng, lạnh nhạt. Đó là cách duy nhất chú bảo vệ cô, nâng niu cô lúc đó. Cô không thể chủ động mãi với người làm ngơ. Hai mươi sáu tuổi, cô bằng lòng lấy anh làng bên, vừa về từ Nga. Ngày



cô cưới, chú ngồi cả buổi ngoài triển đê, uống rượu sông. Thật đúng là bậc thang càng cao lúc ngã càng đau.

Cưới xong, cô sang Nga cùng chồng như để quên đi nơi cũ, người cũ. Rồi cô lần lượt sinh ba con gái. Cuộc sống nơi xa xứ không sung sướng như cô và người ở nhà vẫn nghĩ. Đồng tiền tuy dư dả hơn trong nước, nhưng đầm nước mắt, mồ hôi. May thay, chồng cô là người nhạy bén nên kinh tế dần khá hơn. Cuộc sống lẽ ra cứ thế mà trôi. Đột nhiên chồng cô bị tai nạn qua đời. Hành trình làm mẹ của cô chưa bao giờ gian truân hơn thời điểm ấy. Một bên là nỗi đau mất mát, một bên là ba đứa con thơ. Mùa đông ở xứ Bạch Dương lạnh cắt da cắt thịt. Những trận bão tuyết vùi lấp những con đường, những cánh đồng, những kè sinh nhai... nhưng không tê tái bằng những đêm cô trần trọc đến sáng. Gắng gượng mãi rồi thì cũng ổn. Cuộc sống lại lẽ ra cứ thế mà trôi. Chẳng ngờ đại dịch Covid bùng phát toàn cầu. Cô không muốn bỏ mạng nơi đất khách nếu tình huống xấu xảy ra - dấu đã ở Nga hơn ba mươi năm. Cô nhớ bố mẹ, anh chị, họ hàng, nhớ tuổi thanh xuân có vui, có buồn nhưng tựu chung là bình yên. Quê hương mỗi người chỉ một. Sau tất cả, cô quyết định dẫn các con hồi hương.

Ở quê, bố mẹ cô có nhà cửa, sân vườn khang trang nhưng cô vẫn muốn tạo dựng cuộc sống riêng để các con tự lập, trưởng thành. Cô định mua một ngôi nhà nằm đúng chỗ cô làm mật dịch viên ngày trước, mở quán cà phê Bao cấp gọi nhắc cho thế hệ trẻ hôm nay về một thời đất nước đã đi qua. Ý định của cô ngay lập tức bị nhiều người dèm pha. Người ta không sống nổi

mới phải bán căn nhà đó; hàng quán hiện đại giờ nhan nhản, ai vào quán Bao cấp làm gì; tìm chỗ nào đất vượng mà mua... Mỗi người một lý, mà lý nào cũng có phần đúng. Chẳng nhẽ cô sai ư? Cô mở lại từng trang đời mình. Nước Nga xa xôi như thế, nhiều bất cập về ngôn ngữ, văn hóa như thế mà cô vẫn khắc phục được, làm ăn được. Đặc biệt là từ ngày chú đi, khó khăn chồng chất khó khăn nhưng cũng không quật ngã được nghị lực của cô. Vậy thì, những khó khăn trên quê hương có đáng để cô từ bỏ mong muốn của mình? Ngày xưa, cô làm chính chỗ ấy, vẫn tích được khoản vốn khá đầy thôi. Vượng hay lụi do người, không do đất. Hãy sống cho ra sống, hãy làm cho ra làm. Đây là cách tôn trọng bản thân, cũng là cách góp sức cho quê hương. Trên kẽ đá chênh vênh vẫn có đóa hoa cứng cáp, kiên cường. Dưới mặt đất mỡ màu vẫn có đóa hoa úa tàn, dập nát.

Thế là cô quyết định mua. Ngôi nhà cách nhà bố mẹ cô hơn ba ki-lô-mét. Sau ba tháng sửa sang, thiết kế... ngôi nhà ấy được cải tạo thành tiệm cà phê Bao cấp này. Trong tiệm, những vật dụng xưa cũ được bài trí tinh tế, gọn gàng. Mấy bức tranh Đông Hồ: **Đám cưới chuột, Chăn trâu thổi sáo, Thầy đồ cóc...** được treo so le trên bức tường màu vàng, bên phải. Đối xứng với tranh Đông Hồ là giấy chứng nhận sở hữu xe đạp, bộ sưu tập tem phiếu mua hàng. Tường bên trái treo đàn ghi-ta, đàn nhị, đàn bầu, kèn, sáo... Tường chính giữa, vị trí trang trọng nhất treo bức tranh to có ảnh Bác Hồ và khẩu hiệu "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Khẩu hiệu này chẳng những có ý nghĩa trong thời bao cấp

mà nó còn nguyên giá trị ở bất cứ thời đại nào, dân tộc nào, con người nào. Bác Hồ của chúng ta thật đúng là danh nhân văn hóa nhân loại. Dưới bức khẩu hiệu là tù bích phê. Đai cát sét, đèn măng xông, ti vi đen trắng, lọ hoa... được xếp đặt hài hòa trên tủ. Trước tủ là bộ bàn ghế gỗ, đệm ghế làm bằng vỏ chăn con công. Mặt bàn bày bộ ấm tích, giỏ ủ, bình vôi... Sự sắp xếp tỉ mỉ cho thấy chủ nhân của tiệm rất tử tế và trân trọng quá khứ.

Tiệm có thêm nhóm khách nhưng cô chủ quán chưa vội đứng dậy. Một em gái chừng ngoài hai mươi, niềm nở hướng dẫn khách chọn đồ uống. Đó là con gái út của cô. Con gái cả và con gái giữa đảm nhiệm việc pha chế. Tiệm vừa là miền kỷ niệm, vừa là lời nhắc nhở ai đó trong nhịp vội hôm nay. Cách đây ít ngày, tiệm của cô được Bảo tàng tỉnh mời trưng bày chuyên đề “Dấu ấn thời bao cấp” tại phòng triển lãm thành phố. Chuyên đề nhằm giới thiệu về giai đoạn lịch sử mười năm bao cấp tới giới trẻ, học sinh, sinh viên mà các cán bộ, đảng viên, nhân dân... cũng đến rất đông. Ai lấy đều thích thú, chụp rất nhiều ảnh mang về. Trong số những vật dụng được mang đi có chiếc mâm gỗ mà tôi vừa hỏi. Thú vị hơn, đó là chiếc mâm của người yêu cùng làng thờ nào tặng cô nhân ngày khai trương tiệm.

Sau bao năm xa cách, nay cô chủ lại là bạn quý của nhau. Chú giờ làm chủ trang trại lớn: vừa thả cá ao, vừa nuôi cá lồng. Trang trại có hơn hai chục người làm. Chú đóng góp đáng kể vào quỹ khuyến học, phong trào thương binh làm kinh tế giỏi của làng, của xã. Chú lấy vợ sau khi cô lấy

chồng sáu năm. Vợ chồng chú sinh được một con trai, bằng tuổi con gái giữa của cô. Cuộc sống của cô chủ ấy lẽ ra cứ thế mà trôi. Nhưng bệnh tật đã mang cô đi cách đây gần mười năm. Nỗi buồn khó quên nhưng cũng không nên sống mãi với nó. Con trai chú thường rủ bố đến tiệm cà phê Bao cấp của cô. Uống xong một ly nước, anh lấy lý do công việc để hai người lớn ngồi nói chuyện. Dần dần, chú tự đi như một thói quen. Mỗi khi biết cô cần sưu tầm đồ vật gì, chú thường hăng hái giúp. Kể cả chiếc mâm gỗ của gia đình dù chú từng giữ nó như báu vật. Đi qua nhiều trải nghiệm, nơi chú muốn tới lúc này là trái tim của người cũ mà rất mới, bình thường mà rất phi thường. Thì ra tình yêu chú dành cho cô vẫn vẹn tròn như chiếc mâm kia.

Câu chuyện của cô tạm dừng khi một người đàn ông ngoài sáu mươi vào tiệm. Tôi đoán đó là chú thương binh. Ánh mắt chú để lộ những điều muốn giấu trước mặt người khác. Tôi cúi chào rồi xin phép lên tầng. Ở tầng hai, không gian quán vẫn yên bình nhưng được bài trí đan xen một số sản vật quê hương. Những dây tỏi tím, ớt đỏ, ngô vàng... treo cạnh đôi quang gánh, bó rơm khô thật làm người ta dễ dàng thả hồn về một cánh đồng bao la, bát ngát...

Đạo quanh một lượt, tôi dừng lại ở giá sách dài và rộng. Đôi mắt tôi lướt trên những nhan đề “**Tìm trong nỗi nhớ**” của Lê Ngọc Mai, “**Miếng nhớ miếng thương**” của Vũ Tam Huệ, “**Chiều chiều**” của Tô Hoài, “**Chuyện ngô nghèo**” của Nguyễn Xuân Khánh, “**Phố Hoài**” của Trần Thị Trường... Hóa ra, giá sách này là thư viện văn học nhỏ về thời bao cấp. Tôi chọn

cuốn “Phố Hoài” và chăm chú đọc lời tựa của nhà văn Tạ Duy Anh, người biên tập tác phẩm: “Phố Hoài là một bảo tàng ngôn ngữ về thời bao cấp, về thời đại đột, về thời lãng mạn và điên rồ, về thời đau khổ đầy hãnh diện nhưng cũng nhiều oán hận, vừa đáng ghi nhớ vừa muốn quên đi thật nhanh. Ở đó con người sống, yêu và làm việc như chạy trốn, một cuộc chạy trốn tuyệt vọng để cuối cùng chỉ tìm thấy một lối thoát duy nhất là phải tiếp tục dần thân mạnh mẽ hơn vào chính cái cuộc đời đáng sợ ấy”...

Thì ra, ông bà, bố mẹ tôi đã trải qua một thời như vậy. Thương!

Tôi nhìn sang năm bàn có khách. Chẳng ai bảo ai mà sự tĩnh lặng được gìn giữ một cách văn minh. Tôi từng đến biết bao quán cà phê trong và ngoài thị trấn, nhưng không đâu mang đến ấn tượng đặc biệt như nơi này. Một nốt trầm trong bản nhạc đời hồi hả. Khiêm nhường nhưng ý nghĩa biết bao!

Hóa ra mát mát chẳng hẳn là mát mát. Mát mát là thử thách để người nghị lực tự thêm mạnh mẽ. Sau mát mát người ta dường như biết trân trọng đời hơn, bù đắp nhau hơn. Mát mát hôm qua chẳng thể ngăn hi vọng ở ngày mai. Tôi sẽ còn quay lại đây - nơi người phụ nữ nhỏ bé mà vĩ đại ấy đã làm tôi thức tỉnh bao điều./.

DƯ VĂN HỌC

(Giải Khuyến khích)

Làng phố

Thăng Long một nghìn năm
Bắc Ninh thêm nghìn tuổi
Xây thêm cầu mở lối
Ta đi vào tương lai.

Chị Ba và anh Hai
Yếm đào về Quan họ
Cô Tấm hiền thưở nọ
Say duyên mới công trường.

Ông Công vui giảng đường
Thợ cày không cày nữa
Áp phan về ngõ nhỏ
Làng lên phố từ đây.

Ao muống buồn xưa nay
Vươn tầm nhà máy thờ
Kết hoa đèn rực rỡ
Đưa phố làng vào xuân./.

Nhà văn Nguyễn Ngọc Chiến quê Quảng Trị về thăm Bắc Ninh. Tôi đón anh trong lòng trào dâng bao nỗi. Mừng. Lo.

Mừng là được đón anh về thăm gia đình thăm quê hương mình. Còn lo, bởi từ một suy nghĩ. Liệu tôi có đáp ứng được

những mong muốn của anh hay không. Tôi biết anh rất muốn được khám phá, cảm nhận về miền quê Quan họ của tôi.

Tôi lo là vậy. Bởi nhẽ những khi về Quảng Trị, tôi được anh đưa đi thăm nơi này, nơi kia, trên mảnh đất Quảng Trị. Một mảnh đất mà mỗi tác đất đều thăm

LÀNG TÔI LÊN PHỐ

(Giải Khuyến khích)

Bút ký: ĐỖ CÔNG TIỀM

đắm máu xương của biết bao thế hệ người Việt. Để đất nước có được cuộc sống ngày hôm nay.

Tôi đã được đến những địa danh: Địa đạo Vịnh Mốc, Bến đò Tùng Luật, Cầu Hiền Lương, Dốc miếu; Thành cổ Quảng Trị; Khe Sanh; Nghĩa trang liệt sỹ đường 9, nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn... Những di tích lịch sử. Những chứng tích chiến tranh... Mỗi người dân nước Việt nên đến, cần phải đến. Mà chắc là đã đến một lần, còn muốn đến nữa.

Nhớ làm sao những khoảnh khắc ấy, trong tôi trào dâng bao cảm xúc. Như có một điều gì đó thật thiêng liêng, thật trân quý đang dâng lên nghèn nghẹn trong tim... Một sự nhắc nhở với bản thân mình. Phải sống làm sao cho xứng với những người đã nằm lại trên mảnh đất này. Và trên khắp dải đất hình chữ S thân thương.

Những giây phút ấy, tôi và Nguyễn Ngọc Chiến đứng sát nhau. Tay nắm tay lặng lẽ bên nhau. Anh là một người con của Quảng Trị, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam, sống và viết ở Quảng Trị. Dường như cả hai chúng tôi đang có cùng một tâm trạng. Như đang muốn chia sẻ cho nhau niềm cảm xúc đang trào dâng trong tâm hồn ở mỗi người.

Giờ anh về Bắc Ninh, quê hương tôi. Điều đầu tiên tôi hỏi anh:

- Làng tôi lên phố rồi đó!

- Mình đã được nghe thông tin huyện Thuận Thành của anh lên thị xã. Mười xã lên phường. Có xã Gia Đông của anh.

Tôi đang đứng chung hứng thì anh lại thao thao “Mừng cho anh và nhân dân Thuận Thành. Một miền đất cổ Siêu Loại, Luy Lâu. Mảnh đất dày kín những di tích lịch sử văn hóa. Một trầm tích văn hóa, cái nôi của Đạo Phật và văn hóa của vùng



châu thổ Bắc Bộ.”. Anh nhìn tôi mỉm cười. Tôi biết đây là lần đầu tiên anh đặt chân tới Bắc Ninh. Nhưng anh đã có những hiểu biết khá sâu về miền quê Quan họ của tôi. Thật đúng vậy. Ở mỗi con người ta, mỗi khi yêu một thứ gì đó thì sẽ dành tâm sức để tìm hiểu về điều đó. Hiểu được rồi, sẽ càng yêu thêm.

Trăm nghe không bằng mắt thấy. Tôi sẽ đưa anh đi thăm một số địa danh trên quê hương tôi. Anh đã hiểu rồi, sẽ hiểu, cảm thêm. Tôi tin rồi anh cũng yêu mến Bắc Ninh của tôi như tôi từng yêu thương Quảng Trị của anh.

Tôi hỏi anh:

- Giờ mình đi đâu trước anh?

- Đi đâu cũng được. Tùy ở anh mà.

Anh cười. Vẫn là một nụ cười hiền khô trên gương mặt sạm nắng gió miền Trung của anh.

Tôi nghĩ trong lòng. Trước tiên hãy đưa anh đi, giới thiệu với anh những gì gần gũi nhất thân thiết nhất của mình.

Thế là tôi hào hứng kể cho anh về làng. Nơi tôi sinh ra và lớn lên. Tôi đã yêu cái làng của tôi từ những ngày thơ dại và chắc chắn cho đến khi từ giã cuộc đời này.

Tôi cùng anh sánh vai thong thả bước trên đường làng. Tôi hào hứng kể cho anh nghe về làng.

Làng Ngọc Khám đã trải qua năm tháng bể dâu. Làng không còn giữ được thân tích hay thân phủ. Nên không rõ làng được thành lập từ thuở nào.

Nhưng theo tương truyền còn lưu lại thì làng xưa có tên là Trang Bảo Khám. Đến đời vua Bảo Đại, vì phải kiêng húy nên đổi thành Ngọc Khám, cho đến ngày nay.



Đầu tiên tôi đưa anh đến thăm ngôi đình làng. Ngôi đình bây giờ vừa được cán bộ và nhân dân chung sức, chung lòng xây dựng lại trên nền đất cũ. Đình được khởi công từ tháng 1/2008. Đến tháng 10/2010 khánh thành. Theo tương truyền, ngôi đình cũ được xây từ thời Trần cơ. Ngày khởi công các cụ bô lão làng trồng một hàng cau. Đến ngày khánh thành Đình, đã có cau làm lễ Thánh và chia cho thợ. Đình làng tôi thờ 4 vị Đại Vương có công giúp Hai Bà Trưng đánh đuổi quân xâm lược Hán. Và một người con gái họ Trần ở làng có công xây dựng đình. Làng còn giữ được một đạo sắc phong của Vua Khải Định vào năm Mậu Ngọ - 1918. Sắc phong ghi: “Hậu thần thị nội cung tần phụng phong Tu Viên”. Bà được thờ ở Hậu cung. Đình làng giờ thờ thêm cụ Tư An. Cụ cũng là người có chút công của xây dựng lên ngôi đình mới này. Tôi kể sơ cho anh vậy ngầm muốn nói với anh. Bao đời nay rồi, người làng tôi luôn

biết tôn kính những người có công với nước, với dân làng.

Lễ Thánh xong, tôi đưa anh đến thăm ngôi chùa của làng mang tên Linh Ứng Tự. Nhân dân trong vùng gọi là chùa Linh Ứng.

Tôi lại tiếp tục kể anh nghe.

Theo tương truyền còn lưu lại. Một ngày đầu xuân. Vào ngày nào, tháng nào, năm nào, chẳng một ai còn nhớ, cũng chẳng có sử sách nào ghi lại. Hôm đó, có một đoàn phu kiệu gồm toàn trai

trắng lực lưỡng khiêng ba pho tượng đá hỏi thăm đến Trang Bảo Khám. Đoàn phu kiệu nói với các bô lão là có nhiệm vụ rước tượng Phật về đây. Đoàn phu còn nói Bệ của Phật đã được khiêng về trước rồi. Sau hỏi han mới vỡ nhẽ là Bệ Phật đã được trở về bên làng Long Khám. Nay thuộc Hiền Văn - Tiên Du. Nằm bên bờ Bắc sông Đuống. Biết là nhầm. Đoàn phu tiếp tục khiêng Phật về Long Khám. Nhưng Phật không hề nhúc nhích. Các cụ bô lão bên làng Long Khám sang Bảo Khám xin lại Phật. Không được. Các cụ bên Bảo Khám sang Long Khám xin bệ cũng không xong. Rồi đành thuận theo ý Phật. Bên thờ Bụt. Bên thờ Bệ.

Theo một số di vật còn lại, chùa được xây dựng từ thời Trần. Được mang tên là Linh Ứng Tự. Là một ngôi chùa nổi tiếng linh thiêng. Từng là một trong những danh lam nổi tiếng trong vùng. Ngày 7 tháng 4



âm lịch hàng năm làng mở hội chùa, đón khách thập phương nô nức về chiêm bái.

Đến năm 1952. Ngôi chùa bị đạn móc chẻ của giặc Pháp từ bột Cẩm Giàng bắn vào. Ngôi chùa bị phá, chùa trở nên đổ nát. Chỉ còn nguyên ba pho tượng đá.

Thời gian vừa qua, nhờ sự quan tâm của Đảng và chính quyền, sự ủng hộ công đức của khách thập phương, của dân làng. Một ngôi chùa bề thế khang trang đã được xây dựng lại ngay trên nền đất cũ. Riêng ba pho tượng Phật Tam Thế bằng đá quý được Nhà nước xếp hạng thuộc “Bảo vật Quốc gia”.

Lễ Phật xong, tôi tiếp tục đưa anh đến chiêm bái tiếp một ngôi chùa nữa của làng. Chùa Nhân. Cũng theo số phận của đình làng, chùa Linh Ứng. Trải qua sự tàn phá của năm tháng bão giông, chùa cũng bị phá hủy hoàn toàn. Khi tôi lớn lên chỉ còn biết đến một nền đất chùa và một cái giếng đất sâu, nước trong vắt bốn mùa. Giếng có tên gọi là giếng chùa Nhân. Và cũng nhờ sự hảo tâm công đức của khách thập phương, sự góp công sức của dân làng, sự quan tâm giúp đỡ của chính quyền các cấp, một ngôi chùa mới được cất lên trên nền chùa cũ, giữa một khuôn viên rộng rãi thoáng mát. Chùa vẫn lấy tên cũ, Chùa Nhân. Và 7 tháng 4 âm lịch hàng năm, làng mở hội đón du khách thập phương về lễ Phật.

Tôi và anh lững thững dạo ngắm cảnh chùa. Từng làn gió Nam thổi về ào ạt. Những vòm cây xào xạc đung đưa theo gió. Vài chiếc lá rơi lên đầu chúng tôi.

- Làng còn có một ngôi Thánh Đường mới được hoàn thành mấy năm

gần đây. Anh muốn ghé thăm. Tôi quay sang hỏi anh

- Có chứ! Anh hồ hởi.

Tôi lại kể cho anh nghe. Làng tôi còn có một họ Đạo Thiên Chúa. Năm 1954 phần lớn giáo dân di cư vào Nam. Một số ít giáo dân không đi. Ngôi Thánh đường cũng bị xuống cấp.

Và đến nay, một ngôi Thánh Đường mới được xây dựng theo kiến trúc gô tích đường bệ khang trang. Số giáo dân của họ đạo ở làng hiện nay có 19 hộ với 92 nhân khẩu. Thật tiếc cho chúng tôi. Hôm nay không phải là ngày lễ. Nhà thờ chưa có cha xứ. Bác Chánh của họ giáo đi vắng, nên chúng tôi chỉ biết đứng ngoài đường chiêm ngưỡng ngôi Thánh Đường.

Vậy đây, tôi đã giới thiệu, muốn khoe với anh về cái làng yêu dấu của tôi. Làng có mái đình, mái chùa cong vút, có nóc tháp chuông nhà thờ vươn cao giữa nền trời xanh và có tiếng chuông chùa, tiếng chuông từ tháp chuông nhà thờ ngân lên, vào khi ban sớm, và lúc chiều tà. Những âm thanh trầm bổng rộn rã quện vào nhau. Ngắm vào hồn mỗi người làng. Nhắc nhở nhau, cùng nhau đoàn kết một lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Phải. Cái làng của tôi đã trải qua bao thăng trầm của thời cuộc. Qua bão táp gió đông, qua những ngày tháng đói nghèo cơ cực... Nhưng trong sâu thẳm tâm hồn, cốt cách mỗi người dân làng vẫn giữ vẹn nguyên cái tình nghĩa xóm làng. Thắt chặt tình đoàn kết chẳng hề phân biệt Đạo - Đời.

Người làng tôi, thời xưa không có ai
đỗ đạt, làm quan to. Nay cũng chẳng có ai
có quyền cao chức trọng ở hàng Huyện,
tỉnh hay Trung ương.

Giờ làng chỉ có hai người được phong
danh hiệu Nhà nước. Đó là Nhà giáo ưu
tú Nguyễn Văn Thiềm và thầy thuốc ưu tú
Nguyễn Văn Dũng. Vậy là đủ vinh dự cho
làng rồi. Còn như Bác sỹ, kỹ sư, cử nhân,
thì nhiều lắm. Đang công tác ở mọi lĩnh
vực trên mọi miền của Tổ quốc.

Giờ làng tôi được lên phố. Xã tôi lên
phường. Huyện lên thị xã. Niềm vui, niềm
khát vọng đâu của chỉ riêng tôi.

Tôi tiếp tục đưa anh đi thăm một số
di tích lịch sử văn hóa trong vùng. Đền và
Lăng Sỹ Nhiếp, Chùa Dâu, Nhà thờ Ôn
Như Hầu Nguyễn Gia Thiều, Chùa Bút
Tháp, Lăng Kinh Dương Vương.

Đến đây, anh không cần tôi giới thiệu.
Anh tự tìm hiểu, tự mình ghi chép cụ thể
những điều anh chưa biết về mỗi di tích.

Chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình.
Tôi đưa anh đi thăm cụm di tích phía Bắc
của dòng sông Đuống như chùa Phật Tích;
Đền Đô; Đình làng Đình Bảng... Chúng tôi
vượt sông Đuống. Tôi và anh dừng lại trên
chiếc cầu vừa được bắc qua sông Đuống.
Đó là cây cầu Phật Tích - Đại Đồng Thành.

Đứng trên cầu, tôi và anh cùng đắm
đắm ngắm nhìn dòng sông đang hiền hòa
chảy dưới chân. Dường như cả anh và tôi
cùng nhớ về Hoàng Cầm. Một nhà thơ lớn
của miền quê Kinh Bắc.

Anh bỗng thì thầm đọc:

Em ơi buồn làm chi

Anh đưa em về sông Đuống

Ngày xưa cát trắng phẳng lì.

Anh ngừng đọc. Tôi tiếp theo ngay:

Sông Đuống trôi đi

Một dòng lấp lánh

*Nằm nghiêng nghiêng trong kháng
chiến trường kỳ...*

Cứ thế, tôi và anh nói nhau, đọc cho
nhau nghe bài thơ **Bên kia sông Đuống**
của Hoàng Cầm. Đoạn cuối anh không
đọc, mà anh ngâm:

Bao giờ về bên kia sông Đuống

Anh lại tìm em

Em mặc yếm thắm

Em thắt lụa hồng

Em đi trẩy hội non sông

*Cười mê ánh sáng muôn lòng xuân
xanh.*

Chất giọng miền Trung của anh sao
mà đắm thắm da diết ngân lên giữa một
khoảng không bao la nắng gió, yên ả và
thanh bình.

Tôi bồi hồi nhớ cái bận đầu tiên về
Quảng Trị. Anh đưa tôi đi thăm cây cầu
Hiền Lương bắc qua dòng Bến Hải. Tôi và
anh cùng đứng rất lâu trên cầu. Nơi mà cây
cầu có một vạch sơn trắng giữa thân cầu.
Một nhát bằm cây cầu ra làm hai nửa. Chia
cắt đất nước làm đôi. Một nỗi đau mãi hơn
hai mươi năm trời mới được nối liền một
đải.

Còn giờ này đây, tôi và anh đang
đứng trên một cây cầu đang sắp được thông
xe. Anh dõi mắt ra xa. Hai bên bờ sông là
những xóm làng trù phú nối nhau.

Quê hương tôi đó. Dẫu không phải
trải qua những năm tháng bom đạn khốc
liệt do quân thù dội xuống, chưa phải chịu
đựng mát mát, đau thương như Quảng Trị



của anh. Nhưng cũng từng đi qua những năm tháng đói mòn đói mỏi. Và cũng không thiếu những mắt mát hy sinh.

Nhớ làm sao trong những lần về Quảng Trị, tôi đã gặp rất nhiều, rất nhiều những người con của quê hương Bắc Ninh đã nằm lại trên mảnh đất Quảng Trị. Cùng nằm chung một nghĩa trang. Trên bia mộ của từng anh ngoài tên tuổi, xã huyện ra đều ghi chung một dòng chữ Hà Bắc. Khi ấy, lòng tôi thổn thức nói với các anh: “Hà Bắc quê mình giờ đã tách ra. Nhưng ở đây các anh đừng chia ra nhé. Vẫn cứ chung một đồng hương Hà Bắc. Như những ngày các anh đi”.

Lúc này đây, không rõ được Nguyễn Ngọc Chiến đang có tâm trạng như thế nào. Còn riêng tôi thì có bao cảm xúc khi đang ngắm nhìn màu xanh ngút ngàn hai bên bờ dòng sông quê hương. Một cuộc sống đầm ấm an yên đang thay đổi từng ngày. Để có được cuộc sống ngày hôm nay, bao thế hệ người dân quê tôi đâu phải chỉ có đổ mồ hôi và nước mắt. Mà còn cả xương máu nữa. Riêng làng Ngọc Khám của tôi có tới 46 anh hùng liệt sỹ, 32 thương binh. Thuận Thành có đến 2369 anh hùng liệt sỹ, thương binh là 677 người. Còn với Bắc Ninh có tới 16486 anh hùng liệt sỹ, 11.150 thương binh. Con số ấy đâu phải là vô nghĩa. Nó luôn nhắc nhở mỗi người dân quê tôi trong cách sống, cách nghĩ hàng ngày.

Và tôi tự hứa sẽ trở lại Quảng Trị trong một thời gian gần đây. Tôi sẽ nói với các anh. Dẫu biết một số anh đã được gia đình, chính quyền địa phương đưa về nằm tại nghĩa trang liệt sỹ quê nhà. Nhưng tên tuổi của các anh còn để lại. Và hương hồn

các anh chắc còn lãng bãng quanh đây.

Các anh ơi! Bắc Ninh quê mình giờ đã có tới hai thành phố: Bắc Ninh, Từ Sơn. Hai thị xã: Thuận Thành và Quế Võ. Trong tương lai Bắc Ninh quê mình sẽ có thêm thành phố Tiên Du và thành phố Yên Phong nữa. Bắc Ninh hiện giờ đã trở thành trung tâm công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ cao của cả nước. Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 65,3 triệu đồng/năm. Và trong những ngày tháng sôi động hồi hả này toàn Đảng toàn dân Bắc Ninh đang ra sức phấn đấu đưa thành phố Bắc Ninh trở thành một thành phố hiện đại và thông minh. Một đô thị kiểu mẫu. Sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Đó là mơ ước, khát vọng của toàn Đảng bộ, các tầng lớp nhân dân tỉnh nhà. Một hành trình đứng trước cơ hội và thử thách. Nhưng có sự lãnh đạo của Đảng, sự đoàn kết của nhân dân, niềm mơ ước khát vọng của quê hương sẽ thành hiện thực. Nơi chín suối, các anh chắc cũng yên lòng. Sự hy sinh của các anh, chẳng hề uổng công.

Nguyễn Ngọc Chiến vẫn đang mãi mê ngắm cảnh sắc hai bờ. Gió lộng thổi làm cho mái tóc muối tiêu của anh bay lòa xòa trên trán.

- Mình đi chứ anh? Tôi lên tiếng hỏi. Anh mỉm cười gật đầu.

Chúng tôi tiếp tục chuyên đi theo dự kiến. Tôi đưa anh đi thăm thú chiêm ngưỡng những danh lam thắng cảnh của quê nhà. Muốn anh thấu hiểu thêm về một nền văn hóa của miền Kinh Bắc. Người Bắc Ninh vốn trọng chữ tình mà. Trong tôi chộn rộn niềm vui sướng pha chút tự hào khôn tả./.

MAI HOÀNG HANH

(Giải Nhì)

Con đường mới

Con đường mới chạy qua thành phố
Chở yêu thương về phía Vân Dương
Cầu Đại Phúc chiều nghiêng nắng đỏ
Tiếng còi xe chộn rộn phố phường.

Mây Vũ Ninh vắt sang Quế Võ
Hoa sữa vương ngực phố hoan ca
Mưa Vệ An dùng dằng Quan họ
Khúc ư hờ ngây ngất phồn hoa.

Con đường mới mơ hồn phố nhỏ
Gió Từ Sơn nung nức vòm xanh
Đêm Thị Cầu yếm đào bỏ ngõ
Trăng gói câu *Mười nhớ* để dành...

Dòng sông Cầu khát khao ngực phố
Hoa Suối Hoa e ấp mặn mòi
Em đứng bên đường Lý Thái Tổ
Ngắm hồ đôi lòng bớt lẻ loi.

Con đường mới tương tư sông Đuống
Em có về Kinh Bắc tìm anh?
Hương hoa sữa bắc cầu dải yếm
Đón tà sang trắng lệ thị thành...

ĐẶNG DANH THẢ

(Giải Ba)

Khát vọng một dòng sông

Lúc chùng chình khi vội vã. Hôm nay
Sông cuộn cuộn băng mình ra biển cả
Nước đang lên dòng sông rộng quá
Hiểu được mình sông rất tự tin.

Bởi quá yêu cứ mãi mê nhìn
Sông đang độ vào xuân tươi tắn
Về hồi hả như mùa hè nồng mặn
Dáng mơ màng quyến rũ vào thu.

Những cánh đồng sông ôm ấp vỗ ru
Khu công nghiệp đã thỏa niềm khao khát
Những chuyến phà gần xa dào dạt
Liên kết vùng để mau chóng vươn lên.

Bao đền chùa dọc tuyến kẻ bên
Sông kết nối xa xưa về hiện tại
Để du lịch đơm hoa kết trái
Phố thị hình thành như thể trong mơ.

Những cây cầu đẹp đến ngân ngơ
Rồng bay lên giữa mây trời sông nước
Bờ Bắc, bờ Nam vui nào tả được
Vẫn dịu dàng dòng sông của thi ca.

Chẳng rộng dài nhưng đã chảy khá xa
Như dáng vóc của miền quê Kinh Bắc
Đã cường tráng vốn rất giàu bản sắc
Cùng hòa vào muôn ngã những dòng sông./.

NHẤT MẠT HƯƠNG

(Giải Nhì)

Thị xã lòng tôi Thành phố bay cao

Những con đường thị xã ngày xưa
Loanh quanh Cổng Ô, Cổng Tiền, Cổng Hậu
Tôi đi một vòng gặp bước chân mình trong gió
Lạc giữa mùi hoa móng rồng ở phía hồ đôi.

Những con đường mưa nắng ngủ vùi
Hôm nay hân hoan ngập tràn ánh sáng
Gió hát bài ca năm tháng
Mây giăng điệp khúc lên đường.

Thị xã ngày nào, giờ thành phố lên hương
Những khu trung tâm,
những công trình hiện đại
Những tòa nhà ung dung, tự tại
Những dự án mang tầm quốc tế, quốc gia.

Thành phố của tôi - nôi văn hiến xưa xa
Văn Miếu - bảng vàng ghi danh sử sách
Những tấm gương trung kiên, bất khuất
Những tên người tô đẹp núi sông.

Thành phố của tôi - sắp thành phố vệ tinh
Vẫn tràn ngập sắc xanh bên những tòa cao ốc
Nắng đỏ dài, nắng hôn lên tóc
Trộn hòa muôn sắc tương lai.

Lời Quan họ vang rền giờ tan kíp
Đại lộ dịu dàng bóng dáng chị Hai.

Thành phố của tôi - bốn mùa sinh sôi
Hoa ngập sắc những con đường thể ki
Những hồ nước soi hồn xứ sở
Bóng lá rộn ràng đựng hơi thở thời gian.

Những công trường mở mãi phía thênh thang
Giục bước chân đi về phía trước...

Quả sắp chín trên cành đất nước
Hoa đã vàng gọi nắng ven sông
Mỗi bước chân mình lại nghe tiếng cha ông
Thao thức suốt những đêm dài không ngủ.
Thành phố cuộn mình, mây trời trần trở
Để vươn hình hài, sánh bước với năm châu.

Tôi lang thang chôn cũ một chiều
Ngã 6 xoay xoay bao cánh diều mới mẻ.
“Thị xã đèn dầu” hóa thành phố trẻ
Háo hức vươn mình, mạnh mẽ bay xa.

Trúc xinh trúc sắp nở hoa
Bắc Ninh cất cánh, hoan ca đón chào!



KHOI DẬY NGUỒN CẢM HỨNG SÁNG TÁC TỪ NHỮNG CUỘC THI

ĐỖ VĂN PHONG

Những năm qua, Hội Văn học Nghệ thuật Bắc Ninh tổ chức các cuộc thi sáng tác văn học nghệ thuật (VHNT) nhằm thúc đẩy Văn nghệ sĩ thi đua lao động sáng tạo, cho ra đời nhiều tác phẩm hay, có chất lượng, mang tầm nội dung tư tưởng và nghệ thuật thể hiện và đã đạt được nhiều kết quả. Tiếp nối những thành công, trong năm 2023, Hội đã tổ chức phát động 3 cuộc thi gồm: Cuộc thi sáng tác văn học với chủ đề “*Bắc Ninh trong hành trình xây dựng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương*” năm 2023 (lần thứ III), Cuộc thi sáng tác Ảnh nghệ thuật “*Nét đẹp miền Quan họ*” và Cuộc thi “*Cây bút Tuổi hồng*” lần thứ V dành cho học sinh THCS có chủ đề “*Chúng em chung tay bảo vệ môi trường*”.

Ngay từ những ngày đầu phát động,

các cuộc thi đã nhận được sự quan tâm, hưởng ứng của hàng trăm tác giả là các nhà văn, nhà thơ chuyên nghiệp, những cây bút không chuyên. Mỗi cuộc thi trở thành một cuộc vận động sáng tạo VHNT rộng lớn, thu hút các văn nghệ sĩ, công chúng mọi lứa tuổi, mọi ngành nghề tham gia.

Để tạo môi trường, thúc đẩy không khí thi đua sáng tác, cổ vũ các cuộc thi, Hội VHNT tỉnh đã tổ chức 2 trại sáng tác và 1 chuyến đi thực tế dành cho các chuyên ngành và CLB Cây bút tuổi hồng của THCS Nguyễn Cao (Quế Võ) tại một số làng nghề, khu bảo tồn văn hóa. Đặc biệt chuyến đi thực tế, trại sáng tác dành cho các nhà văn, nhà thơ để trao đổi kinh nghiệm sáng tác với các văn nghệ sĩ tỉnh Hòa Bình đã thu được nhiều tác phẩm dự thi có chất lượng. Hội còn tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng

nghiệp vụ sáng tác Ảnh nghệ thuật nhằm tạo các diễn đàn trao đổi kinh nghiệm sáng tác cho các nghệ sĩ nhiếp ảnh và các tay máy trong CLB nhiếp ảnh.

Cuộc thi văn học “*Bắc Ninh trong hành trình để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương*” lần thứ III, Ban Tổ chức đã nhận được 155 tác phẩm của 54 tác giả trong và ngoài tỉnh dự thi; trong đó có 29 tác phẩm văn xuôi và 126 tác phẩm thơ. Các tác phẩm đã khắc họa rõ nét một Bắc Ninh đang trên đường đổi mới với những gam màu tươi sáng trên mọi lĩnh vực, cùng bản sắc văn hóa, cốt cách con người Bắc Ninh - Kinh Bắc chung thủy, nghĩa tình. Đọc các tác phẩm, hiện thực cuộc sống tràn đầy, ngồn ngộn; đó là hình ảnh Bắc Ninh - Kinh Bắc từ quá khứ đến hiện tại, từ mạch nguồn văn hóa văn hiến làm nền tảng vững chắc cho một Bắc Ninh năng động, hiện đại hôm nay. Đó là những thành tựu xây dựng nông thôn mới, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp; các tiềm năng, thế mạnh; những vấn đề về xây dựng văn hóa và con người Bắc Ninh. Đó là hiện thực sinh động những tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của Nhân dân trong quá trình xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Ở đó hiện lên hình ảnh những người con nghĩa tình thủy chung, luôn vững niềm tin vượt qua khó khăn, chung sức đồng lòng xây dựng quê hương.

Ở mảng văn xuôi, nhiều truyện ngắn, bút ký, tản văn gây ấn tượng. Truyện ngắn “*Chuyến nhà cho mẹ*” không chỉ đơn

thuần là một câu chuyện mà ở đó nhà văn Lương Thìn còn gửi gắm một thông điệp cho người dân phải làm gì khi đứng trước sự việc cụ thể của quê hương đang chuyển mình đổi mới từng ngày. Với bố cục khá chặt chẽ, cốt truyện phản ánh sinh động tâm lý giằng xé của người con khi phải di rời phần mộ của mẹ nơi mà bà đã yên nghỉ từ lâu vì một dự án phát triển quê hương.

Truyện ngắn “*Phía con sông yêu kiều*” của Nguyễn Văn Học và bút ký “*Một nốt trầm xao xuyến*” của Nguyễn Thị Hằng là hai tác phẩm viết khá sắc với nhiều chi tiết đắt, các nhân vật được khắc họa khá thành công. Quê hương luôn là tiếng gọi thôi thúc con người phải làm gì đó để trả nghĩa, để xứng đáng với nơi ta sinh ra, nơi nâng bước ta trưởng thành.

Truyện ngắn “*Những vết khắc thời gian*” có kết cấu chặt chẽ, ngôn ngữ tinh tế, nhân vật “Tôi” có thân phận tiêu biểu cho một thế hệ sinh ra và lớn lên sau ngày đất nước thống nhất, khó khăn bộn bề công cuộc hàn gắn vết thương sau chiến tranh và thời kỳ bao cấp. Văn hoá Quan họ hun đúc nên thể chất, kiến thức, tâm hồn thấm đượm tình gia đình, tình quê hương giúp nhân vật vượt lên, học thành tài và quay về xây dựng quê hương.

Truyện ngắn “*Huyền tích của làng*” có kết cấu tốt, ngôn ngữ trong sáng. Nhân vật bà cụ Ngà ngày nào cũng ném đất xuống vực Giải và việc bảo vệ con chó đá ở miếu Giải là những chi tiết đắt làm khung cho truyện. Bên cạnh đó những mối tình Quan họ trắc trở cũng làm cho truyện

đề đọc, đậm chất văn hoá Bắc Ninh. Vấn đề gìn giữ, bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống trước sự lợi dụng làm lạc điệu, biến tướng trong xã hội hiện đại là điểm mạnh nổi bật của tác phẩm...

Ở tác phẩm **“Lửa gần rơm”** thông qua hai mối tình thời trẻ chuyển thành hai cặp vợ chồng bất đắc dĩ để phản ánh sự đi lên công nghiệp hoá chậm chạp của vùng quê nông nghiệp. Đó cũng là những tấm lòng xây dựng quê hương của mọi người con Bắc Ninh dù ở gần hay xa quê.

126 tác phẩm thơ của 39 tác giả với các thể loại: Lục bát, thơ 4 - 5 chữ, 6 chữ, thất ngôn bát cú, thơ tự do... đã phản ánh sống động quê hương Bắc Ninh tươi đẹp, đậm tình qua từng câu từ. Bên cạnh các nhà thơ chuyên nghiệp, nhiều cây bút là thành viên các CLB thơ, là giáo viên các trường THPT, cán bộ nghỉ hưu, người làm nghề tự do yêu mến thơ văn cũng tích cực tham gia. Nhiều nhà thơ có tuổi, nhiều tác giả mới được kết nạp tham gia liên tục trong 2 - 3 năm liền như Nguyễn Cát Chuyển, Thái Khoát, Mai Hoàng Hanh, Nguyễn Thị Dương, Nguyễn Đức Hải, Nguyễn Huy Phách...

Không chỉ bó hẹp ở các tác giả trong tỉnh và các tỉnh thành lân cận như Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Giang mà không gian cuộc thi đã được mở rộng hơn. Tác giả Nguyễn Văn Đàn từ Đắc Nông xa xôi cũng gửi 5 bài thơ tham dự. Đặc biệt tác giả Nguyễn Chí Diễm (Việt Yên, Bắc Giang) dự thi 2 tác phẩm thơ tự do: **“Bắc Ninh tương ngộ thêm xuân”** và **“Bắc Ninh thăm lá trầu**

em” thể hiện những tìm tòi, khám phá, và hiểu biết khá sâu sắc về con người miền đất Bắc Ninh - Kinh Bắc.

BTC đã trao giải thưởng cho 21 tác phẩm xuất sắc nhất Cuộc thi văn học **“Bắc Ninh trong hành trình để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương”** lần thứ III.

Cuộc thi sáng tác Ảnh nghệ thuật **“Nét đẹp miền Quan họ”** lại cho chúng ta thấy một Bắc Ninh năng động đang đi lên từng ngày. 131 tác phẩm gồm 116 ảnh đơn và 15 ảnh bộ của 24 tác giả trong và ngoài tỉnh gửi đến là những mảnh ghép làm nên bức tranh đa sắc màu phản ánh nét đẹp văn hóa truyền thống của miền Quan họ. Ở đó, mỗi khoảnh khắc ghi dấu những giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể đậm bản sắc văn hóa, con người, kiến trúc, phong tục tập quán vùng quê Bắc Ninh - Kinh Bắc, ca ngợi sự phát triển bền vững của tỉnh Bắc Ninh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Hội đồng giám khảo đã công tâm, minh bạch chọn ra 34 tác phẩm gồm 5 ảnh bộ và 29 ảnh đơn xuất sắc tiêu biểu. Các tác phẩm là những khoảnh khắc đẹp về sự nghiệp giáo dục, các giá trị văn hóa của tỉnh; việc gìn giữ bảo tồn di sản dân ca quan họ; hoạt động lao động sản xuất ở các làng nghề truyền thống như: đúc đồng, đúc chiêng ở làng nghề Đại Bái; sản xuất Mây tre đan ở làng nghề tre trúc Xuân Lai, làng tơ tằm Vọng Nguyệt, làng nghề làm mỳ - bún...

Nhiều tác phẩm phản ánh sự cải tiến và áp dụng công nghệ vào sản xuất làm

mang đến một diện mạo mới cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn; vẻ đẹp giản dị trong đời thường; sự phát triển về hạ tầng cơ sở; vẻ đẹp của các công trình, các khu công nghiệp kinh tế trọng điểm đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội thần tốc của Bắc Ninh; những phong tục tập quán, những sinh hoạt văn hóa lễ hội độc đáo, sống động, truyền thống hiếu học... của mảnh đất có lịch có lề ngàn năm văn hiến. 11 tác phẩm xuất sắc nhất đã được trao giải và vinh dự được UBND tỉnh lựa chọn in lịch Tết Giáp Thìn 2024.

Cuộc thi Cây bút tuổi hồng lần thứ V chủ đề “*Chúng em chung tay bảo vệ môi trường*” là cơ hội để học sinh THCS bày tỏ sự quan tâm của mình trong việc xây dựng tỉnh Bắc Ninh phát triển bền vững, những mong ước của các em về một cuộc sống thanh bình, thân thiện với môi trường. BTC nhận được 263 tác phẩm của 239 tác giả nhỏ tuổi đến từ các trường THCS ở tất cả các huyện, thị, thành trong tỉnh tham dự cuộc thi, trong đó 131 tác phẩm văn xuôi, 132 tác phẩm thơ.

Các tác phẩm đã bám sát chủ đề về môi trường và bảo vệ môi trường đang được xã hội quan tâm trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa. Nhiều tác phẩm có tính sáng tạo trong cách tiếp cận, cách thể hiện vấn đề bằng ngôn ngữ hồn nhiên, trong sáng đúng với lứa tuổi. Có nhiều tác giả đã hóa thân vào trái đất, cây xanh, vào sông vào ao vào thùng rác, vào các loài vật thân thuộc như ếch nhái cá cua để nói lên tiếng nói của mình, để “kêu cứu” khi môi

trường sống bị ô nhiễm. Qua đó đã khơi dậy tình yêu quê hương đất nước, nhà trường, gia đình, bạn bè của các em, nâng cao ý thức trách nhiệm cùng chung tay bảo vệ môi trường, bảo vệ màu xanh quê hương. Cuộc thi phát hiện nhiều cây bút trẻ tiềm năng cần được tiếp tục bồi đắp, khuyến khích, tạo động lực cho các em trong sáng tạo văn học.

Có thể nói, các cuộc thi đã thúc đẩy phong trào sáng tác văn học, khơi lại mạch ngầm sáng tạo trong từng văn nghệ sĩ. Hầu hết các tác phẩm đều bám sát chủ đề từng cuộc thi, phần lớn các tác phẩm đã vẽ lên được bức tranh sinh động về hình ảnh đất và người Bắc Ninh, Kinh Bắc, khát vọng vươn tới tương lai. Nhiều tác phẩm phản ánh những mặt trái của công cuộc phát triển, với tinh thần “chống” để “xây”, lên án để đẩy lùi. Qua các cuộc thi đã đánh thức lòng nhiệt huyết sáng tạo, vai trò trách nhiệm của mỗi văn nghệ sĩ đối với sự nghiệp đổi mới của quê hương, đất nước và đối với Nhân dân.

Để có nhiều tác phẩm xứng tầm hơn theo đúng mong muốn và tinh thần của các cuộc thi, trong thời gian tới Hội VHNT tỉnh tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, tổ chức các cuộc thi; tăng cường công tác thông tin tuyên truyền thu hút sự quan tâm chú ý của hội viên, cộng tác viên và các tầng lớp nhân dân tham gia; bố trí kinh phí phù hợp, bảo đảm tương xứng với mục đích, ý nghĩa, quy mô mỗi cuộc thi./.

Tết muộn

VŨ THẾ THỰC

30 tháng 4 năm 1975 là mốc son sáng chói khi non nước thống nhất Bắc - Nam sum họp một nhà thì tháng tư năm 1976 tôi ra quân được cử đi học nghề “Lên

núi Vitosa quanh năm tuyết phủ thì phía nam có biển Địa Trung Hải với những bãi tắm biển xanh cát vàng tuyệt đẹp. Nhưng nổi tiếng hơn cả là hoa hồng, sữa chua và thuốc lá.

Trước khi về các cơ sở học nghề chúng tôi về khu nghỉ dưỡng Kachunca thuộc tỉnh Sliven học 9 tháng tiếng Bun, học xong thì đội tôi chia làm hai, một nửa về học ở thành phố phía Bắc, một nửa về học ở thành phố phương Nam là những nơi có các cơ sở chế biến thuốc lá. Qua Tết dương lịch ba tuần mới đến Tết cổ truyền của ta, Bộ Giáo dục ban có thông báo cho học sinh Việt Nam nghỉ ăn Tết âm lịch một ngày.

Tết Việt là thiêng liêng, từ trước Tết, các phòng ở của chúng tôi đều dùng bàn học kê làm bàn thờ, có thấp nền và hoa quả, lần đầu xa nhà, lại đúng khi đất nước mới thống nhất nỗi nhớ nhà nhớ Tết dâng đầy nhìn ai cũng ưu phiền ngơ ngác.

May mắn cho đội tôi có bạn Đinh Hòa Bình người phố Hàng Điều Hà Nội, con

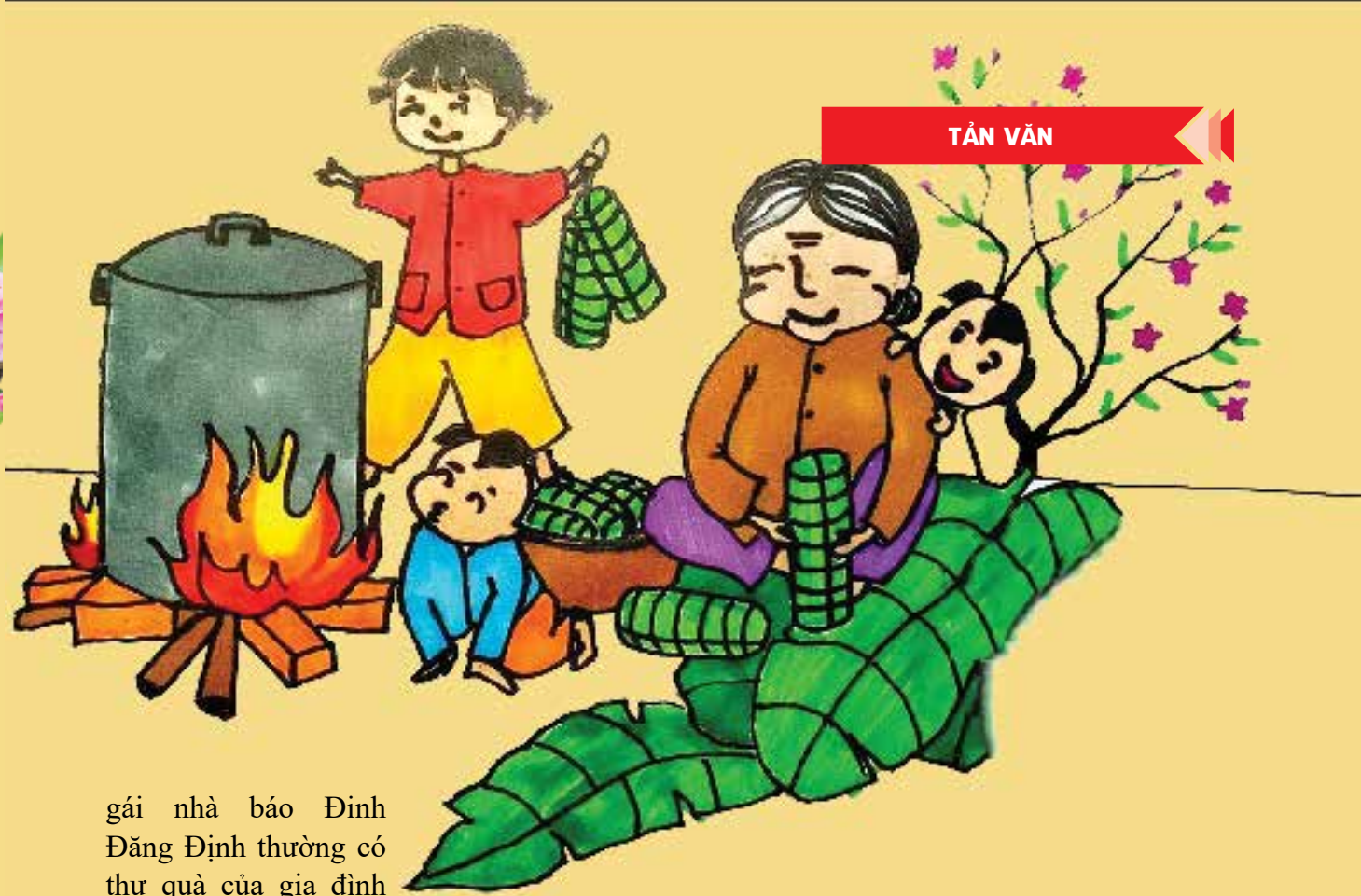
men
chống mốc
bảo quản thuốc lá”

ở Bungari. Chuyến đi ấy có gần sáu trăm người theo học ở hơn hai mươi chuyên ngành khác nhau. Đội thuốc lá của tôi có 30 người gồm 22 nam và 8 nữ quê khắp trong Nam ngoài Bắc.

Chúng tôi tập trung ở khu Ba Huyện, lên tàu từ ga Bắc Ninh tới ga Đồng Đăng qua Bằng Tường đổi sang tàu Trung Quốc, đi qua Trung Quốc đổi sang tàu Liên Xô, qua Nga, Ucraina, Ruamni sang Bungari liên khúc mười bốn ngày đêm.

Là quốc gia nhỏ xinh trên bán đảo Ban Căng, khí hậu Bungari ôn hòa đất đai màu mỡ rau quả nhiều, men bia, men sữa chua được ủ trên núi già nổi tiếng thơm ngon. Phía Bắc có





gái nhà báo Đinh Đăng Định thường có thư quà của gia đình nhưng mãi tận mùng mười Tết, Bình mới nhận được bưu phẩm xách tay do mẹ cô gửi qua một đoàn cán bộ quân sự sang Bun công tác, quà có đủ cả trà cau, vôi, mít, măng miến, mộc nhĩ, mì chính, nước mắm mỗi thứ một ít kèm bức thư và bài thơ có đoạn:

*Mẹ gửi cho con lá bánh mít gừng
Đủ vị con yêu ngọt chua đủ hết
Mẹ biết con mình giờ đang nhớ Tết
Sống ở xứ người thiếu vị quê hương.*

Bình mang món quà mẹ gửi làm quà chung cho toàn đội. Bọn mình lên kế hoạch tổ chức ăn Tết vào cuối tuần. Tôi phân công bộ phận gói luộc bánh, bộ phận ngâm ninh măng, bộ phận về làng mua gà tươi không ăn gà siêu thị, bộ phận đi mời thầy cô nhà trường và lãnh đạo nhà máy, bộ phận trang trí. Tiệc mừng năm mới được tổ chức vào chiều thứ bảy tại nhà ăn xí nghiệp từ 7 giờ tối, Giám đốc xí nghiệp cho mượn cái đài

Radio cassettes. Thầy Hiệu trưởng gặp tôi thông báo các đại biểu được mời ai cũng cảm động đón chờ, ông hỏi các em thích quà gì? Cổ đặt ở đâu hay nhờ nhà bếp? Tôi bảo cho chúng tôi mượn đồ dùng nhà bếp để chúng tôi tự làm hoàn toàn theo phong vị Việt Nam. Ông nhún vai thích thú rồi ông hỏi trang trí thế nào cứ bảo họa sỹ nhà trường giúp đỡ. Bạn cho ô tô ra cánh đồng trồng đào cưa một cây về, một tấm xốp lớn cắt cả chữ Việt và chữ Bun rất đẹp, bàn thờ đã có bánh trưng hoa quả, trà cau và bát hương. Các thầy cô, đại biểu đến sớm mang theo rượu, bánh, xúc xích, nho, táo khô... do gia đình làm. Đúng 7 giờ tối bắt sóng đài tiếng nói Việt Nam phát cho đồng bào xa Tổ quốc. Thầy Tô Sô bảo:

- Tiếng Việt mạnh mẽ nhĩ. Lina hát một bài xem nào.

Lina là tên Bun của bạn Liên, Liên ở

nhà đã là học sinh chuyên Nga nên nói tiếng Bun rất tốt.

Liên hát bài dân ca **Vào chùa**, cô Elena khen giai điệu hay, cô ôm Lina bảo phải dạy cô vào chùa nhé. Không khí bắt đầu gần gũi, vui, ấm áp.

Vào tiệc, Lina đọc nguyên văn bài giới thiệu về Tết cổ truyền Việt nam bằng tiếng Bun do sứ quán ta gửi về, cô Elena đọc lại một lần nữa, à hoa đào hoa mai là biểu trưng ngày Tết thế trời tròn đất vuông đâu? Có bánh trưng vuông đây còn trời tròn là khoanh xúc xích, nhìn nét mặt thầy cô hồ hởi, chúng tôi mời mỗi người thử một xiu bánh trưng, ai cũng nghiêm túc thận trọng, hình như có điều gì thất vọng, khách bảo nhạt, cố nuốt vào nhưng nó cứ trào ra. Mình bảo nhạt thì chíp nước mắm hay chan nước măng mới ngon. Món gà luộc khoái khẩu thì họ không ăn, người Bun không ăn đồ luộc, cuối cùng chỉ có hai món là nước mắm được dịch là nước cốt cá có chanh tươi đường ớt tỏi và bánh đa nem nguyên liệu ngũ hành mang tính tâm linh gồm bánh gạo cuốn với ngũ vị cà rốt, mộc nhĩ, miến, thịt lợn băm và trứng cùng gia vị là món bạn thích thú nhất. Món măng ninh với nước luộc gà và xương lợn nước mắm mì chính được cho là thượng đẳng súp, khách chia nhau húp cạn. Thầy Ivan dạy môn địa lý đọc nhiều truyện dân gian kể về sự tích trầu cau, cô Elena hỏi trầu cau đâu? Bạn Liên mang đĩa trầu ra mời, cô bảo ai ăn thử để cô học? Mình bỏ ba thứ vào miệng nhai, một lúc môi đỏ tươi mặt tung búng, thấy trầu xanh mà môi đỏ hấp dẫn quá nên mấy cô mạnh dạn nhai thử liền nhè ra kêu đắng lại chát, mình bảo có cay mới đỏ, có chát mới say. Đang huyền não thì khách đứng lên vỗ tay, ngoài cửa ông già tuyệt vai đeo cái bao vải giơ tay chào:

Chúc mừng năm mới! Ông đọc câu thơ, câu thơ này được ghi nhiều trên các tấm thiệp chúc mừng:

*Khi những bông hoa tuyết trắng tinh
lặng lẽ rơi trong đêm.*

*Khi tháng mười hai gửi buổi chiều
cuối cùng vào năm mới.*

Em lặng lẽ đứng lên.

*Môi em thâm gọi: Anh! Anh có biết lúc
này ở mãi phương xa có một người thâm gọi
tên anh: Chúc mừng năm mới!*

Và một câu tiếng việt lơ lơ mà ông đã phải học mấy hôm liền: “Chút mừn nam mới” Không khí vui vẻ thêm vì ông già chính do thầy dạy cơ khí đóng. Quà ông mang đến cho chúng tôi mỗi người một cái khăn len, nam kiêu nam nữ kiêu nữ được dệt bằng lông cừu rất mềm và ấm, mỗi người một hộp Sampoan hoa hồng. Bọn mình cũng tặng thầy cô và ban Giám đốc mỗi người một cái mảnh tre in hình chùa một cột, chim công, chim hạc, tuy không đẹp nhưng độc đáo vì nước Bun không có tre, không có loại tranh ấy. Cuối cùng là món cà phê tráng miệng hấp dẫn quá trời các thầy cô mê ly quá đỗi. Người Bun pha cà phê kiểu Thổ, hòa cà phê vào nước đun lên, cho đường rồi khuấy đều đổ vào cốc, uống cạn úp cốc xuống đĩa sau xem hình thù ở bã để xem bói. Các thầy cô bảo Việt Nam họ uống cà phê đặc biệt thế này xuất sang Bun toàn hạng bét. Thực ra không phải thế mà tại cách pha thôi. Ở Bun họ cũng bán cà phê Angola, cà phê Hà Lan thơm lắm thơm hơn của ta và cũng đắt hơn rất nhiều nhưng pha kiểu Thổ cũng không đậm đà bằng pha phin.

Cuối cùng thầy Hiệu trưởng Kenari phát biểu:

- Cha tôi là người Do Thái, mẹ tôi là người Ba Lan và tôi sống ở Bun, tôi được

tắm trong ba nền văn hóa nay làm Hiệu trưởng trường Hóa Thực phẩm. Hóa Thực phẩm của Bun là ngành học tốt có học sinh nhiều nước, châu Phi, châu Mỹ, Mông cổ, Apsganistan cả các nước châu Âu nhưng lần đầu tiên có học sinh Việt Nam. Tôi theo dõi nhiều dân tộc ăn Tết khác nhau xong đây cũng lần đầu tiên chúng tôi được các bạn học sinh nước ngoài mời ăn Tết, các nước họ chỉ vui vẻ nội bộ chút thể thôi gần như không có nghi thức khác biệt, xong các bạn Việt Nam khác hẳn, rất tài tổ chức, rất giàu bản sắc, rất giỏi nấu ăn, nghe còn nhiều nghi thức không thể diễn tả hết ở đây. Tôi rất thích ăn chuối, hôm nay lại nghe các bạn kể còn có mít nữa, nhớ lần sau sẽ được thưởng thức nhé. Cách đây vài năm, Apsganistan nội chiến, thương các bạn học sinh người Áp, chúng tôi cũng hỏi các bạn tổ chức Tết thế nào để chúng tôi giúp đỡ, các bạn ấy chỉ có mấy điệu nhảy múa thôi.

Không khí thật vui vẻ, Giám đốc xí nghiệp nhận xét:

- Nghi thức ăn Tết của các bạn là nghi thức cả hiện tại và cả tri ân cho người thân đã qua đời nên khá rắc rối và kéo dài, nghi thức nước tôi nghèo nàn nên chỉ ăn Tết vào đêm ba mươi xong nghỉ ngơi rồi đi làm, mỗi nhà đều có cảnh thông, làm món gà tây nướng hay hầm với dưa cải chua, xich xich với uống rượu thôi không cầu kỳ, không có nước mắm, súp măng ngon thế này đâu. Ngày Tết ăn uống trang hoàng như vậy còn vũ điệu Tết thế nào?

Lina bảo chúng tôi không có vũ điệu lễ Tết.

- Ô tiếc nhỉ, vậy dùng vũ điệu truyền thống của chúng tôi nhé? Có men vào người không nhảy vũ điệu thì say mãi... Giám đốc nói.

Nhạc “Khô rô” là tên gọi điệu nhảy truyền thống đoàn kết vui nhộn ở bất cứ ngày lễ Tết hay cuộc liên hoan nào ở Bun. Nó diễn ra khi bắt đầu và kết thúc như kiểu hát mời nước mời trà và già bạn của người Quan họ vậy. Âm nhạc rất sôi động, mọi người tay nắm tay, chân nhún nhảy theo nhịp hai tiến một lùi quay tròn và có thể nổi rộng ra thêm mãi, cuộc nhảy tung bùng kéo nhau ra hành lang rồi ra ngoài sân, ngoài trời tuyết đang rơi, tuyết nhẹ như bông trắng phau phau đậu trên mái nhà, đậu trên mái tóc vàng, tóc đen mượt và vai người, trên cây thông như cây bông tuyết đẹp. Cuộc vui kéo dài tới hơn mười giờ mới chia tay. Trước khi chia tay chúng tôi nắm tay nhau đứng dưới tuyết hát vang bài “Hây pò le” - Bài hát ca ngợi quân du kích Ban Căng, bài hát truyền thống cách mạng Bungari vô cùng mạnh mẽ hào hùng mà chúng tôi đã được học thuộc từ trong trường tiếng:

Hỡi cánh đồng lúa xanh tươi mênh mông xa vời

Hỡi núi rừng Ban Căng hỡi

Đã chịu, bao nhiêu đau khổ rồi để chiến thắng quân thù

Này, hỡi núi rừng Ban Căng hỡi!

Dư âm bài hát cứ vang xa mãi ấm áp vô cùng, thời tiết âm mười độ mà chúng tôi cảm thấy ấm nóng bình thường.

Dù có dùng dăng thế nào đi chăng nữa thì cuộc vui nào cũng tới phút chia tay. Chúng tôi chào tạm biệt thầy cô quý khách bằng tiếng Bun Đô-vi-rờ-đa-ne. Còn bạn lại chào bằng tiếng Việt: Xin chào!

Một ký ức vui vẻ về một cái Tết muộn ở nơi xa xứ thật thú vị và ý nghĩa, nhớ mãi khôn nguôi./

Ngoạ Long

TRẦN QUỐC CƯỜNG (Phú Yên)

L. Nắng sớm trải nhẹ màu mật ong xuống núi Ngoạ Long xanh rờn. Ngọn gió Nam phóng túng của những ngày áp tết gợi nỗi nhớ cồn cào cho những người tha hương cầu thực chọn chân núi Ngoạ Long kiếm kế sinh nhai. Những con dê trắng, vàng, đen nhún nhảy nhón nháo trên đường lên núi. Chúng kêu lên be! be! như chào mừng ngày mới, trong khi đàn bò lại thong thả qua ngã rẽ đến thảo nguyên mênh mông tha hồ gặm cỏ non tơ, tự tình động cốn. Vài cậu bé mục đồng quần đùi, áo mỏng, đầu trần, chân đất với những cái mũ lác được chúng quay hết ra sau lưng để rộng tay, rộng chân cầm roi chạy nhảy, reo hò, rượt đuổi nhau làm vỡ tan bầu không khí ban mai trong lành và tĩnh lặng đến vô cùng.

Nhìn từ xa, Ngoạ Long Sơn mang dáng dấp con rồng nằm đầu hướng về phía Đông, đuôi cong cong theo hướng Bắc. Những dãy núi hình vòm xanh rì nhấp nhô, uốn khúc như thân rồng, chốc chốc mây lãng đãng trên đỉnh núi tạo nên sự

huyền hoặc. Tương truyền ngày xưa vào những ngày mưa gió dữ dội người ta nhìn thấy rồng bay lên nhào lộn tỏa ánh hào quang rực rỡ chứ không chỉ nằm yên một chỗ như bây giờ. Núi con rồng huyền ảo linh thiêng. Làng Ngoạ Sơn hình thành với dân du cư từ phía Bắc. Lão Đắc già làng kể: trên núi Ngoạ Long có nhiều thảo dược quý, trong đó cây “nước mắt rồng” chữa được bách bệnh. Dân hái lá cây nước mắt rồng bao giờ cũng đem đặt trong miếu thờ Long Vương khẩn vái xin long thần gia hộ rồi mới đem về nấu uống. Vậy nên miếu Long Vương trên núi Ngoạ Long bốn mùa hương khói ám áp từ lòng thành của những người đi tìm dược liệu và các chàng tiều phu.

Lão Đắc một thuở là dân buôn ngựa võ nghệ cao cường ngang tàng gặp thị Nụ buôn muối. Một hôm, chàng mời nàng vào quán cóc ven đường nói không cần nhìn mặt: “Em nó có muối, tôi có ngựa. Muối bỏ lên lưng ngựa thồ cùng đưa lên vùng cao sinh lợi lâu dài, việc gì phải gánh gồng cho

mòn vai, chai gót?”. Nụ bạo miệng: “Vậy thì mình dính thành một đôi anh hỉ?”. Đắc chớp lấy thời cơ, li lợm sấn lại cầm tay: “Vậy nghen Nụ! Tội mình đâu còn mười tám đôi mươi mà dùng ngôn tình văn vẻ!”. Cô gái trúng kế giang hồ tứ chiếng liền rút tay về: “Em còn đi giao muối cho người ta kéo đường dài trời tối!”.

Hôm sau Đắc một mình một ngựa lên Ngọa Sơn. Dọc đường gặp Nụ bị đám con trai đón đường giở trò đòi bái. Một cú nhảy điêu luyện từ lưng ngựa xuống quặp cổ ngay một tên khiến hấn lộn nhào. Đắc bồi thêm một cú thối son, gã lưu manh hộc máu miệng. Hai gã còn lại thấy Đắc uy lực như thiên thần thì vùng chạy trốn. Hai bao muối Đắc dòn lại thành một cột chặt vắt ngang lưng ngựa. Quang gánh Đắc xếp gọn gàng, cắp nạng Nụ phi lên lưng ngựa phóng ào ào. Từ bữa “anh hùng cứu mỹ nhân” đó Nụ trở thành người của Đắc. Nụ chưa từng biết mùi đời, nay nâng khăn sửa túi cho Đắc, tuy chàng có hơi lỗ mãng nhưng cơ bắp cuồn cuộn và hết lòng yêu chiều vợ. Vượt cạn lần đầu, Nụ sinh đôi một trai, một gái. Đắc thức suốt đêm để tìm cái tên cho con. Trời gần sáng, Đắc cười khà! khà!: “Mình là Đắc thì các con mình là Nhân, Tâm. Đắc nhân tâm là nghệ thuật thu phục lòng người, làm cho mọi người yêu mến mình”. Nụ nghe chồng nói vậy thì thích chí: “Đúng rồi! Tánh mình hay nóng nảy dễ làm méch lòng người ta. Nay con mình tên Nhân, Tâm thì mình phải biết tu tâm, dưỡng tánh!”. Hồi mới đưa Nụ về nhà, mẹ Đắc ứng khẩu: “Con Nụ vú nở,

mông to mấn để phải biết!”. Sau Nhân, Tâm, cứ hai năm Nụ cho ra đời một cặp đôi. Nào là Quanh, Co, Queo, Quọ. Những cái tên nghe muốn bật cười nghiêng ngả nhưng các bé gái đều xinh đẹp, ngoan hiền. Ngũ long công chúa theo cha luyện võ và cưỡi ngựa lên núi hái thảo dược bỏ mối cho các hiệu thuốc nam. Chỉ có Nhân là phụ với mẹ giữ nghề buôn muối. Có ai hỏi Đắc vì sao đặt tên các con ngoắt ngoéo như đường lên núi vòng vèo vậy. Đắc nhe răng cười: “Cuộc đời phải trải qua nhiều khúc khuỷu như vậy mới thành nhân”.

2. Chiều buông xuống thứ ánh sáng kỳ ảo nhuộm Ngọa Long Sơn thành màu tím thẫm. Những áng mây trắng phau như túi bông mang hình những con bạch long hiện ra lạ lẫm, thú vị. Lưng chừng núi làn khói lam bảng lảng. Tiếng hú của loài vượn dội vào vách đá gọi buồn. Sơn Long tiên sinh chỉ tay về hướng Đông nói với khách: “Thế đất thanh long nằm ở đó! Chú em chọn địa điểm mở du lịch sinh thái ở Ngọa Sơn là thượng sách!”. Khách hăm hở: “Thầy ở trên núi có bao giờ nhìn thấy rồng chưa?”. Sơn Long tiên sinh: “Trong tâm tưởng mình nghĩ có thì có, thế thôi!”. Khách lại hỏi: “Vì sao thầy đặt tên là Sơn Long?”. Sơn Long tiên sinh: “Có lẽ người dân ngụ cư ở chân núi Ngọa Long thấy tôi sống một mình quanh quẽ lâu năm trên non cao chuyên tìm dược liệu chế biến thuốc cứu người nên họ đặt như vậy thôi! Chuyện buồn cười lắm chú em! Một sáng, tôi thức dậy thấy trên phiến đá dựng chềnh ềnh gần lối đi trước thạch động, ai đó viết



MINH HỌA: Lưu Quang Lâm

bằng sơn trắng bốn chữ “SƠN LONG TIÊN SINH” to tướng. Tôi mặc kệ luôn đến giờ!”. Khách tỏ vẻ thích thú: “Ở khắp vùng này đâu có ai ần đặt lại giới phong thủy như thầy. Mọi người tôn vinh thầy là Sơn Long tiên sinh cũng xứng đáng lắm chứ ạ!”. Đó là khách chỉ nhận xét riêng về nội hàm dẫn đến bốn chữ Sơn Long tiên sinh, còn trông dáng vẻ bề ngoài, ông mặc áo dài rộng xúng xính, râu ba chòm, tóc búi quả cam, gương mặt sáng như trăng

rằm, dáng dấp nho nhã khiến cho ai nhìn đến cũng người phải kính nể.

Ngọa Long Sơn bốn mùa khí hậu trong lành, mát mẻ khiến cho con người ta sáng khoái tinh thần. Người nào lạc bước đến đây sẽ chán ngấy những nơi xô bồ, ồn ã. Lão Đắc và Ngũ Long Công Chúa diện kiến Sơn Long tiên sinh dưới tảng đá có bốn chữ viết bằng sơn trắng vào một ngày đẹp trời. Đắc chỉ bò bả với những người sống dưới chân núi Ngọa Long, còn đối

với Sơn Long tiên sinh thì lão hết lòng kính trọng, ngưỡng mộ (sau khi lấy được liệu xong, Đắc thường tạt vào thạch động đàm đạo với Sơn Long tiên sinh): “Tiên sinh chỉ giùm tôi cách bào chế cây nước mắt rồng thành viên nén được không? Thú thật hôm nay tôi đưa các cháu đến đây học nghề bào chế thuốc của tiên sinh đó! Chẳng lẽ cha con tôi suốt đời mãi miết tìm được liệu bán cho người ta chế biến thuốc thành viên, thành thương hiệu tiền lời vô kể?”. Sơn Long tiên sinh vuốt râu, cười khà: “Không dám! Không dám! Tôi có cách này giúp lão võ sư ăn nên làm ra dài lâu mà không cần lao tâm khổ tứ!”. Lão Đắc cả mừng: “Dạ! Tiên sinh cứ dạy! Tôi xin nghe theo!”. Sơn Long tiên sinh giọng chậm rãi, từ tốn: “Năm nay Giám đốc Sang (khách) sẽ xây dựng điểm du lịch sinh thái trên núi Ngọa Long này. Lão võ sư và năm nữ võ sỹ hình thành đội vệ sỹ bảo vệ khu du lịch thì còn gì bằng!”. Đắc được lời Sơn Long tiên sinh như cởi tấm lòng: “Ôi! Nếu nói vậy thì tiên sinh đã có ý định từ trước rồi! Cảm ơn! Cảm ơn tiên sinh lắm lắm!”.

3. Những ngày áp tết Giáp Thìn, đường lên Ngọa Long Sơn được tráng nhựa phẳng phiu. Các pa nô quảng cáo Điểm Du lịch Sinh thái Ngọa Long Sơn được treo dọc đường gây ấn tượng mạnh đối với du khách. Dân làng dưới chân núi Ngọa Long được Công ty Du lịch Thuận An cho vay vốn và hướng dẫn mở các quán giải khát dọc đường. Họ còn tuyển nam nữ thanh niên là người của địa phương tập huấn kỹ năng làm du lịch. Núi con Rồng như chuyển mình làm thay đổi diện mạo

miền sơn cước. Nhân học thêm tiếng Anh. Cậu bỏ hẳn nghề buôn muối, thay cha điều hành Đội bảo vệ mang tên “Ngũ Long Công Chúa”. Các vệ sỹ: Quanh, Co, Queo, Quọ giờ có những cái tên mới (theo giấy khai sinh): Ngọc, Lan, Kiều, Diễm. Họ còn đào tạo các lớp vệ sỹ kế thừa đảm bảo sự an toàn cho khu du lịch. Du khách trong và ngoài nước vô cùng thú vị khi nhìn thấy Đội vệ sỹ “Ngũ Long Công Chúa” xinh đẹp mặc đồng phục màu thiên thanh, đầu đội mũ ni trắng rộng vành, nai nịt chỉnh tề với công cụ hỗ trợ giắt ở thắt lưng ngòi chêm chệ trên lưng tuấn mã dẫn đường cho những đoàn du khách nước ngoài đang đầu tư vốn làm ăn ở Việt Nam.

Lão Đắc cùng với Sơn Long tiên sinh ngồi uống trà trước Hiệu thuốc “Long Châu Hoàn”, giọng lão Đắc chột xa vắng: “Thầy không vợ con, cháu chắt chi hết sau này biết nương tựa vào đâu? Hay là về ở với tôi cho có bạn?”. Sơn Long tiên sinh lộ vẻ cảm động: “Cảm ơn tấm chân tình của ông! Để tôi suy nghĩ lại rồi trả lời cho ông nhé!”. Lão Đắc làm sao quên công ơn của người đàn ông nhân hậu. Trước đây người dân làng Ngọa Long này cuộc sống bấp bênh, giờ biết mở rộng kinh doanh dịch vụ ăn uống là nhờ ai? Dọc đường lên núi Ngọa Sơn có hàng loạt quán “Long Châu Hoàn” ra đời chỉ khác nhau cái tên chủ tiệm từ đâu mà có? Lão võ sư một mình từng hạ gục cả chục tên lục lâm thảo khấu. Con người ông tưởng chừng như khô khan về tình cảm, vậy mà mắt ngân lệ long lanh: “Thầy ơi! Tiên sinh ơi! Đừng từ chối lòng thành của gia đình tôi thầy nhé!"/.



DUY ĐẮC

Đêm xuân trên cầu
Kính Dương Vương

Cây cầu như dải lụa
Nằm vắt mình lên trăng
Nổi Tiên Du - Phật Tích
Với Luy Lâu - Thuận Thành.

Sông Đuống miên man chảy
Nghiêng nghiêng giữa đôi bờ
Cầu như vàng trắng khuyết
Trên nền trời mộng mơ.

Đêm Khán hoa rực rỡ
Ngàn ánh đèn lung linh
Kìa những nàng tiên nữ
Hát giao duyên tỏ tình.

Theo dấu chân Từ Thức
Tôi đi tìm Giáng Hương
Bàn cờ tiên vẫn động
Trong mơ màng hơi sương.

Bến đò Dền vẫn đây
Qua bao ngày chiến tranh
Cùng tiểu đoàn Thiên Đức
Đã một thời lừng danh.

Năm vòm tròn trắng lệ
Vừa uy nghi kiêu sa
Vừa như rồng cuộn sóng
Bay đến ngàn phương xa./.



VŨ ANH ĐỨC

Bồng nhiên

Bồng nhiên nhớ người yêu cũ
Chôn xưa rừng cọ đôi chèo
Mới hay tơ tình chưa dứt
Kệ đời ghét bỏ cười chèo.

Bồng nhiên nhớ sông ngày ấy
Bàn chân in dấu bãi bờ
Bấy nhiêu mãi là kỷ niệm
Mối tình vương vấn vào thơ.

Bồng nhiên nhớ về phố cũ
Cao Bằng đường cũ sỏi đồi
Bàn chân bên nhau bước nhẹ
Hai người đêm ấy sóng đôi.

Bồng nhiên muốn về chốn cũ
(Một lần - Chỉ một lần thôi!)
Câu thơ ngổn ngang... từ ấy
Bâng khuâng... tình cũ - Đã rồi!



PHẠM VĂN NAM

Ngủ với hương cau

Cứ nhủ lòng phải đến với hương cau
 Không thể để câu thơ mình mắc nợ
 Thời cơ chế thị trường
 chẳng còn duyên chợ búa
 Những câu chữ nhọc nhằn
 bòn mót cuối mùa thơ...
 Đã xa rồi những mộng những mơ
 Những phù phiếm vàng son
 Làm thôn thức những mảnh buồm trôi dạt
 Bông rớt giọng trầm khan sai nốt nhạc
 Ngán ngợ chiều hát hội - về đâu?

Có lẽ nào lỡ hẹn với hương cau
 Biết liền chị liền anh vẫn đợi
 Rót chén rượu ủ men tình vơi vợi
 Bày bàn thơ, mở tiệc... nhắm thời gian!
 Chớ bận lòng vì nhiều ít nghe anh
 Mắt ngời sáng, mặt võ vàng nắng gió
 Câu hát xẩm nã nùng đêm quán trọ
 Tung chùm thơ lấp lánh ở lưng trời
 Hương cau bay đến xao xuyên lòng người
 Trà thơm lá đủ làm run rẩy gió
 Đòi dâng hiến có trà cay quế đỏ
 Biển thơ đầy từ dòng chảy muôn sông.

Kìa bình minh vẫn rực mỗi mai hồng
 Đôi mưa nắng còn cào cào cỏ hát
 Mà rồi tu giọt sương tan - vụn hết
 Chờ bình minh về vun gốc... gọi mùa sau!...

NGUYỄN THẾ THỤY

Tình xuân trên biển

Cát trắng mịn màng như lụa
 Nhẹ đi mát lịm bàn chân
 Thì thâm sóng trườn trên cát
 Mơn man yêu cát ân cần.

Bỗng cuồng sóng xô ào ạt
 Sục sôi miết mài hôn cát
 Thập thành tim tôi rạo rục
 Thiên nhiên đẹp thế này ư...?

Én trời chao liệng giăng tơ
 Dệt thêu tình xuân nhưng nhớ
 Biển xanh thâm thì nhắc nhở:
 Tình yêu trẻ mãi không già./.

XUÂN HÙNG

Quà tặng Giao thừa

Tôi đi gom chút nắng đông
 Giấu trong tim chút men nồng mộng mơ
 Kiên trì sưởi ấm vần thơ
 Chờ cho đến phút Giao thừa tặng em./.



BÌNH GIẢI “MÀY NGÀI, NÉT NGÀI” TRONG TRUYỆN KIỀU NGUYỄN DU

DƯƠNG MẠNH NGHĨA

Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du dài gồm 3254 câu thơ lục bát. Qua rất nhiều các bài viết, bài nghiên cứu của những người có hàm chức như Giáo sư, Tiến sỹ, các nhà nghiên cứu văn hoá văn học nghệ thuật, các nhà báo nhà thơ đều khẳng định "**Truyện Kiều** là kiệt tác, là thi phẩm hội tập đầy đủ tinh hoa của ngôn ngữ Việt.

Với căn cứ trên, ta cũng không cần phải suy nghĩ nhiều các ngôn ngữ khác ngoài ngôn ngữ Việt. Song, ta cũng cần chú ý cần trọng xem lại (đối chiếu) các từ (Nôm) để tham khảo. Bởi: cụ Nguyễn Du viết **Truyện Kiều** bằng chữ Nôm và hiện nay nguyên tác (bản gốc) không còn lưu.

Thời gian qua trong giới Kiều học (cụ thể là trong Hội Kiều học) có rất nhiều tranh luận trong các từ: “nét ngài và mày ngài”, cụ thể trong các câu:

1/ Câu 927:

Bên thì mày ả mày ngài

Bên thì ngài bốn năm người làng chơi

2/ Câu 1213:

Khi khoe hạnh, khi nét ngài

Khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười cợt hoa

3/ Câu 1267:

Râu hùm, hàm én, mày ngài

Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao

4/ Câu 2274:

Rõ mình lạ vẻ cân đai

(có bản ghi là *lũa mình*)

Hãy còn hàm én mày ngài như xưa.

Trong bài viết này: Tác giả lại muốn trải lòng một thành viên sáng lập trong hội Kiều học, tâm hồn của một nhà thơ, tính cách của một nhà nghiên cứu văn nghệ dân gian, xin vô phép bình giải xung quanh các từ "*mày ngài, nét ngài*" trong bốn câu thơ: câu 927, 1213, 2167 và câu 2274 của cụ Nguyễn Du.

1. Câu 927 và 928 là một cặp thơ lục bát (6-8)

- 927 thể lục có 6 từ. Trong khuôn viên lầu xanh của Tú Bà, có nhiều nhà, nhưng địa điểm này có thể là nhà khách (nhà tiếp đón) lối đi vào nhà có hai bên (phải và trái).

- Ý thứ nhất: Thơ đã chỉ rõ: "*Bên thì mấy ả mày ngài*" ý thơ của Nguyễn Du đã gây lên (ảo). Ý thực là có ngôi nhà, đi vào thì có hai bên; bên - không biết là phải hay trái có "*mấy ả*", mấy ả thì phải có 2 ả trở lên, không quá 5 ả, toàn đàn bà không có đàn ông.

Hai từ "*mày ngài*" thực ở đây là "*mấy ả*" toàn "*mày ngài*" nhưng *ảo* lại là *mày ngài thật* hay *giả* - người đàn bà đẹp, có *mày ngài*... không được như Thúy Vân "*nét ngài nở nang*" thì cũng là *nét ngài thật*. Nhưng nếu *mấy ả* này đã dày công nhỏ, tĩa lông mày, rồi thay thế bằng nét kẻ đen cho đôi lông mày hình lá liễu (*mày ngài*) thì sao?

- Câu 928 - *Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi*. Ý của câu (bát) này Nguyễn Du đã tả thực hoàn toàn. Có (ảo) thì (làng chơi) không rõ toàn đàn ông hay có đàn bà nữa (vì làng chơi có thể có cả đàn ông và đàn bà).

- Toàn bộ cặp lục bát 927 và 928 trên, Nguyễn Du đã rất tài nghệ sử dụng thuật giữa *thật* và *ảo*. Đặc biệt cụ đã sử dụng (thuật) ước định theo kiểu nôm na dân dã... (mấy ả, bốn năm người).

2. Câu 1213 và 1214 là một cặp lục bát 6-8

- 1213: "*Khi nét ngài*" câu lục (6) nét ngài ở câu này là (mẹo tình) nghề gái làng chơi do Tú Bà dạy bắt Thúy Kiều học để làm nghề. Thúy Kiều là thật, *mày ngài* của Thúy Kiều cũng là thật, nhưng "*nét ngài*" là *ảo* và *giả* tạo không như ở câu 20 tả Thúy Vân "*nét ngài nở nang*". "*Nét ngài nở nang*" là nét ngài tự nhiên, nguyên thủy (nó chỉ được thể hiện khi con ngài cái mới ra tổ trong thời kỳ phát dục).

Câu bát (8) trong khổ thơ lục bát này có "*ngâm ngợi nguyệt*" và "*cười cợt hoa*". Những từ trên Nguyễn Du ngụ ý tả không phải là nội tâm nhân vật, mà đều là hình ảnh *giả* tạo (mẹo) của gái làng chơi, buộc Thúy Kiều phải thực hiện. Thể hiện dùng mắt (lông mày) dùng mồm, môi để mua chuộc khêu gợi tình dành cho khách làng chơi (là mẹo của kịch dục).

3. Câu 2167

"*Râu hùm hàm én mày ngài*" câu lục (6) ... Râu hùm, hàm én là nói lên người đàn ông đẹp, tuấn tú, anh hùng... còn "*mày ngài*" của đàn ông, theo điển cố văn học cũng là *mày ngài* đẹp. Nhưng "*mày ngài*" của đàn bà khác hẳn với "*mày ngài*" của người đàn ông.

- *Mày ngài* của người đàn bà là *mày ngài* của con ngài cái.

- *Mày ngài* của người đàn ông là *mày ngài* của con ngài đực, ở đầu con ngài cũng



phát ra hai cái râu và có lông (ngược với ngài cái). Ngài đực lông cũng mọc dày từ phần nhỏ sát với đầu, lông mọc (mở) to dần đến quá nửa râu phát nở to rồi thu nhỏ (như lưỡi mác). Râu ngài cái thì cong, thanh nhưng râu ngài đực dựng ngược (mở) khoảng 60° - phía trên. Lông mày hình kiều lưỡi mác tạo diện mạo người có tướng quân sự (võ tướng) trí quyết đoán và anh hùng.

4/. Câu 2274

- Câu lục (6) "Rõ mình lạ vẻ cân đai" (cũng có quyền in là Lữ mình lạ vẻ cân đai), "rõ" - rạng rỡ, tự hào, dám chắc tự tin.

- Câu bát (8) "Hãy còn hàm én mày ngài như xưa". Hai từ "hàm én" nói về chàng con trai đẹp, tuấn tú. Còn hai từ "mày ngài" cũng đẹp...

đàn ông có "mày ngài" lưỡi mác biểu hiện trời phú là một võ tướng trung thành luôn đi theo lẽ phải, chuyên làm điều nhân đức, dám chống lại cường quyền. Mặt khác lại là một người chung tình. Trong chiến trận, giữa rừng tên, núi mác... mạng sống vẫn bảo toàn, tình không đổi thay... một lòng thủy chung với một tình yêu (sét đánh) giữa Từ Hải và Thúy Kiều, bởi có hai từ cuối của câu bát (8) là hai từ "như xưa". Như xưa... đã nói lên lòng chung thủy trước sau không thay đổi.

Toàn bộ **Truyện Kiều**... xoay quanh từ "mày ngài" và "nét ngài", cụ Nguyễn Du đã rất tài hoa trong bút pháp, quan sát kỹ con bướm, con sâu tằm - một nghề của nông dân người Việt. Cụ đã sử dụng ngôn ngữ Việt vào thể thơ lục bát, trong từng câu, từng ý, từng từ. Thơ cụ thể hiện, đa chiều, khiến người đọc đa cảm (giữa không gian thực và hư) và cuối cùng người đọc khi hiểu, khi biết lại rất đơn giản rằng:

- Mày ngài người phụ nữ đẹp giống mày ngài của con ngài cái có hai râu dài, thanh cong như hình một chiếc lá liễu.

- Mày ngài người đàn ông đẹp, tuấn tú, đáng anh hùng có hai râu dựng chéch khoảng 60° phần cuối có hình như lưỡi mác./.



Phạm Quang Tiến

ĐÌNH NGUYỄN THÂM HOA VỐN LÀ THẦN ĐỒNG

LÊ VIẾT NGÀ

Tiên sinh họ Phạm, tên Tiến, hiệu là Tán Dung, sinh năm Canh Dần (1530) đời Mạc Đăng Doanh, niên hiệu Đại Chính năm thứ nhất. Đó chính là năm Mạc Đăng Dung truyền ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh, lên làm Thái thượng hoàng.

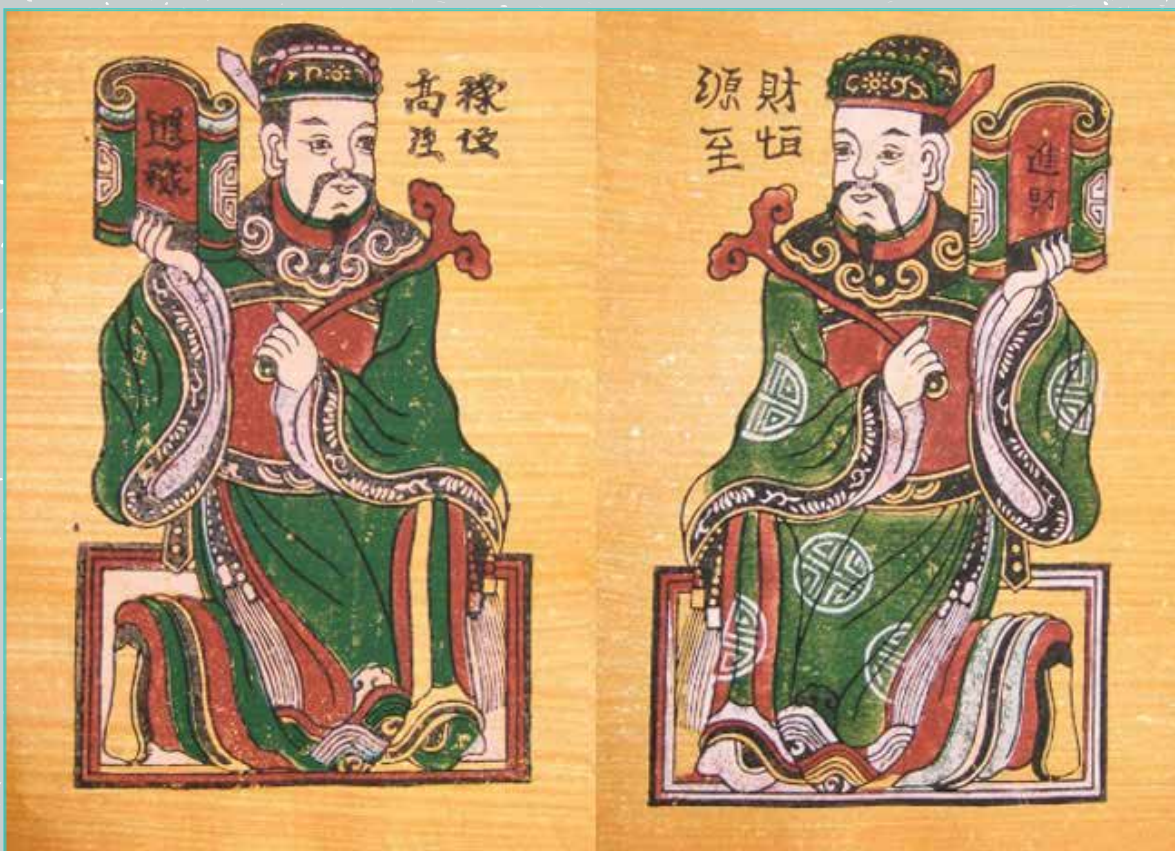
Quê hương Phạm tiên sinh ở làng Lương Xá, huyện Lang Tài, phủ Thuận An, xứ Kinh Bắc (nay là huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh). Làng xã ở vào giữa khoảng trời đất có giang thủy hợp lưu, nên nghiệp văn chương thịnh vượng, đời nào cũng có người khoa danh hiển đạt, làm rạng rỡ về vang cho cả làng cả xứ.

Có thể nói truyền thống khoa bảng về vang của đất Lang Tài xưa được kết tinh từ những vùng quê văn hiến này: đó là Lương Xá, Văn Xá, Lai Xá... Những họ đầu tiên dựng nghiệp khoa bảng ở nơi đây là họ Vũ, họ Lương, họ Phương, họ Đào. Phạm Quang Tiến là người mở đường khoa cử cho gia tộc ở đây. Truyền kể: Khi mới hai tuổi, được mẹ dạy đọc sách, viết ra một

dòng, đọc xong rồi đốt đi luôn, bắt ông đọc lại, ông nhớ tường tận. Hai ngày sau hỏi lại ông vẫn nhớ không nhầm. Đến khi đi học, đọc mỗi trang sách một lần, rồi tự châm lửa đốt. Người khác đố ông đọc lại, ông đọc không sai một chữ.

Ngày còn niên thiếu, Phạm tiên sinh đã tỏ ra thông minh hơn người. Tiên sinh đọc rộng thi thư, lớn lên ông thường đề tâm vào con đường văn học. Truyền thống quê hương, những tấm gương của các bậc cha anh trong làng xã đã gieo vào lòng người thư sinh họ Phạm một nhiệt tâm học tập quên mình. Đó là các ông: Hoàng giáp Đào Phùng Thái (đỗ năm 1505), Tiến sỹ Phương Kính Trung (đỗ năm 1514), Hoàng giáp Vũ Kính (đỗ năm 1544), Tiến sỹ Lương Phùng Thời (đỗ năm 1553). Chính Hoàng giáp Vũ Kính là người thầy trực tiếp dạy Phạm tiên sinh và bạn ông là Vũ Cẩn. Trong bia còn ở địa phương và truyền kể của nhân dân có nêu rõ điều này.

“Thượng thư Vũ Cẩn đỗ Thám hoa,



cùng với bạn là Phạm Quang Tiên thụ nghiệp (học) ở Hoàng giáp Vũ Kính”.

Vũ Kính... là thầy dạy của Trạng nguyên Vũ Giới, Tri phủ huyện Đằng Thủy, Trần Văn Bảo, Tri huyện Chí Linh Phan Huy Ương, Thám hoa Phạm Quang Tiến, Tiến sỹ Vũ Văn Giai, Nguyễn Quang Đình.

Năm Ất Sửu, sau khi đã thi đỗ qua qua kỳ thi Hương, tiên sinh Phạm Quang Tiến bước vào kỳ thi Hội do nhà Mạc mở.

Nhà Mạc mở khoa thi Hội, Phạm Quang Tiến đỗ Tiến sỹ cập đệ, bọn Phạm Hoành Tài 3 người đỗ Tiến sỹ xuất thân, bọn Lại Mãn 12 người đỗ đồng Tiến sỹ xuất thân.

Trong khoa thi Tiên sỹ mà ông Phạm Quang Tiên tham dự, cả nước có 16 vị đỗ, thì Kinh Bắc chiếm tới $\frac{1}{4}$ và Lang Tài lại chiếm 50% số đỗ của Kinh Bắc. Đặc biệt trong khoa thi này có ông Nguyễn Đình Tú - người Trình Khê cùng huyện đỗ Hoàng Giáp, khi ấy ông mới 24 tuổi, sau làm quan tới chức Hình bộ Tả thị lang. Ông trú tại làng Lương Xá, lấy con gái của quan Thượng thư Vũ Kính, sau có con được làm nội phi và phong làm Lục cung công chúa - do vậy khi mất mộ ông cũng được an táng tại làng Lương Xá.

Sau khi dự thi Hội, tiên sinh Phạm Quang Tiến và Nguyễn Đình Tú hội họp

chờ triều đình làm nghi thức xướng danh Tiến sỹ, đứng trong danh sách những người đậu đại khoa, Phạm tiên sinh được ban mũ, áo, đai theo quy chế của thời Lê quy định; được dự lễ ban yến do triều đình tổ chức cho các vị Tiến sỹ.

Cuối cùng là nghi thức các Tiến sỹ lạy tạ và vinh quy. Thám hoa Phạm Quang Tiến và Hoàng giáp Nguyễn Đình Tú cùng các quan tân khoa khác đã được triều đình cho về quê vinh quy bái tổ.

Dân thôn Lương Xá lại một lần nữa, sau gần 10 năm (kể từ khi ông Vũ Cận đỗ năm 1556) lại được tổ chức lễ hội long trọng để đón rước quan tân khoa vinh quy bái tổ. Phạm Quang Tiến người con ưu tú đã phát huy truyền thống vẻ vang của cha anh, mang lại vẻ vang cho cả làng cả xứ. Đặc biệt là lần này dân Lương Xá còn được đón tiếp cả quan tân khoa Nguyễn Đình Tú - sau khi về quê Trình Khê bái tổ, đã trở lại nơi quê mình đã gửi gắm bao kỷ niệm những năm tháng dùi mài kinh sử. Cũng vì thế mà ông đã trở thành chàng rể của làng Lương Xá văn hiến và khoa bảng này.

Trở lại triều đình, ông Phạm Quang Tiến và các quan tân khoa khác đều được bổ nhiệm các chức vụ để làm quan phục vụ cho dân cho nước. Không phải vì ông có nhiều vị quan là người cùng quê làm ở trong triều, mà là do tài năng và đức độ của mình. Phạm Quang Tiến đã được triều đình cho giữ chức Đông các Đại học sỹ. Người con gái của ông được tuyển làm nội phi và phong làm Lục cung công chúa.

Ở làng Lương Xá còn truyền kể về chàng tiên sinh họ Phạm này như sau:

“Phạm Quang Tiến, Đông các, làm quan đến Đại học sỹ, hiệu là Tán dung tiên sinh, chức Tả thị lang, trước khi đi thi đã là giám sinh, sau đi sứ, tái trúng Đông các đệ nhất”.

Chức quan Đông các đại học sỹ mà ông Phạm Quang Tiến đảm nhận cũng như chức quan Quốc Tử Giám Tế tửu, thông Chánh sứ, Tham chính, Chỉ huy đồng tri, Tả hữu tán thiện, Chỉ huy Thiên sự, Đô tổng tri, Thiên tổng tri, Tuyên úy thiên sự, Thiên thái giám - đều thuộc hàng tòng Tứ phẩm. Nhưng Thám hoa Phạm Quang Tiến lại còn được ban Tả thị lang nên được hưởng ở hàng tòng Tam phẩm.

Phạm Quý Công còn là người có công trong việc tham gia đoàn sứ thần của triều đình sang nhà Minh làm nhiệm vụ bang giao giữa hai nước. Phạm tướng công là một nho quan thanh liêm, mẫu mực, sau thời gian cư quan nhậm chức, do nhiệm vụ yêu cầu về quan hệ bang giao giữa hai nước Đại Việt và Minh triều, ông đã được triều đình cử đi tham gia trong phái đoàn sứ bộ sang nhà Minh. Nhưng không may ông bị mất trên đường đi sứ. Triều đình vô cùng thương cảm, đã truy tặng ông là Tả thị lang.

Đình nguyên Thám hoa Phạm Quang Tiến vốn là thần đồng - tấm gương sáng mẫu mực về tinh thần hiếu học cho thế hệ kế tục học tập và noi theo./.

NGUYỄN TẤT ĐÌNH VÂN

Quê mình mùa xuân

Năm nay xuân mở hội nhiều
Làng làng xóm xóm rươi chiều gió đông
Người xe xuôi ngược qua đồng
Dập diu trảy hội dòng sông đỏ đầy.

Bóng em giải yếm gió bay
Miếng trầu xuân trước còn say đến giờ
Chờ ai ai đợi ai chờ?
Sở lòng con sáo sang bờ sông xa.

"Người ngoan" đến hội ngân nga
Đề bao du khách về nhà ngẩn ngơ
Tóc thề em buộc cài lơ
Đào mai bùng nổ chẳng chờ xuân sau.

Dòng sông con sóng về đâu?
Cho lòng ta gửi một câu thơ tình
Cho em ngày ấy "Trúc xinh"
Trao duyên khúc hát quê mình mùa xuân./.



ĐÀO QUANG THẮNG

Chơi xuân Tam Đảo

Thơ còn ngúng nguẩy Giêng Hai
Thử một lần chơi Tam Đảo
Cho vui bảy nổi, ba chìm
Cho đầy thêm câu trong trèo.

Đông vẫn chùng chình uốn éo
Lộc xanh Tam Đảo đã trời
Ta xanh dưới vòm lá mướt
Lạc miền nắng lụa sương mây.

Không thể nào không ngắt ngây
Má thắm môi tươi đầu núi
Sơn nữ dăng na, mời chuối
Hôn ta em cất đầu rồi.

Bên nhau quanh nồi khoai mật
Hít hà la lá thơm bay
Không mời, không bia, không rượu
Mà đắm, mà lịm, mà say.

Bạn bè bỗng đâu ủa tới
Rung rung dào dạt sum vầy
Bắc - Trung - Nam tề tựu đủ
Bồng bênh núi núi, mây mây.

Rời đi, rời xa, rời nhớ
Một lần đừng đỉnh chơi xuân
Mười năm lòng còn dửng dăng
Thì thăm Tam Đảo xa xanh./.



TRẦN CÔNG SẴN

Phật Tích vào xuân

Đông chưa tàn, xuân đã về sớm thế!
Cánh đào phai sương ngậm dáng non tơ
Vài chiếc lá núa đông xao xác rụng
Bóng thuyền câu trên sóng nước xa mờ.

Nắng vàng nhạt mơ hồ trên bên vắng
Cánh én nghiêng trôi về phía hư vô
Dòng sông Đuống phấp phồng thiêm thiếp ngủ
Tiếng còi xe tíu tít phía cầu Hồ.

Đêm Phật Tích hương trầm ngan ngát tỏa
Đường lên chùa khoan nhạt tiếng nam mô
Mưa lất phất sương vương tà áo mỏng
Độc núi quanh co! Bát quái trận đồ.

Rực rỡ vườn chùa mẫu đơn khoe sắc
Phật A Di Đà ngự đỉnh non tiên
Bao du khách chấp tay cung kính vái
Cả rừng hoa rung rức một màu thiên.

Hoàng hôn xuống mơ màng chàng Từ Thức
Lộng lẫy Giáng Hương Xiêm áo ngọc ngà
Nữ tú, nam thanh tung bùng trẩy hội
Quan họ (mạn thuyền) rộn rã (Khán Hoa)*

(* Ngày hội Khán Hoa chùa Phật Tích vào hai ngày mùng 4 và mùng 5 Tết thường niên.

VŨ TUẤN ANH

Em có nghe

Em có nghe âm vang rền nền nã
Rất trẻ trung trong đoàn trẩy hội xuân
Em có nghe dòng Thiên Đức đang ngân
Khúc hoan ca mừng cây cầu nổi nhịp
Thuận Thành, Tiên Du tiến kịp Từ Sơn.

Em có nghe tiếng xe tấp nập hơn
Trên các tuyến đường ra vào thành phố
Yên Phong thay chiếc áo xanh vừa cỡ
Cả tung tăng, chim vỗ cánh trở về
Lương Tài, Gia Bình tươi mới miền quê
Bên Quê Võ bức tranh màu đang dệt.

Em có nghe tiếng bắt tay đoàn kết
Đưa Bắc Ninh sớm hết một hành trình
Xứng với tên một thành phố văn minh
Em có nghe rộn rã trái tim mình
Trong hợp xướng mùa xuân và Tổ quốc./.

NGUYỄN XUÂN HUY

Xuân sớm

Tiết trời còn lạnh mùa đông
Mà cây đào đã điểm hồng thắm tươi
Phải chăng cây hiệu ý người
Đề hoa nở sớm đất trời sang xuân./.



Năm nào cũng vậy, vừa năm mới đã hết năm và Tết về. Đời người lắng đọng bao nhiêu những kỉ niệm song có lẽ kỉ niệm về Tết xưa là đáng nhớ nhất, đầy ắp nhất. Bởi thế chỉ cần thoáng trong suy nghĩ thôi thì kỉ niệm Tết xưa đã ùa về.

TẾT THỜI BAO CẤP

ĐỖ QUỐC LONG

Thời bao cấp, những năm cuối thập niên 60, bình thường cuộc sống của cán bộ công nhân viên chức và người dân đã khổ lại phải lo đi sơ tán tránh bom đạn của giặc

Mỹ nên lại càng cơ khổ đủ điều. Thiếu cái ăn, cái mặc, thiếu điện, thiếu nước, thiếu không khí náo nhiệt...

Nhà tôi ngày thường gần chục miệng ăn hàng tháng chỉ trông chờ vào ngót trăm đồng bạc tiền lương của cả bố và mẹ tôi, nên mỗi dịp Tết về là bố mẹ tôi cứ là tuốt mồ hôi hột ra mà lo trăm thứ. Còn đám trẻ “ăn chưa biết no lo chưa tới” cứ nhơn nhớn, chẳng cần biết bom đạn chết chóc hay đói khổ là gì. Vào cuối năm, mỗi lần bóc một tờ lịch ra khỏi bì là tôi lại đếm từng ngày ngóng Tết về. Tết vừa được mua quần áo mới, được người lớn mừng tuổi, được đánh chén no nê thịt, bánh mứt kẹo, được nghỉ học chơi cho thỏa các trò chơi mà chỉ Tết thì ít bị cấm đoán như chơi súng diêm, đánh đáo ăn tiền... Tết về, cái lo của các ông bố bà mẹ công chức đông con như gia đình tôi hồi đó đơn giản là làm sao để có được mười cân gạo nếp gói bánh chưng, vài cân thịt lợn, một hai con gà là sang lắm rồi. Bên cạnh đó không thể không lo cho mỗi anh chị em chúng tôi có bộ quần áo mới. Vật chất đơn giản chỉ có vậy thôi mà có khi bố mẹ tôi phải lo cả năm, nghĩa là dứt Tết này đã phải lo cho Tết sau rồi.

Nhà đông người nên mẹ tôi bao giờ cũng lo Tết về có con lợn năm bảy chục cân để mổ cho mọi người ăn đựng. Mẹ tôi được tay nuôi lợn, thường cứ đầu năm bỏ con giống là cuối năm có chú lợn 70-80 kí mồm mĩm. Ngày đó nuôi lợn ít có điều kiện làm chuồng mà thường buộc chạc dất ra dất vào nhà như chó nên các chú lợn rất bện người. Những lúc máy bay Mỹ gầm rú

anh cu “Hội” cũng biết sợ cứ sán vào người nằm im thin thít. Nuôi con của phải chăm sóc kĩ lưỡng lắm. Tất cả trông vào cu Hội nên Mẹ tôi nói vui “người ốm chẳng ngại bằng lợn ốm”. Tiết cuối năm trời rét như cắt da cắt thịt mẹ thường lấy bao tải khâu thành áo mặc cho chú lợn. Con lợn trở nên thân thiết gần gũi với cả nhà nên đến khi giết thịt nó anh em chúng tôi thương xót lắm. Chăm chút chu đáo là vậy, thế nhưng cũng có năm chưa kịp đến Tết “cu Hội” lại lăn đùng ra ốm. Cái giống lợn ốm tiêm thuốc mà không khỏi thì mổ ra bán thịt có rẻ mấy cũng chả ai thèm ngó. Thế nên phải bán chạy cho “ba toa”, bị ép giá cứ như mất cắp, tức đến mất cả ngủ.

Những gia đình ăn đựng thịt lợn thường là láng giềng, bạn bè thân thiết với nhau như anh em trong nhà. Vì thế nhà có lợn cho ăn đựng thường phải chịu thiệt thòi hơn là “mua đứt bán đoạn”. Trước hôm mổ thịt lợn phải bỏ đói để dễ làm lòng, khi cân hơi lợn hao mất năm, bảy cân là chuyện bình thường. Những lúc ấy thấy anh em tôi có ý tiếc, mẹ tôi lại an ủi, toàn anh em hàng xóm láng giềng tắt lửa tối đèn có nhau đi đâu mà thiệt.

Những năm không có lợn mổ ăn Tết, cả nhà buồn thiu. Bố mẹ tôi lại phải chạy đôn chạy đáo lo ăn đựng lợn nhà khác. Tôi nhớ có một năm, vì không có lợn mổ, nhà tôi cùng 3 gia đình khác cùng ăn đựng con lợn của một nhà hàng xóm. Do tham lam mà anh chị này đã đúc cho con lợn một bụng hơn một yến toàn cám ngô với bắp cải, khi mổ ra chứa đầy một cái chậu nhôm

Liên Xô. 4 gia đình năm ấy dính quả đắng vì phải ăn thịt lợn giá cao, song vợ chồng nhà chủ lợn có lẽ sẽ day dứt cả đời.

Thời bao cấp các gia đình cán bộ có tem phiếu mua rau đậu thịt, so với người nông dân còn hơn chán vạn, nhưng có đâu được ăn sướng mồm như ngày Tết. Mổ lợn ngày giáp Tết cũng là hôm khoái nhất với đám trẻ con chúng tôi vì được thỏa sức đánh chén. Bố tôi không thạo việc nên chả mấy khi được mớ tay vào việc mổ lợn. Song lúc chia thịt thì bao giờ ông cũng có mặt. Bố thường bảo “đánh nhau chia gạo chào nhau ăn cơm” nên luôn nhắc mẹ phải chia các phần thịt cho các suất ăn đựng cho thật đều kéo mang tiếng.

Sau mổ lợn mẹ lựa phần thịt có cả nạc và mỡ thái ra từng miếng nhỏ ướp nước mắm ngon và hạt tiêu làm nhân bánh. Gạo nếp được mẹ đãi rất kỹ, nhặt không sót một hạt sạn nhỏ. Đỗ xanh được khấp nhỏ, ngâm bỏ vỏ chỉ còn màu vàng tươi. Lá dong được rửa sạch. Mẹ cẩn thận cắt gân và cuống từng tàu lá. Mẹ bảo làm như vậy bánh mới để được lâu, không bị nhột thiu. Thường là mẹ chỉ gói vài cặp bánh chưng vuông để thờ còn lại mẹ gói bánh chưng tày. Mẹ bảo cái anh bánh chưng tày luộc rền để lâu không bị lại gạo như bánh vuông. Ấy là mẹ tôi nói lo xa vậy thôi, nhà tôi đông anh em đang sức ăn, có nhiều bánh đậu mà lo nhột, thiu, đến mồng ba Tết là đã sạch sẽ rồi.

Những lúc mẹ gói bánh chưng chúng tôi xúm xít xung quanh, đứa nào cũng muốn được mẹ dành nhiều đỗ, thịt để gói cho mình một chiếc bánh tày nho nhỏ. Nói đến luộc bánh chưng khi đó lo để có nồi luộc cũng chẳng dễ. Tuy không phải thuê mượn nồi luộc song cũng

phải đăng kí trước. Nhà này vớt bánh thì lập tức nhà khác lấy nồi ngay. Mấy năm vất vả vì phải châu chực mượn nồi, mẹ tôi mua được cái thùng đựng nhựa đường về thuê thợ gò thùng nấu bánh thế là chủ động được nồi luộc bánh không phải đi mượn. Mẹ bảo giờ thì nhà mình có thùng nấu bánh khỏi phải luộc bánh đêm, trông thức vất vả. Thế nhưng với cánh trẻ chúng tôi luộc bánh đêm cũng có cái thú của nó nên dù có thùng rồi song chúng tôi vẫn cứ khoái luộc bánh đêm hơn ngày. Những đêm thức trông bánh, mẹ tôi thì lo đun nước tắm cho cả nhà, đám trẻ con lấy chiếu trải cạnh bếp rưng rục than hồng chơi tú lơ khơ, chơi tam cúc, lụi mía, nướng ngô, nghe bà hay mẹ tôi kể chuyện cổ tích, khi chán các trò rồi thì ngồi ngủ gà ngủ gật bên bếp than hồng thấp thỏm chờ lúc vớt bánh. Với các anh chị độ tuổi cập kê thì đêm nấu nánh trưng là cơ hội dốc bầu tâm sự. Bên bếp lửa má ai cũng rục rịch khát khao yêu đương. Những lúc như thế bố, mẹ tôi thường ý tứ đi ngả lưng trước không quên dặn dò chúng tôi phải nhớ chế thêm nước sôi vẫn bên bếp và đun lửa cho nồi bánh sôi đều các góc để bánh không bị hấy. Nhờ biết chọn gạo ngon, gói chắc tay lại khéo luộc nên bánh chưng nhà tôi bao giờ cũng rền, thơm ngon ai ăn cũng khen.

Bây giờ đời sống khấm khá, thường nhật muốn ăn bánh chưng khi nào cũng sẵn, Tết về mấy ai còn thèm bánh chưng xanh, vậy nên cũng chẳng còn đâu không khí háo hức quanh nồi bánh chưng như thời bao cấp./.



Bạn tôi

BA LẦN CẦM SÚNG

HOÀNG TIẾN

Tết Giáp Thìn này, tôi thật sự vui mừng, khi người bạn thân - đồng tuế - CCB ba lần cầm súng vẫn sẽ cùng tôi trà dư, tửu hậu, rôm rả chuyện trò về mùa xuân, cuộc đời và thế thái nhân tình. Ông này sau ba lần cầm súng là ba mươi năm đau yếu liên miên, không ít lần “Thập tử nhất sinh”. Hệ quả của ba lần nắng mưa, bão táp trong quân ngũ. Cứ nhìn cái sẹo với những vết khâu chằng chịt như một đường viền khép kín, suốt từ vùng ngực vắt sang phía sau lưng đã dễ sợ. Sau lần mổ ấy tưởng chừng giới lâm cũng chỉ sống được mười năm nữa. Vậy mà ơn Trời - Phật Tổ tiên, ơn Cụ Hồ phù hộ, ông vẫn sống, đã gấp 3 lần dự đoán (hơn ba mươi năm) Tết này 88 tuổi. Dầu không khỏe, nhưng vui, vì suốt đời sống tận tụy, giản dị và tấm lòng trong sáng.

Ông là Nguyễn Văn Thính, người làng Bến Long, xã Song Liễu, Thị xã Thuận Thành nơi quê hương thuần nông, nhiều công tích trong cách mạng và kháng chiến, nơi được Nhà nước ghi công - cả xã được hưởng Bảo hiểm xã hội miễn phí.

Tôi và ông gặp nhau lần đầu vào dịp tết năm Giáp Ngọ (1954) khi ông là chiến sĩ Đại đội 535 địa phương quân Thuận Thành. Còn tôi là Văn phòng UBKCHC kiêm Văn phòng Xã đội xã Trí Quả. Ông và tôi cùng sinh năm Đinh Sửu (1937) cái tuổi rất hiếu động, nói lắm, cười nhiều, nhưng cực kỳ gian truân vất vả, đúng là số cầm tinh con trâu. Ông ghen với tôi: “Mi làm Văn phòng, sướng, xa tầm lựu đạn”. Tôi bảo: “Vẫn làm cả du kích. Trận đánh càn Trà Lâm hôm nọ còn được khen thưởng đấy”. Hai chúng tôi cùng cười, vui hể hả. Là tôi nói cùn thế,

chứ lính văn phòng, du kích, vẫn sống với lũy tre làng, với gia đình, làm sao so với bộ đội, nay đây mai đó, đặng đặng xa quê, trăm bề gian khổ...

Hai chúng tôi có lắm sự trùng lặp ngẫu nhiên, sau này hai xã Song Liễu và Trí Quả cùng được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Đơn vị AHLLVTND” thời chống Pháp, ông và tôi cùng có chút vinh dự đóng góp trong chiến công hào hùng ấy. Tôi và ông lại cùng công tác ở Phòng Lương thực huyện nhà. Rồi lại cùng vào bộ đội những năm đánh Mỹ. Ông là lính tái ngũ lần thứ ba (1966) nên nhanh chóng được đề bạt Trung đội trưởng. Sau vì sức yếu, chuyển ngành về cơ quan, làm Phó Ban Tổ chức Huyện ủy. Còn tôi - hành quân vào Nam, chiến đấu suốt hơn tám năm ròng. Mãi khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước mới được chuyển về ngành cũ. Tôi lại ty với lão: Mi làm lãnh đạo, sướng...”. Lão đáp trả: “Sướng gì cái chức “phó” còm này. Nhưng viên sĩ quan Quân giải phóng thật có giá trong thời loạn. Giờ về động đến lãnh đạo là không xong đâu...”. Tôi đờ ra “Quả có thể thật”, “Một không nhá”. Chúng tôi cùng cười vui, vì còn sống để gặp nhau, trêu chọc cho... sướng, rồi lão kể cái khổ: “... Phó Ban phải viết nhận xét cán bộ, lắm khi trần trọc, nghĩ suy, như trường hợp M - Nh... một con người: cụ thể - tốt, nhưng gặp lúc chủ trương lớn của Nhà nước... Những lúc nhọc nhằn như thế tôi nhớ anh đến tận thân. Hay có lần phải cung cấp lý lịch một Đảng viên cho mấy ông Viện kiểm sát - Công an. Họ

cần lý lịch để... khai trừ. Người kia phạm tội “ghen tuông, đánh vợ”. Xót thay cho người chuẩn úy vừa về phục viên, tôi mới băng quơ: “Lý lịch người ta đấy. Các anh về mà khai trừ”. Tôi thử hỏi: “Nếu là các anh - các anh sẽ tính sao?” Vậy mà động lòng trắc ẩn... Thôi đấy! Khi gặp lại họ vui vẻ thừa nhận: “Đúng! Cần hiểu những cặp vợ chồng biển biệt xa nhau, gặp “sự cố” sẽ có bức xúc, ghen tuông là cái chắc”. Thế là chân lý đã được tôn trọng”. Hai chúng tôi rất tin nhau, hợp nhau, đủ thứ. Từ cách sống, cách nghĩ, cách chơi, làm việc, hợp hành, tranh cãi. Còn đọc sách báo, chơi thể thao, bóng bàn, bóng chuyền đều mê như mê gái. Và những buổi trăng thanh, gió mát, đôi bạn dạo gót trên đường 38 sao mà lắm chuyện, hợp gu, hoặc những buổi tôi chơi cờ, lão ngồi bên cạnh, thì đối phương khó lòng thắng nổi, chẳng phải do lão cờ cao, lão có cách, vừa khích tướng, vừa hài hước, lại có duyên, đối phương không thể tự ái, dẫu có khó chịu, cũng chỉ cười trừ. Hai chúng tôi cùng sớm về hưu, mới 50 tuổi, lại cùng vào Hội CCB năm 1990. Cứ lẽo đẽo theo nhau từ khi quen biết, nay đã tròn 70 năm, vẫn sống, thân ái, chan hòa trong tình bạn, thương yêu nhau rất mực. Khi trước ở cùng cơ quan, đôi bạn lúc nào cũng cặp kè, khiến mấy cô gái phát ghen, phát bực và có lúc cũng gây nên phiền toái, dẫu chỉ là bốc đồng của tuổi trẻ. Sau này có dịp ôn lại mới xót xa, cười ra nước mắt. Bây giờ thì bảo nhau: “Cứ sống vui, có ích, sẽ khỏe, cả thể xác lẫn tinh thần. Lúc nào các cụ “trên” gọi thì “về” theo quy luật

“nhân sinh hữu hạn” chẳng thể níu kéo ở đời. Lại ngẫm ở đời khá nhiều tấm gương trong về tình bạn, tình yêu, khá nhiều triết lý hay về lĩnh vực này. Tôi nghiệm ra rằng cứ sống thật tốt, chân thành, sôi nổi, vô tư, yêu thương nồng cháy “Thương người như thể thương thân” trước sau cứ là chính mình ắt đời sẽ bù trừ lại, sẽ có tình bạn lâu bền, tình yêu đậm thắm, thủy chung. Khi gặp khó khăn, hoạn nạn sẽ được người cảm thông, chia sẻ và đời sẽ có niềm vui, hạnh phúc đúng nghĩa.

Những năm tôi đi B, cảnh nhà vợ con túng thiếu, lão dành dụm từng cân tem phiếu, do những ngày xuống xã, không phải góp cho bếp cơ quan, mang về cho. Khi ấy dăm - mười cân tem gạo, quý lắm, nó như là “bát cơm Phiếu Mẫu”. Lão còn “chạy chọt” lo xin việc, cho những đứa em tôi, vất vả lắm. Khi về biết chuyện tôi tỏ lòng biết ơn lão. Lão bảo: “Giá là anh - anh cũng sẽ thế” và “Ừ thì số Trâu - vất vả là phải thôi”. Năm 1973 có Hiệp định Paris, tôi được về “phép” ít ngày, kết hợp thăm tra lý lịch vài anh em quê Hà Bắc, có dịp “trả ơn” lão. Hôm lão về chơi: “Thích bắn súng ngắn không?” “Thích. Cho mình bắn vài phát”. Chuyện trò, cơm nước, lại có tí “tửu” bốc hỏa, mãi hơn mười giờ đêm lão ra về. Lão rất ý tứ không ở lại. Tôi cầm súng tiễn lão, ra cách đầu làng một quãng, mới lên đạn, đưa súng cho lão: “Nhớ bắn chỉ thiên”. Lão thích chí, bắn liền 3 phát: Pằng. Pằng. Pằng... Ban đêm tiếng nổ của K54 đanh, gọn, nghe như AK vậy... Bất

ngờ trùng hợp hiệu lệnh báo động của Trại Chăn nuôi Hợp tác xã. Mấy người có chức, có quyền có mặt. Họ có những lời nói khiếm nhã, mang vẻ quyền uy: “... Nguyên tắc bắn súng phải thông qua lãnh đạo địa phương...”. Lúc ấy, trời sáng trăng suông, nhìn mặt người lạ khó nhận ra. Lão biết cánh mình sai, nhưng lão yên lặng. Còn tôi, vốn nóng nảy, tôi cự lại: “Các ông hoành hợ ai! Này! Lơ mơ đừng trách - nhá”. Họ có 3 người, 1 Phó Chủ nhiệm, 1 xã đội phó, 1 người của trại... Hình như thấy tôi không bình thường, họ dụ dấn, rồi lần lượt “biến”. Lão khen: “Giỏi. Ứng xử mạnh mẽ thế mà xong đấy!”. “Thì cũng là cùn. Kể ra cứ mềm dẻo tý chút, hay hơn.

Rồi hai anh em lại búi ngùi chia tay - Vài hôm nữa tôi lại trở lại chiến trường. Còn là mướn, còn hơn 1 triệu quân Ngụy và hàng nghìn cố vấn Mỹ. Gần 4 năm sau nữa mới gặp lại nhau.

Năm 1991 lão ra Hà Nội mổ vì bệnh phổi. Tôi cùng đi, chỉ lo lão khó thoát “cơ trời”. Lão có vẻ yên tâm hơn. Chờ đợi tới phút lão lên bàn mổ, chờ đợi khi lão mổ xong, chờ đợi lão tỉnh táo tôi mới ra về.

Trong lúc chờ mổ, lão kể: “Năm 1957 tôi về phục viên (lần 1) mới 20 tuổi. Xã giao cho làm Chủ nhiệm Hợp tác xã Bến Long. Khổ! Gọi là một thôn, nhưng chỉ có hơn trăm khẩu. Vài chục nóc nhà, nghèo túng, cơ cực lắm, tôi đôn đáo, lo lắng, đến nỗi người gầy rạc ra. Có lẽ đang trai trẻ, ăn uống kém, lại vất vả nên hạn chế sức vóc...”. Tôi nghĩ có thể thật, ba lần

quân ngũ, nói một cách nhẹ nhàng nhất - là những đêm đứng gác - mỗi đêm 1 giờ đã khổ lắm rồi. Kể chi đến hành quân mang nặng, đạn bom, chiến đấu, gian khổ “Muỗi với vắt chúng tiêm vào mạch máu/ Khiến anh hùng xấu đẹp đổi thay...” và sự hy sinh luôn kề bên...

Tôi còn được biết, làng Bến Long của lão, tuy nhỏ bé, nhưng thật gan vàng, dạ sắt. Năm 1940 đã đón Hoàng Văn Thụ về công nhận Chi bộ Cộng sản Liễu Khê và từ 1940 đến 1945 luôn làm tròn sứ mệnh của cơ sở ATK. Cho đến kháng chiến chống Pháp, kẻ thù trong một ngày sát hại 12 người, nghĩa là mất 1/10 dân số. Tiếng khóc than, oán hờn động cả trời đất, nhưng không một ai nan từ công việc kháng chiến, trong đó có lão. Bộ đội đánh đường 5 hy sinh, bị thương, đưa về Bến Long, bà con một lòng xúm xụi, lo toan, cứu chữa và mai táng. Bạn đọc sẽ vô cùng cảm động khi biết, chỉ hơn trăm người dân, “đổi chọi” với hơn 1 Trung đội địch, đầy đủ súng ống, vẫn đủ mưu mẹo cất giấu gần chục bộ đội và thương binh an toàn...

Nhà tôi và nhà lão cách nhau chừng mười cây số, từ ngày hưu lão luôn bệnh tật, đau yếu, nên chỉ mình tôi giữ nhịp đi lại, thăm nom, rất chăm, rất đều, cố mang về cho lão - ít ra - là tiếng cười lạc quan. Mỗi khi tôi đến, vợ chồng lão, các con gái, trai, dâu, rể, các cháu rất đổi vui mừng: “Bác Tiến! Bác Tiến về!”. Kể cả anh con trai đương kim Bí thư Đảng ủy xã cũng reo lên mừng rỡ...

Thời gian như dòng sông, không ngừng trôi chảy, chẳng biết đời chúng tôi còn nắm

tay nhau được bao lâu nữa. Tết này cả hai: 88 tuổi đời, hơn 60 tuổi Đảng, gần 10 tuổi quân, hơn 30 tuổi CCB, người ta bảo: “Là đôi bạn hiếm thấy trên đất Thuận”. Hiện lão đang cố sức chống trọi với bệnh tật. Tôi khích lệ lão: “Pa ven của Song Liễu, cố sống xứng đáng là vốn quý của Đảng bộ và nhân dân Song Liễu. Các anh, chị lão thành cách mạng - Tiền khởi nghĩa - Cán bộ kháng chiến “đi” vẫn cả rồi.

Còn tôi, hẳn nhiên là cũng phải cố, cũng trùng hợp với lão là: ba lần cầm súng, hết Pháp - Mỹ lại Tàu cũng lắm nỗi đau thăm thẳm. May sao Tàu thua, Tàu chạy, đỡ được lần này. Khác với lão là tôi còn hơi khỏe, lại nhiều vương vấn với cuộc đời, không đang tâm chỉ ngồi chơi, xơi nước, lĩnh lương... mới theo nghiệp văn chương, viết ra đôi điều mắt thấy, tai nghe về anh em, đồng chí, đồng đội, về những con người xứng đáng sống trên cõi đời này, mà vì dân vì nước phải quên mình. Tôi muốn trả ơn đồng đội, trả ơn những người mẹ, người chị, người em ở tất cả những nơi tôi đã đi qua, đã sống, qua đó góp phần luận bàn dở hay, chính tà, ngang trái, hạnh phúc và bất hạnh, cao thượng và đốn hèn, mong chia sẻ, cảm thông với những thân phận éo le, cơ nhỡ, thiệt thòi... Có lúc đưa bản thảo cho lão đọc, lão suy nghĩ rất lung, có lần lão... khóc. Thì ra lão còn nặng nỗi đau đời”. Nhìn nước mắt lão rờn rờn chảy, tôi làm sao cầm lòng. Mắt nhòe đi... Mong sao đừng ai nhìn thấy những giọt nước mắt nóng bỏng của hai người bạn - tâm huyết, già nua và đa cảm.../.

Nỗi nhớ Giêng - Hai

Nhân vật :

THÀNH CHUNG

(Thầy Chung)
Giảng viên
Khoa kịch hát
dân tộc Đại học
SK-ĐÀ

THANH THANH:

Sinh viên năm
cuối Khoa kịch
hát dân tộc

THANH HIỀN:

Mẹ Thanh
Thanh

CHỒNG THANH HIỀN

TRỊNH QUANG KHANH

LỚP MỘT TẠI NHÀ THANH HIỀN

THANH HIỀN: (Với chồng): Chồng ơi, có điều gì mà hôm nay anh không vui vậy?

CHỒNG HIỀN: Tức không chịu nổi, tức hết chỗ nói!

Em hãy nghĩ xem, tay Trưởng thôn nó vừa đồng ý cho thằng Mai con trai doanh nhân Đại Lợi mở Câu Lạc bộ hát Hip hop ở ngay cuối làng. Hip hóp được sinh ra ở xứ sở cờ hoa, là một phong cách trong âm nhạc và trong nghệ thuật, thể hiện gu cá tính mạnh, ưa chuộng sự phóng khoáng, tự do và nổi loạn!

THANH HIỀN: Phong cách Hip hop có cả trong thời trang nữa đấy anh ạ. Những tay chơi sành điệu hiện nay đang đua nhau mua sắm quần áo Hip hop, đeo kính râm to che hết khuôn mặt, trông rất bí ẩn.

CHỒNG HIỀN: Hip hop sẽ làm hỏng con em của làng Quan họ gốc quê hương chúng ta mất thôi.

THANH HIỀN: Lo toan giữ gìn vốn cổ nhưng cũng phải để cho lớp trẻ trong làng chúng bằng chị, bằng anh. Du nhập cái mới đó là xu thế thời đại mà anh.

CHỒNG HIỀN: Du nhập cái mới ư, nhưng đâu phải cái mới nào cũng tốt. Tại sao những người có điều kiện không đứng ra thành lập các Câu lạc bộ dạy hát những

ca khúc dân gian đương đại?

THANH HIỀN: Được thế thì còn gì bằng, hãy để một thời gian rồi sẽ tìm cách tháo gỡ. Em không sợ bọn trẻ của làng chúng lãng quên vốn cổ của ông cha đâu anh ạ!

CHÔNG HIỀN: Không lãng quên nhưng hát Hip hop thì khi vào hát các làn điệu Quan họ còn đâu sự vang - rền - nền - nẩy? Chúng sẽ “hét” Quan họ mất thôi, vì hai phong cách trái ngược nhau. Dân ca Quan họ thì nền nã còn Hip hop lại giắt đùng đùng, gân cổ lên gào thét, thú thật với em là khi nghe những đĩa hát Hip hop anh chỉ muốn xông lên đâm vỡ mõm chúng ra.

THANH HIỀN: Trời đất ơi, cái máu sỹ quan đặc công lại nổi lên trong người anh hai Quan họ - Chông yêu quý của em rồi! Em xin anh hai hãy bình tĩnh, đừng bao giờ để rơi mất phong cách nền nã của người Quan họ.

CHÔNG HIỀN: Nhưng mà được chúng kiến việc làm vô lối của nó, anh không chịu nổi.

THANH HIỀN: Đối với bọn trẻ bây giờ không nên ra lệnh hay cấm đoán. Bản phận của các liền anh, liền chị chúng ta là phải làm cho các con, các cháu nó thấy hết những cái hay, cái đẹp trong những làn điệu Quan họ để rồi chúng nó sẽ tự tìm đến với vốn cổ của ông cha.

CHÔNG HIỀN: Chúng ta có bao giờ sao nhãng bản phận của một liền anh, liền chị trong bọn chơi Quan họ đâu,

THANH HIỀN: Anh xem, lớp dạy hát các làn điệu Quan họ cổ của em có khi nào thiếu vắng học sinh đâu. Mừng nhất

là các cháu chú ý học đủ lối, đủ câu, chăm chỉ luyện giọng sao cho nền, cho vang, cho ngọt, cho nẩy, cho rền. Em tin là hát Quan họ sẽ ngày một phát triển anh ạ!

CHÔNG HIỀN: Dù sao thì anh cũng không an tâm khi Hip hop tràn vào các làng quê Quan họ. Anh sẽ đưa vấn đề này ra chi bộ và ra hội người cao tuổi để bàn. Anh sẽ đi tới các làng Quan họ gặp các anh hai, chị hai cùng các liền anh, liền chị vận động họ đứng ra lập nên những “Nhà chứa Quan họ” để thu hút và truyền dạy vốn quý của ông cha cho lớp trẻ.

THANH HIỀN: Ôi, một dự định tuyệt vời! Hãy mau tiến hành đi, anh hai của e. Hội xuân năm nay vui lắm, anh phải đi chứ?

CHÔNG HIỀN: Nhất định rồi, đợi chờ cả năm để được giao lưu với các bạn Quan họ liền anh, liền chị, không đi sao được.

THANH HIỀN: Em thấy người không được khỏe, anh đi chơi Hội một mình vậy nhé!

CHÔNG HIỀN: Sao lại thế? Em không thể ở nhà được. Cả năm mới có một vài ngày làng mở Hội. Các liền anh, liền chị thuộc các bạn Quan họ trông ngóng đợi chờ... Minh ra Hội trước đi, anh lên làng Diềm để đi cùng mấy liền anh cùng đơn vị.

THANH HIỀN: Nhưng mà em thấy người không được khỏe thật mà.

CHÔNG HIỀN: Cứ ra hội chơi cùng các liền anh, liền chị là quên hết mệt nhọc. Hai năm vừa rồi mình đều kiếm có ở nhà không đi chơi Hội, sao lại thế hả “Liền chị” của anh? Chẳng lẽ em đã quên câu ca mà chúng ta thường hát: “*Trong Tú trản*

người đã chưa tỏ. Ngoại năm thành chỉ có Bắc Ninh. Yêu nhau trở lại sân đình. Nghề chơi Quan họ có tình mới tường”?

THANH HIỀN: “Nghề chơi Quan họ có tình mới tường”. Em đâu có quên. Người Kinh Bắc mà quên những câu ca đó của ông cha thì sao là “liền anh”, “liền chị”.

CHỒNG HIỀN: Vậy thì em mau vào thay phục trang để đi chơi Hội. Tấm áo mớ ba mầu nâu cánh gián, hai khăn thắt lưng, đôi dép cong cùng chiếc nón ba tầm mà anh mới sắm cho em đó, đừng để chúng phải treo mãi ở trong tủ. Vật quý phải được người thương sử dụng.

THANH HIỀN: Cám ơn, rất cám ơn chồng yêu quý, “liền anh” Quan họ của em. Anh biết không, lam lũ cả năm liền chị Quan họ luôn mong được mặc bộ áo mớ ba cùng tấm yếm đào, đầu đội khăn đen mỏ quạ, mình thắt lưng khăn xanh, khăn vàng, chân đi dép cong, vai khoác chiếc nón ba tầm quai thao để đi chơi Hội cùng các liền anh, liền chị. Thế mà sao vài năm nay em thấy không vui...

CHỒNG HIỀN: Sao bỗng dưng em lại như thế, hay là anh có điều gì làm em không vui?

THANH HIỀN: Ô không, em bỗng dưng không vui đâu phải tại anh. Thôi anh vào lấy khăn đóng, áo cặp the hoa gấm và ô lục soạn rồi đi sang Diềm kéo chúng bạn chờ.

CHỒNG HIỀN: Được, anh đi ngay bây giờ đây, nhưng em phải hứa với anh là không được ở nhà đâu nhé! Tối qua con gái chúng ta nó điện về cho anh là hôm nay con nó sẽ cùng thầy giáo dạy hát về

chơi hội đây. Con nó mong được gặp cả bố lẫn mẹ tại Quan họ Hội Lim. “Liền chị” của anh đừng làm cho con nó mất vui.

THANH HIỀN: - Thế đấy, nó báo cho bố mà không hề thông tin cho mẹ! Đúng là con gái giống cha giàu ba bảy đụn. Thấm thoát thôi đưa, chỉ còn ba tháng nữa là con gái của chúng ta đã tốt nghiệp ra trường, trở thành cử nhân nghệ thuật của sân khấu dân gian.

CHỒNG HIỀN: Đúng là con hơn cha; Rồi đây các làng Quan họ sẽ có các ông cử, bà cử, hơn hẳn thế hệ chúng ta.

THANH HIỀN: Còn có Giáo sư, Tiến sỹ nữa chứ. Chả vậy mà UNESCO đã ghi danh Dân ca Quan họ Bắc Ninh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

CHỒNG HIỀN: Những gì mà bà tổ nghề để lại sẽ được tiếp nối và phát triển rạng rỡ. Những làn điệu hát Quan họ không chỉ tồn tại ở 44 làng Quan họ cổ ở đất Bắc Ninh mà đang lan tỏa tới bốn phương.

THANH HIỀN: Quan họ đã thành “Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại” không lan tỏa sao được. Rất vui vì chúng ta được sinh ra và lớn lên trên quê hương Quan họ.

CHỒNG HIỀN: Và đang là những “Liền anh”, “Liền chị” của miền quê không đến thì nhớ, đến rồi lại chẳng muốn về (*Thanh Hiền cùng chồng cất cao tiếng hát “Tương phùng - Tương ngộ”*).

T.H: “Khi (i) tương phùng là khi nay (a) tương ngộ/ Xuôi (i) lên bộ văng văng tiếng tơ tình/ Chiêm (i i) bao lại lần chần là canh năm canh...”

Chiêm (í í) bao lại lần chân là canh năm canh.

C.H: - Bên (í) mạn oanh (í ơ) bên mạn oanh/ Ngồi tựa giảng thanh, thương nhớ sầu oanh/ Thương nhớ (ơ) sầu oanh..

T.H: - Là em biết đến bao giờ / Hạp mặt là đôi sánh đôi?

**LỚP HAI
THẦY VÀ TRÒ KHOA KỊCH HÁT DÂN TỘC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHÁU
- ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI**

TRÒ THANH (Thanh Thanh): - Thưa thầy, em đến chào thầy để về nghỉ tết Nguyên Đán và có điều muốn được thưa cùng thầy.

THẦY CHUNG (Thành Chung): Có việc gì em nói đi!

TRÒ THANH: Dạ thưa... Em muốn mùa hội xuân sắp tới được đón thầy về quê hương chơi Hội Lim và hát cùng các “Bọn Quan họ”. Từ ngày em vào trường theo học tới nay đã bốn năm rồi, em chưa thấy thầy về dự Hội; Chẳng lẽ thầy không nhớ Hội quê, không nhớ các liền anh, liền chị trong các bọn Quan họ sao?

THẦY CHUNG: Nhớ, rất nhớ là đằng khác.

TRÒ THANH: Vậy thì đầu xuân tới em mời thầy về chơi Hội, thầy nhé! Sau kỳ nghỉ tết, tựu trường, chỉ còn ba tháng nữa là em bảo vệ tốt nghiệp, ra trường phải xa các thầy, các cô... xa tất cả cảnh quan của khu Văn công Mai Dịch - Nơi đã ươm mầm, tạo nên biết bao văn nghệ sỹ nổi tiếng...

THẦY CHUNG: - Trời đất ơi, cô học trò bé bỏng của tôi hôm nay sao mơ mộng thế ? Quê em cũng là quê của thầy mà. Một vùng quê Quan họ khiến cho ai không về thì nhớ, nhớ da diết, nhớ nôn nao; Nhất là trong những ngày làng quê mở Hội mà không về được thì nỗi nhớ cứ âm ỷ trong tâm, trong trí không phút nào nguôi. Em có biết người Quan họ gọi nỗi nhớ đó là gì không ?

TRÒ THANH: Là gì ạ ?

THẦY CHUNG: Đó là “Nỗi nhớ Giêng Hai” - Nỗi nhớ đó chỉ có ở các liền anh, liền chị Quan họ, nó băng khuâng suốt cả cuộc đời. Nhớ những canh hát thâu đêm tới sáng. Những liền anh, liền chị Quan họ cứ gặp nhau là đắm mê, là đắm, là say. Chơi cho chỉ nỗi kim chìm. Chơi cho lở đất long trời. Càng về khuya, Quan họ càng bay bổng; Càng trầm, càng mặn nồng tình nghĩa. Càng thiết tha gắn bó nỗi nhớ, niềm thương...

TRÒ THANH: Ôi! “Nỗi nhớ Giêng Hai” nghe sao thân thương, gọi cảm quá thầy ơi! Được học thầy gần hết bốn năm mà sao hôm nay em mới được nghe thầy nói ra điều đó!

THẦY CHUNG: Dù ở nơi đâu người Quan họ luôn nhớ thương da diết những canh hát Quan họ của quê hương. Ca cho mãi võ, tàn canh. Cho tàn đêm rạng ngày. Sự đắm mê đó đã tạo nên nỗi nhớ. Nỗi nhớ trong người Quan họ nó đắm, nó thắm, nó lặn chìm trong tâm, trong trí, ít khi nói ra em ạ. Đó là nét duyên dáng, sự “Nền nã” ân tình của người Quan họ quê ta đó em.

TRÒ THANH: Thưa thầy, Bắc Ninh quê ta có tới 44 làng Quan họ gốc chắc là

có những phong tục tập quán khác nhau chứ ạ ?

THẦY CHUNG: Có nhiều điểm giống nhưng cũng có những điểm riêng biệt. Điểm chung nhất là tục kết chạ (kết bạn) giữa các bọn Quan họ của các làng. Sự kết chạ phải tuân theo nguyên lý “Âm dương tương cầu”. Nghĩa là bọn nam Quan họ làng này kết chạ với bọn nữ Quan họ làng kia. Quan họ kết chạ phải khác làng, không bao giờ kết chạ Quan họ cùng làng và cùng giới. Vì vậy hát Quan họ là hình thức hát đối đáp nam nữ. Có thể hát đối nam nữ hoặc cả bọn nam hát đối đáp với bọn nữ Quan họ. Lời ca luôn luôn gắn bó giữa tình và ý để tạo nên hiệu quả “Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”. Đó là cách chơi Quan họ em ạ!

TRÒ THANH: Ôi, nguyên lý “Âm dương tương cầu” sao mà tinh tế! Tạo nên bao nỗi vấn vương. Các cụ quả thực cao minh.

THẦY CHUNG: Còn về hát cũng có điểm chung. Hơn 200 làn điệu Quan họ được thể hiện qua bốn hình thức: Hát chúc mừng, hát thờ, hát hội và hát canh. Hình thức nào cũng đòi hỏi các liền anh, liền chị Quan họ phải hát sao cho tròn vành rõ chữ, đạt tới kỹ thuật vang - rền - nền - nảy. Đó là những đòi hỏi chung nhất mà các liền anh, liền chị đều phải khổ công luyện tập trong đặt câu, bẻ giọng.

TRÒ THANH: Thưa thầy, khi hát em sợ nhất là phát âm chữ cuối mỗi câu sao cho “nảy hạt” được như các cụ.

THẦY CHUNG: Đó là cái khó tạo nên sắc thái riêng biệt của từng giọng hát của các nghệ nhân ở các làng Quan họ.

TRÒ THANH: Thế có nét riêng của từng làng Quan họ không ạ?

THẦY CHUNG: Có, có nét riêng, ví như làng Viêm Xá, tục còn gọi là làng Diềm nằm bên dòng sông Như Nguyệt (sông Cầu) có tục hát Quan họ trùm đầu - Một tục hát độc nhất vô nhị không có ở các làng Quan họ khác. Cũng ở làng Diềm còn có tục hát Quan họ cầu đảo. Cầu cho mưa thuận gió hòa, cho mùa màng bội thu.

TRÒ THANH: Thưa thầy, sao lại phải trùm đầu khi hát ạ?

THẦY CHUNG: Các cụ cao niên Viêm Xá kể lại rằng: Từ xa xưa, vào những đêm trăng thanh gió mát bọn Quan họ liền anh từ Nhà chứa Quan họ rủ nhau sang Nhà chứa của các quan họ nữ trong làng. Khi tới họ thường đứng bên ngoài hàng rào, trùm kín đầu bằng khăn hoặc áo rồi hát vọng vào.

TRÒ THANH: Trùm đầu là để không nhìn rõ mặt nhau sao?

THẦY CHUNG: Đúng rồi, chỉ nghe tiếng hát là chính. Các liền chị trong Nhà chứa Quan họ nghe được tiếng hát của bọn Quan họ liền anh cũng trùm khăn áo lên đầu ra đứng ở thềm nhà hát đáp lại. Nếu trăng không tỏ thì các liền chị đứng xuống sân để hát. Quan họ chùm đầu chỉ cần ca những câu giao duyên nam nữ thuộc giọng vặt, không phải hát những câu thuộc giọng lè lói.

TRÒ THANH: “Lè lói” là giọng Quan họ cổ nhất, đúng không ạ?

THẦY CHUNG: Đúng, lè lói có tới 36 giọng, thường được hát trong Lễ Thánh khi làng mở hội, phổ biến nhất

là các giọng: Hừ la, La rắng, Đường bạn, Cây gạo và Cái hời - Cái ả. Ví như giọng La rắng cung chúc đức Thánh, chúc nhân khang vật thịnh.

TRÒ THANH: Trang lứa chúng em chưa một lần được dự canh hát Quan họ trùm đầu.

THẦY CHUNG: Những năm đầu thế kỷ 20 làng Diềm vẫn còn duy trì hát Quan họ trùm đầu. Thầy tin là tục hát này sẽ được phục dựng.

TRÒ THANH: Còn điều gì khác nữa không ạ?

THẦY CHUNG: Những làng Quan họ ở đôi bờ sông Ngũ Huyện Khê có tục hát Quan họ trên thuyền.

TRÒ THANH: Thưa thầy, hội Lim những năm qua đều có “Hát Quan họ trên thuyền”. Bà em kể rằng Hội Lim năm xưa các liền anh, liền chị đứng ngòi trên thuyền, thuyền nhẹ lướt trên sông Tiêu Tương để hát. Nay con sông cổ Tiêu Tương ở làng Cổ Bi không còn nên các liền anh, liền chị đứng hát ở trên thuyền, thuyền nhẹ nhàng lướt trên hồ điều hòa Vân Tương, thu hút hàng ngàn, hàng vạn du khách thập phương khi về dự hội.

THẦY CHUNG: Thầy sinh ra và lớn lên ở làng Khúc Toại - Nơi có cây cầu cổ “Thượng gia hạ trị” được dựng từ thời hậu Lê- Với tên gọi là cầu Chọi. Những ngày làng mở hội, các liền anh, liền chị đứng, ngòi trên thuyền đi dọc theo sông Ngũ Huyện Khê thi hát, nhân dân đứng trên cầu Chọi và hai bên bờ sông xem hát. “Là là bóng nước bóng làng. Trên cầu bóng thiếp

bóng chàng bên nhau. Dừng chân ngắm lặng hồi lâu. Ai về làng Chọi ca câu ân tình”. Quang cảnh đông vui tấp nập của làng quê trong ngày Lễ-Hội in đậm trong tâm trí những người con xa quê như.

TRÒ THANH: Thưa thầy, em được biết các bọn Quan họ khi kết chạ thì không được lấy nhau, có đúng không ạ ?

THẦY CHUNG: Đúng vậy. Đó là lời nguyên từ xa xưa để lại. Đa phần các liền anh, liền chị trong các bọn chơi Quan họ khi đã kết chạ đều tuân theo lời nguyên của tiền nhân, nhưng cũng có người không giữ được, dám bước qua lời nguyên!

TRÒ THANH: Có người dám như thế sao ?

THẦY CHUNG: Có nhưng không nhiều.

Em biết không, một trong những người không giữ được lời nguyên của tiền nhân đó là thầy.

TRÒ THANH (ngạc nhiên): Là thầy?

THẦY CHUNG: Đúng vậy. Khi mới mười tám - đôi mươi thầy đã yêu vụng, nhớ thắm một liền chị. Người đó là chị hai của bọn Quan họ làng bên mà bọn Quan họ nam làng thầy đã kết chạ. Biết là yêu cũng không thể nên duyên chồng vợ bởi lời nguyên của tiền nhân, thế là vào một đêm trăng khuyết, sau canh hát tới sáng thầy đã lẳng lặng bỏ làng ra đi, mang theo mối tình câm lặng.

TRÒ THANH: Trời đất ơi, thầy lẳng lẽ rời bỏ tình yêu, bỏ cả làng quê ra đi như thế sao?

THẦY CHUNG: Đi nhưng lòng đâu có được yên, luôn thương cho người

ở lại, bởi vì “*Gió đưa cây cải về trời/
Rau răm ở lại chịu lời đắng cay*”.

TRÒ THANH: Thầy đành dứt áo ra đi! Có phải không ạ?

THẦY CHUNG: Đúng vậy, có ở lại làng cũng đâu có được nên duyên chồng vợ, mà lại còn bị dân làng trách móc, cười chê. Thế là thầy đã lên Hà Nội tá túc ở nhà một người bạn. Được bạn thuyết phục và cũng để nguôi ngoai “*Nỗi nhớ Giêng Hai*” thầy đã nộp đơn thi vào khoa kịch hát dân tộc - Trường Sân khấu & Điện ảnh. Học xong thầy được giữ lại làm giảng viên của khoa, nhờ đó mà thầy có ngày hôm nay em ạ. Có ngờ đâu trong cái rủi lại có cái may. Đúng là “*Tình trong một khắc, nghĩa dài trăm năm*”.

TRÒ THANH: Trời đất ơi, chuyện của thầy sao giống...

THẦY CHUNG: Em nói sao, giống cái gì?

TRÒ THANH: Dạ không... Em chỉ trộm nghĩ thôi ạ. Ngày học xong Trung học phổ thông em được ngủ với mẹ vào một đêm trắng khuyết. Đêm đó mẹ đã nhẹ nhàng kể cho em nghe về mối tình đầu của mẹ. Thầy biết không, em là kết quả của mối tình thứ hai. Ngày mẹ em vừa bước sang tuổi trăng tròn đã đem lòng yêu một liên anh ở bọn Quan họ làng bên... Thế rồi người đó bỗng bỏ đi để lại cho mẹ em biết bao nỗi nhớ vắn vương. Từ đó trong câu hát “*Lý thương nhau*” mà mẹ em thể hiện in đậm nỗi lòng của một chị hai miền Quan họ.

THẦY CHUNG: Mẹ em còn kể gì nữa không?

TRÒ THANH: Dạ không, mẹ em chỉ kể với em vậy thôi, mà em thì lại không dám hỏi... Thì ra mẹ em cũng có “*Nỗi nhớ giêng hai*” sâu đậm như thầy?

THẦY CHUNG: Lễ hội các làng Quan họ đa phần thường được mở vào hai tháng giêng hai. Một “*Anh hai*” trong bọn Quan họ làng Khúc Toại không nhớ làng, nhớ Hội sao được. Cứ ăn tết Nguyên đán xong là “*Nỗi nhớ Giêng Hai*” lại làm cho thầy đứng ngồi không yên. Cả trong giấc ngủ cũng nhớ...

TRÒ THANH: Vậy thì đầu xuân tới thầy phải về quê dự hội. Thầy hứa với em đi! Em sẽ đem xe lên đón thầy về.

THẦY CHUNG: Đùng, em đừng làm thế. Người Quan họ chỉ đón và tiễn nhau ngay trong Lễ hội thôi em ạ. Được rồi, thầy hứa là đầu xuân tới thầy sẽ về dự Hội, được chưa nào?

TRÒ THANH: Em cảm ơn, cảm ơn thầy. Gia đình em và quê hương sẽ đón thầy trong ngày Hội Xuân và đề nghị “*Anh hai*” của bọn Quan họ làng Khúc Toại năm xưa phải lên hát cùng một “*Chị hai*” ở quê hương, được không ạ?

THẦY CHUNG: Cái cô bé này, sao đảm duyên đến vậy!

LỚP BA - HỘI LIM

TRÒ THANH (Gọi điện thoại): A lô!... Mẹ ơi con đây. Con gái chấy rận của mẹ đấy. Mẹ ơi, con đã đón được thầy giáo của con rồi... Thầy trò con đang đứng trước cổng vào đền đây này. Vâng ở cổng chính ấy. Mẹ ra ngay nhé!

THẦY CHUNG: Hội Lim năm nay đông vui hơn trước nhiều em ạ.

TRÒ THANH: Thưa thầy, mấy năm nay, năm nào hội cũng đông vui như thế này đây. Để vui đi “Nỗi nhớ Giêng Hai” em đề nghị năm nào thầy cũng nên về chơi hội.

THẦY CHUNG: Được rồi, thầy sẽ cố. Vì đó chính là niềm mong mỏi của những người con Quan họ xa quê mà.

THANH HIỀN (*Mẹ trò Thanh xuất hiện, nhẹ nhàng nói*): Xin kính chào anh hai quan họ làng bên.

THẦY CHUNG: Xin chào liền chị Thanh Hiền - Chị hai của bọn Quan họ làng Diềm.

THANH HIỀN: Rất vui vì năm nay anh hai đã về dự hội, xin mời liền anh vào chùa Hồng Ân dâng nén tâm linh và cũng là để bọn Quan họ chúng em lấy than quạt nước dâng trà mời người xơi.

TRÒ THANH: Thưa thầy, thưa mẹ! Con xin phép được ra gặp Ban tổ chức Lễ Hội mấy phút. Con sẽ quay lại ngay. (ra nhanh...)

THANH HIỀN: Cái con bé này lại kiếm có rồi. Dạ thưa... Sao mấy năm qua Anh hai không về dự hội? Hội quê vẫn mở thường niên. Vắng ai người đợi triền miên tháng ngày!

THẦY CHUNG: Năm rộng tháng dài, người ở lại nhớ một, người đi xa nhớ mười. Hỡi người có thấu cho chăng ?

THANH HIỀN: Anh hai ơi! Em cảm thấy hình như bé Thanh Thanh nó biết chuyện năm xưa của hai chúng mình. Liền anh có nói gì với trò của mình không?

THẦY CHUNG: Không nói thì nó

cũng biết vì con bé nó rất nhạy cảm và có tính nền nã, nhẹ nhàng, đằm thắm, sâu đậm như mẹ nó vậy. Là liền anh, liền chị của hai làng quan họ gốc, mừng là cho tới nay hai ta vẫn giữ được “Lời nguyện” của tiền nhân, vậy mà trong tâm trí hai ta luôn luôn sâu nặng “Nỗi nhớ Giêng Hai”. Nỗi nhớ đó nó có trong hai ta suốt đời.

THANH HIỀN: Anh hai ơi! Người đi nhớ, người ở lại càng nhớ càng thương. “Thương nhau hát Lý qua cầu/Sông sâu mấy nỗi giải dầu hết giận lại thương...”

THÀNH CHUNG: “Thương nhau tình thắm nghĩa nồng. Nghe câu hát anh đi tìm, đi tìm người hát, câu hát lý thương nhau”...

TRÒ THANH (*Xuất hiện*): Dạ, em thưa thầy, con thưa mẹ. Mời thầy và mẹ vào tham gia canh hát Quan họ giao duyên. Ban tổ chức giới thiệu rồi đây, mẹ nghe rõ không?

MC (*Qua loa phóng thanh*): - Thưa bà con cô bác cùng du khách thập phương! Thưa các liền anh, liền chị trong các bọn Quan họ! Rất vui là Lễ hội năm nay có sự hiện diện của đôi trai tài gái sắc, xin trân trọng giới thiệu tiếng hát của Anh hai thuộc Bọn Quan họ làng Khúc Toại năm xưa, hiện anh đang là giảng viên khoa kịch hát dân tộc trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh.

(*Tiếng vỗ tay của những người dự Hội cùng tiến hô: - Hoan hô!...*)

MC: Thưa quý vị! Anh hai Thành Chung sẽ lên hát giao duyên cùng chị hai Thanh Hiền - Nghệ nhân Quan họ làng

Diễm. Với ca khúc “Tìm em trong chiều Hội Lim”. Nhạc: Nguyễn Trung, phổ thơ Xuân Hồng. Xin mời! (*Lại vỗ tay...*) (Thành Chung xuất hiện cùng Thanh Hiền. Nhạc ca khúc “Tìm em trong chiều Hội Lim âm vang cùng tiếng hát của Thành Chung và Thanh Hiền):

- “*Bâng khuâng trong gió/
Ai bâng khuâng ai đứng trong
gió lạnh/ Gió lạnh chiều Hội
Lim/ Ai bâng khuâng mãi tìm
trong chiều Hội Lim.*

- *Em ở đâu/ Để anh mãi đi
tìm là em ở đâu?*

- *Tìm trong bao lời nói/
Một tiếng nói ân tình/ Tìm
trong bao giọng hát/ Điệu hát
cây trúc xinh.*

- *Tiếng hát với nụ
cười/ Đang gọi mùa xuân
tới/ Sợi dây đàn lại nói
Cho Quan họ trao duyên.*

- *Tìm trong bao vành nón/
Một dáng nón Ba tâm/ Tìm trong
bao tà áo/ Một sắc áo tứ thân .*

- *Cây đu trao lịch trời
Gió thổi bờ tóc rối/ Chiều xuống
đầy, đầy núi/ Anh mãi mãi đi tìm
Trong gió chiều Hội Lim.*

- *Anh tìm ai, tìm ai?*

*Anh mãi tìm em, tìm em
trong Hội Lim”./.*

ĐỖ ĐÌNH QUANG

Đông yêu thương

Đông đến mang giá lạnh
Gió rít thổi từng cơn
Cuốn lá bay xào xạc
Như có chút giận hờn.

Đông đến thoáng cô đơn
Nhìn xa xăm vời vợi
Nhớ người thương chờ đợi
Về sưởi ấm bờ môi.

Đông ơi gửi giúp tôi
Chút tình trong nỗi nhớ
Hãy đem lòng che chở
Nỗi niềm những ngày qua.

Cho mùa xuân nở hoa
Cho cây chồi xanh lá
Cho ấm lòng tất cả
Những trái tim yêu thương./.



PHAN TRỤ

Xuân biên cương

Gió miên man và mây bay mãi miết
Lá rừng rơi xao xác lúc chuyển mùa
Sơn nữ gửi mây lên đỉnh núi
Bấp chân trần thấp thoáng gió ngân nga.

Rừng đào thắm một góc trời biên giới
Lính biên phòng vẫn sẵn chắc bước chân
Đêm tuần tra giữ yên bờ cõi
Chợt nhận ra xuân đến rất gần.

Nơi biên giới nơi đảo xa nắng gió
Có các anh Tổ quốc cũng yên lòng
Từng tác đất thắm máu người chiến sĩ
Tổ quốc tôi màu cờ đỏ thắm hồng.

Thế hệ này thế hệ sau tiếp bước
Tuổi trẻ biên cương tuổi trẻ biên thù
Mùa xuân đến mận đào đua nở
Khúc quân hành rộn rã bước chân đi./.



PHƯƠNG HỮU THIÊN

Trường Sa đón xuân

Xuân về trên dải Trường Sa
Mang theo khúc nhạc bài ca anh hùng
Trường Sa ơi! Những nhớ nhung
Thiên lương đất mẹ một vùng đảo xanh.

Đào - Mai khoe sắc đầu ngành
Vui cùng anh lính đứng canh biển trời
Lời thề son sắt người ơi!
Giữ gìn đảo ngọc ngàn đời của ta.

Đón xuân hạnh phúc muôn nhà
Nhớ người chiến sĩ đảo xa tháng ngày./.

BÙI HỒNG MẬN

Gửi anh lính đảo

Gửi anh... Hơi ẩm một khoảng trời
 Gửi anh... Dào dạt nắng biển khơi
 Gửi anh... Quê mẹ đầy thương nhớ
 Một trái tim yêu vốn kiệm lời!

Mùa xuân thương nhớ, càng thêm nhớ
 Canh giữ biển trời bao tháng năm
 Đảo là nhà, biển là quê mẹ
 Đất liền ơi! Các anh vẫn nhớ thăm.

Tổ quốc rộng dài nhờ biển đảo
 Đất nước bình yên - có các anh
 Mùa xuân nhớ đảo, thương người lính
 Biển đảo, đất liền... Mãi mãi xanh!



NGUYỄN THỊ HUỆ

Gửi về Trường Sa

Em ở quê nhà nhắn gửi Trường Sa
 Nơi đó có anh - những người lính đảo
 Tuổi thanh xuân sẵn sàng nơi đầu sóng
 Góc chuyện riêng tư canh giữ biển trời.

Biển mùa này sóng dữ phải không anh?
 Bão từng cơn, quân thù luôn lẩn khuất
 Biển mặn chát, nước ngọt nhường san sẻ
 Em biết rằng: anh chẳng ngại gian nguy!

Đảo mùa này lạnh lắm phải không anh?
 Gió từng cơn, hàng đêm anh đứng gác
 Vững tay súng, mắt nhìn về phía biển
 Nhớ nhà anh giấu chẳng kể đâu!

Như cây phong ba vươn mình trên cát
 Vẫn mãi một màu bát ngát xanh tươi
 Trường Sa ơi? Lá cờ bay sắc đỏ
 Nơi Tổ quốc mình gửi trọn niềm tin!

XUÂN VỀ TRÊN QUÊ HƯƠNG QUAN HỌ

LƯU LAN PHƯƠNG

Khi những nụ đào khoe sắc thắm cũng là lúc báo hiệu một năm cũ sắp kết thúc, một năm mới sắp về. Những cơn gió tê buốt của thành phố trẻ Bắc Ninh trong những ngày cuối năm không bớt đi sự nhộn nhịp của những ngày giáp Tết, đi dọc theo con phố dài Ngô Gia Tự các sạp hàng bày bán đủ loại bánh kẹo cũng như đồ trang trí Tết từ be bé xinh xinh như bao lì xì đến đèn hoa các loại màu sắc rực rỡ để cầu may mắn mưa thuận gió hòa, cuộc sống an vui hạnh phúc.

Năm nào cũng vậy, tôi có một thói quen bất thành văn là đi chơi Tết sớm. Thói quen này làm cho tôi luôn háo hức mỗi độ xuân về. Mỗi lần ra phố ngắm mưa bụi bay bay như rắc phấn lên không gian mà cảm giác tâm hồn trong trẻo, tươi mới hơn sau một năm làm việc vất vả. Mỗi lần vòng quanh những con đường quen thuộc ngắm hoa, ngắm người để thấy Tết đã tràn vào từng ngõ nhỏ, từng nhà trong phố. Phải thực sự hòa vào không khí nhộn nhịp

vui tươi mới thấy hết cái hay, cái đẹp bùng lên đôi má nàng xuân trong từng nụ đào thắm sắc.

Xuân về trên phố có vẻ náo nức và nhộn nhịp hơn vùng quê. Xuân luôn về sớm với những con phố dài treo cờ đỏ sao vàng, những con đường được trang hoàng lại với đèn màu và kết hoa rực rỡ. Đường phố Bắc Ninh rộng thênh thang và sạch đẹp láng bóng. Bắc Ninh là thành phố sạch, thành phố không có rác bởi rác chỉ thực sự mang ra đựng trong túi ni lông khi xe môi trường mang đến nhưng thùng rác lớn có nắp. Nhà nhà bỏ rác theo giờ và những chiếc xe lại chở rác đi. Các con phố có kiến trúc dàn trải rộng rãi theo quy hoạch đô thị từng khu vực. Bắc Ninh không có nhiều nhà thật cao nhưng kiến trúc đô thị kiểu châu Âu rộng rãi khoáng đạt với đặc điểm đất chơi nhiều hơn đất ở. Cứ hai dãy phố lại có một công viên nhỏ tạo cho Bắc Ninh một lá phổi xanh mát rượi về mùa hè, ấm về mùa đông. Nhà nào nhà ấy đều tranh

thủ quét dọn sạch sẽ để nghênh đón nàng tiên mùa xuân.

Xuân về phố ở Bắc Ninh mệnh mang trời đất với thuyền rồng trên hồ Diềm, cạnh nhà hát Quan họ. Các liền anh liền chị cất lời ca Quan họ ngân nga trong gió, thổi hồn vào du khách nghênh xuân. Một đặc điểm rất riêng của Bắc Ninh. đó là trên tất cả các con phố ngoài chằng đèn kết hoa còn có biểu tượng chiếc nón quai thao phơ phất mềm mại trong gió. Nếu du khách đến Bắc Ninh sẽ bắt gặp nụ cười e ấp của chị Hai, chị Ba Quan họ duyên dáng nền nã trong áo tứ thân, những chiếc khăn mỏ quạ tạo cho người con gái Kinh Bắc khuôn mặt búp sen không vùng miền nào có được. Tết của người Quan họ không chỉ có đào mai mà còn có các canh hát thâu đêm của đương Quan họ liền anh liền chị. Bắc Ninh không những có dòng sông Cầu nước chảy lơ thơ mà còn có nhiều lễ hội bậc nhất vùng châu thổ đồng bằng Bắc Bộ. Nên đến Bắc Ninh là đến với lễ hội, đến với làn điệu Quan họ ngọt ngào: *"người Bắc Ninh vốn trọng chữ tình, người Bắc Ninh vốn trọng giao duyên, khách đến nhà là hát, khách uống trà là ca, khách đi xa giữ chẳng cho về..."*. Vì thế xuân đến Bắc Ninh rộn ràng hơn bởi nhà nhà đều chuẩn bị đón khách, bạn bè ai cũng quý cái tình người Quan họ. Đến với Bắc Ninh một lần hẳn bạn sẽ chẳng thể quên với Hội Lim, hội Diềm, hội rước nước Kinh Dương Vương, hội vật Hữu Chấp, hội rước lợn Ném Thượng...

Chỉ sau một buổi sáng thức dậy thấy thời tiết ấm hơn hôm qua và mưa bụi lất phất bay bạn đã cảm nhận được xuân về đến ngõ. Tự nhiên con người tràn đầy năng

lượng và chọn rộn hơn muốn rong ruổi ngắm xuân về phố. Lập tức bạn sẽ ăn mặc chỉnh tề hơn và ra khỏi nhà để bàn thân ngắm chợ hoa xuân ngày Tết ngập tràn sắc hoa với những cây đào bích đỏ rực, những cây đào phai hồng nhạt nhẹ nhàng, những cánh mai vàng rực rỡ, hoa cúc vàng uom, hoa ly nở nụ cười thom ngát rạng rỡ, hoa hồng nhiều màu yêu kiều khoe sắc vươn cao kiêu hãnh như muốn chứng tỏ mình là chúa muôn hoa. Một dãy thạch thảo yêu điệu mềm mại nghiêng mình nhẹ nhàng, tôi có cảm giác nếu chàng gió lướt nhẹ thì những giò thạch thảo đủ màu sẽ bay như một chiếc khăn lụa... Ai cũng hồ hởi tìm mua cho gia đình một chậu hoa để trang trí nhà cửa.

Không khí Tết hiện rõ trên từng nụ mai e ấp, từng quả quất chín mọng, căng tràn nhựa sống. Tết còn rạng rỡ trong niềm vui của người đi chợ, tìm được chậu hoa ưng ý mà thấy háo hức cho năm mới sắp sang. Đi dọc đường Trần Hưng Đạo về phía Đại Phúc là mệnh mông cánh đồng bạt ngàn đào phai đang khoe sắc. Trên ruộng đào các thượng đế đến ngắm và chọn để chủ vườn chở về nhà chơi Tết sớm. Khác với miền Nam luôn yêu chuộng hoa mai vàng thì người miền Bắc lại yêu thích sự nhẹ nhàng e ấp của hoa đào. Hoa đào được ví như người con gái quyến rũ tuổi xuân thì với sự thủy chung tinh tế được thể hiện qua từng hình dáng thể đứng, những nụ hoa chúm chím hồng và lộc non vươn mình đứng lên đón nắng xuân. Hoa đào cũng chính là biểu tượng gắn kết mọi thành viên trong gia đình ngồi lại bên nhau, quây quần bên mâm cơm nóng hổi, cùng nhau

đoàn kết gắn bó hòa thuận khởi đầu cho một năm mới với bao điều tốt đẹp.

Chợ hoa chắc nơi nào cũng vậy nhưng chợ hoa Tết vùng Kinh Bắc mấy năm nay trở lại đây, thị trường cây cảnh chơi Tết Nguyên đán xuất hiện thêm một loại quất mới có tên là quất bonsai để phù hợp với không gian nhà nhỏ hẹp hoặc chung cư. Quất được ươm trồng trong các loại bình gốm khác nhau với tuổi đời từ hai năm trở lên. Có một đặc điểm nổi bật là những cây quất bonsai đã được người làm vườn trồng trong bình gốm Phù Lãng. Chỉ nhìn những bình gốm màu sắc đỏ sậm đặc biệt với những hoa văn vẽ tay tinh tế sắc nét thì không thể lẫn với gốm của nơi nào khác. Trước kia quất Tết thường đặt trọng chậu sứ với dáng tròn đầy thì nay thú chơi của người xứ Bắc sành điệu hơn. Những cây quất được các nghệ nhân tạo dáng thác đổ mềm mại trên bình gốm cao với đủ lá non, lá già, hoa và quả xanh, quả chín. Người đi mua, đi ngắm tràn vào từng góc quất ngó nghiêng, hít hà hương hoa quất thơm ngan ngát không muốn rời. Nhiều người còn đưa tay vuốt nhẹ nâng niu từng cành quất, từng đọt non mới nhú. Đặc biệt còn có những cây quất mi ni xinh hết nấc có thể đặt trên bàn uống nước. Chỉ ngắm dây bán quất đã thấy thú chơi cây ngày Tết của dân phố thật tao nhã.

Tôi sang khu bán đào Tết, miền man đào đủ các thể loại đào cổ gốc sần sùi, đào mới trồng gốc nhỏ cành sum suê, đào non, đào già. Cây nào cây nấy phô trọn sắc hoa đón xuân cùng những lộc non chồi biếc. Nếu ở khu bán quất người mua nhẹ nhàng ve vuốt từng quả vàng óng ánh thì ở đây

người mua đứng ngắm. Họ ngắm kỹ cả dây rồi quay lại ngắm từng cây cao thấp, tán xum xuê hay đào thể tam đa, ngũ phúc hoặc nghiêng về một phía theo phong cách chơi của từng người. Người mua nhìn kỹ nụ đào e ấp bên lên trong mưa bụi bới nếu không mua khéo khi về nhà đào sẽ không nở đúng vào ngày mùng 1 Tết và theo phong tục của người Việt sẽ bị đông cả năm. Cả một rừng đào với đủ loại giá cả. Chợ hoa ngày Tết đặc biệt có đủ loại giá tiền từ nhiều đến ít. Ai đi chợ cũng mua được cây hoặc người ít tiền có thể mua cành đào trung Tết. Bởi thế về mặt mọi người ai cũng vui vẻ tươi tắn.

Tết về trên quê hương Kinh Bắc còn có sạp hàng tranh dân gian làng Hồ với tranh lợn gà chuột éch, tranh cây dừa, tranh tổ nữ... Tranh làng Hồ bây giờ được để trang trọng trong khung kính các cỡ to nhỏ hoặc dán vào khung tranh. Du khách có thể mua về trưng Tết hoặc làm quà tặng bạn bè.

Bên cạnh những cây hoa đào vẫn có một dãy hoa mai vàng óng màu nắng phương Nam khoe sắc đón xuân. Dãy hoa mai khách ít hơn bởi mai là loại hoa đặc trưng của miền Nam. Nghe nói ai chơi mai phải chơi đủ 10 năm mới sành đúng điệu và phải chơi đủ ngàn ấy năm mới có nhiều phúc lộc. Hỏi chuyện một khách mua hoa mai tôi được ông cho biết: Con trai ông công tác ở Sài Gòn, anh ấy mang về một chậu mai khi về Tết với bố mẹ nên hàng năm ông vẫn chơi mai. Hoa mai không chỉ là loại hoa ngày Tết của người miền Nam mà còn là thứ hoa ông mua để nhớ đến nơi con ông công tác phương xa.

Tết về phố không thể quên dạo công

viên Nguyên Phi Ý Lan, trái tim xứ Bắc với mười hai con giáp được kết bằng hoa tươi. Xuân trên đất Quan họ năm nào cũng có nón quai thao mềm mại bên chị hai chị ba. Du khách đến đây có thể chụp ảnh với nón quai thao miễn phí treo trên phố đi bộ. Con đường đi bộ ở quảng trường là con đường hoa như một thiên đường với mô hình chùa Dâu, Bút Tháp, đền Lý Bát Đế và các làng nghề... Đó cũng là nơi du khách đến chụp ảnh lưu niệm lưu giữ một khoảnh khắc đẹp mỗi độ xuân về.

Tết về trên quê hương Quan họ mọi người dù bận rộn đến đâu cũng cùng gia đình đi ngắm hoa để chiêm ngưỡng sự lộng lẫy, rực rỡ của muôn loài hoa. Bước chân đến đây mọi người như lạc vào xứ sở thần tiên chỉ dành cho cái đẹp. Muôn loài hoa tụ hội về đây làm nên một chợ hoa xuân chỉ có trong ngày Tết. Chợ hoa ngày Tết không đơn thuần là nơi mua bán vui chơi mà còn là món ăn tinh thần, một nét đẹp truyền thống. Nhất là đối với những người con xa quê khi trở về ngõ ngàng thấy quê hương mình thay da đổi thịt từ một thị xã đen dầu nhỏ bé đã trở thành một thành phố thuộc đô thị loại 1 và đang trong hành trình phát triển là thành phố trực thuộc Trung ương./.

TRẦN NGỌC TRÁC

Lâm Đồng

Ngẫu hứng Lim

Cùng em
Về với Bắc Ninh,
Nhớ câu Quan họ đưa tình í a.

Liên anh
Liên chị lại nhà
Têm trà cánh phượng cho ta lạy mình.

Một lần
Về với Bắc Ninh,
Nón quai thao sóng sánh tình đung đưa.

Áo tứ thân
Mấy cho vừa
Mới đêm hội trẩy mà như môi nhau.

Nào ai
Dải yếm, bác cầu
Cho tình Quan họ càng sâu càng đắm.

Đêm nay
Trăng sáng một rằm
Gói câu Quan họ
Tôi cầm sang chơi...

Lúng liếng là lúng liếng ơi!





TẮM CÁM CHUYỆN CHƯA KỂ

(Giải Triển vọng
Cuộc thi "Cây bút tuổi hồng - 2023")

NGÔ THỊ KHÁNH HÀ
Lớp 8D - THCS Nguyễn Cao

Ngày xưa ngày xưa, có hai chị em cùng cha khác mẹ, cô chị tên là Tám còn cô em tên Cắm. Một hôm nọ, bà mẹ kế ác độc sai hai đứa con ra đồng xúc tép. Ra đồng, Tám chăm chỉ làm việc nên chẳng bao lâu đã đầy một giỏ còn Cắm lại mãi chơi nên chưa bắt được con tép nào. Thấy vậy, Cắm liền lừa chị hụp sâu gội đầu lấm bùn để rồi trút hết tép tôm trong giỏ của Tám chạy về nhà. Sau khi lên bờ, phát hiện ra chiếc giỏ đầy tôm cá của mình trống không nên Tám buồn bã khóc

lóc thảm thiết. Nghe thấy tiếng khóc của Tám, Bụt hiện lên và bảo Tám hãy thả con cá bóng duy nhất sót lại trong giỏ vào cái giếng sâu sau nhà.

Thế rồi, hàng ngày Tám theo lời chỉ dạy của Bụt mà nuôi con cá bóng trong cái giếng đó. Nhưng trong một lần Tám đi chăn trâu ở làng bên kia, hai mẹ con Cắm ở nhà theo thói cũ mà thoải mái ăn uống đến nỗi đầy tràn cả xô rác trong nhà. Bà mẹ kế liền sai Cắm đi đổ rác: “Rác đầy tràn ra bốc mùi ghê quá! Con gái cưng của mẹ

chịu khó đi ra đầu làng đổ cho mẹ nhé!”.

- Không, con không chịu đâu, mẹ đợi chị Tấm về rồi mà sai chị ấy đi đổ rác. Cám nững nịu.

Thấy đứa con gái của mình không chịu đi, bà mẹ kể đàn đờ ngọt con gái mình rằng nếu Cám đi đổ rác sẽ cho đi chơi hội thì nó mới chịu đi. Tuy vậy, vừa đi Cám vừa cần nhân: “Thối quá! Sao mình lại phải xách cái thứ hôi hám này ra tận đầu làng chứ”. Thế là Cám đi ra sau nhà và đổ hết chỗ rác đó xuống giếng sâu có con cá bống nhỏ của Tấm. Đến mãi trưa chập, chú cá bống nhỏ không chịu được ngoi lên mặt giếng. Cám đi ngang qua thấy thế hét lớn gọi mẹ: “Mẹ ơi... mẹ ơi có con cá bống ai thả trong giếng nhà mình này”. Bà mẹ ghé chạy ra ngay và bắt con cá bống tội nghiệp vào bếp nấu ăn. Cám reo hò vui sướng: “Ngon quá, trưa nay mẹ con ta sẽ có một nồi canh chua thật ngon!” Hai mẹ con họ lại ăn uống no say mà chẳng màng đến hậu quả sau đó.

Cuối buổi chiều muộn, Tấm mới dắt trâu về đến nhà. Vừa buộc trâu vào chuồng, Tấm liền cảm nắm xôi dành lại lúc trưa để về cho bống ăn. Nhưng quái lạ, hôm nay gọi mãi chẳng thấy bống lên mà cái giếng trong sạch bao lâu nay giờ lại hôi thối, đầy rác bẩn. Thế là Tấm lại khóc và lần này, Bụt vẫn hiện lên an ủi và đưa ra lời khuyên cho Tấm. Bụt nói cá bống đã bị nhiễm các chất độc



hại trong rác thải mà hai mẹ con Cám đổ xuống và họ lại ăn cá bống nên mới phải nhập viện rồi. Nghe đến đây, Tấm thút thít hỏi Bụt: “Bụt ơi, vậy giờ con phải làm sao ạ?” Bụt từ tốn đáp:

- Trước tiên con hãy dọn sạch chỗ rác bẩn trong giếng này, sau đó con đi tuyên truyền cho mọi người trong làng xóm và hai mẹ con Cám về tác hại nghiêm trọng của việc sử dụng nguồn nước bị ô nhiễm và khuyên họ thường xuyên dọn dẹp môi trường sống của mình, có ý thức trong việc vứt rác đúng chỗ để tránh gây ra những trường hợp nguy hiểm như Cám.

Nói xong, Bụt liền biến mất và để lại cho Tấm những lời khuyên thật hữu ích. Không dám trái lời Bụt, Tấm ngay sau đó đã vớt sạch những rác thải bẩn trong giếng. Mỗi lần đi chợ gặp ai, Tấm cũng vui vẻ tuyên truyền cho mọi người trong làng điều Bụt dặn. Từ đó mà ngôi làng Tấm sống luôn có những nguồn nước trong sạch lấy từ giếng, từ ao hồ và cả dòng suối sau dãy núi cao./.

NGUYỄN TRUNG KIẾN

Lớp 7A - THCS Ninh Xá - TP. BN

*(Giải Khuyến khích
Cuộc thi "Cây bút tuổi hồng - 2023)*

Xuân về

Chiều ba mươi Tết
Mưa bụi bay bay
Dòng người ngược xuôi
Cuối con phố nhỏ
Lạnh đôi tay gầy
Sột soạt nhất chổi.

Góc phố lên đèn
Nhà nhà sum họp
Tiếng nói, tiếng cười
Bóng ai ngã dài
Mồ hôi ướt áo.

Xe đang hồi hả
Đầy mùa xuân về./.



NGUYỄN PHƯƠNG THẢO

Lớp 7B - THCS Lê Văn Thịnh

*(Giải Ba
Cuộc thi "Cây bút tuổi hồng - 2023)*

Đất nước một màu xanh

Nghe bà kể con sông xưa đẹp lắm
Nước lững lờ ra tắm trẻ tập bơi
Hai bờ sông hoa nở ngát hương trời
Con đò nhỏ neo đậu nơi bến nước.

Mùa hè đến lũ trẻ con ao ước
Ra nô đùa tắm mát tiếng cười vang
Mây cụ già hóng gió cũng rộn ràng
Nhìn các cháu bên làng đùa vui thế.

Nào ai biết sông kia giờ quá tệ
Nước đen sì chai nhựa nổi đầy sông
Áo với quần cũ rách trôi theo dòng
Xác vật chết lênh bênh hôi hám quá.

Mình viết vậy, bạn ơi đừng thấy lạ
Bảo vệ môi trường làm sạch lá phổi xanh
Hãy thu gom không để rác hoành hành
Cho đất Việt một màu xanh mãi mãi./.



SỰ TÍCH CHÈ ĐẤT SÉT VÀ LỄ HỘI DU XUÂN TỨ YÊN XƯA Ở YÊN PHONG

NGHIÊM ĐÌNH THƯỜNG

1. Yên Phụ và sự tích chè đất sét

Yên Phụ là làng cổ của huyện Yên Phong, có cả ngàn năm rồi. Nay - một làng xưa ấy lại trở thành một xã có đến 5 thôn: An Ninh, Cầu Gạo, Cầu Giữa, An Tập, Đức Lân. Một dòng họ có thân nhân ở khắp 5 thôn. Các công việc như cưới hỏi, ma chay, việc họ... đều có người của các thôn cùng tham gia. Bởi vậy việc tổ chức hội lệ ở đình hay ở chùa Yên Phụ đều quy củ, theo đúng luật tục của người xưa và người của 5 làng đều tham gia, trở thành lễ hội lớn, tiêu biểu của huyện Yên Phong.

Yên Phụ xưa có tên là Yên Khang hay An Khang. Sau chiến thắng Như Nguyệt 1077 của quân và dân triều Lý, do có nhiều công lao với nhà Vua, với đất nước, mới đổi thành Yên Phụ, nghĩa là nhân dân ở đây đã phụ giúp nhiều công sức cho Vua tôi triều Lý đánh thắng 30 vạn quân Tống, mở nền thái bình thịnh trị mà sau hơn hai thế kỷ, phong kiến phương Bắc không dám bén mảng đến.

Yên Phụ nằm ở phía Tây huyện Yên

Phong, địa hình cao ráo, được coi là mái nhà của huyện. Làng xóm của Yên Phụ cơ bản nằm trải dài trên 7 ngọn núi thấp, như chuỗi ngọc giữa vùng đồng bằng, người xưa đặt một cái tên rất đẹp là Thất Diệu Sơn, ứng với 7 vị tinh tú trên bầu trời. Vua quan thời phong kiến đã có chế độ cắt cử binh lính đến đồn trú, lập doanh trại, gọi là núi Đồn. Nhiều người lính đến đồn trú lấy vợ rồi sinh con đẻ cái, lâu dần thành những dòng họ lớn. Núi Chợ có chợ Núi, họp một tháng 12 phiên, là chợ đầu mối của cả 3 huyện Yên Phong (Bắc Ninh), Sóc Sơn, Đông Anh (Hà Nội). Hàng hóa nhiều, do có nghề dệt vải nên có nhiều mặt hàng vải và sợi. Chợ có bán cả trâu bò. Núi Chùa, có chùa Phúc Sơn là chốn danh lam. Chùa có 100 gian, đẹp nổi tiếng cả một vùng. Núi Đền có đền thờ thánh Cao Sơn Đại Vương. Thái úy Lý Thường Kiệt chỉ huy cuộc kháng chiến chống Tống, đặt đại bản doanh ở Yên Phụ. Ngài đã ăn chay, nằm mộng ở đền được linh ứng, Thánh Cao Sơn chỉ đường cho Thái úy vào cầu Thánh Tam

Giang sẽ phá được giặc này. Núi Tuần Phiên là vọng gác, quân lính đi tuần và thay phiên canh gác. Núi Dục ở cách xa làng nhất, đây lại là địa điểm tướng sĩ nhà Lý mai phục đánh thắng mở màn, khi Phó tướng giặc Miêu Lý liệu lĩnh chọc vào phòng tuyến Như Nguyệt, đánh vào bản doanh Yên Phụ. Còn một ngọn núi nằm giữa các ngọn núi kể trên gọi là núi Giữa.

Lễ hội ở Yên Phụ xưa được tổ chức từ 16 đến 20 tháng Giêng, còn được gọi một tên khác là Hội Du xuân Tứ Yên. Ngày nay được tổ chức từ ngày 16 đến ngày 18 và trong lễ hội ấy, từ trong mỗi gia đình đến chốn thờ cúng linh thiêng bao giờ cũng có “Chè đất sét”.

Sử cũ còn ghi, vào cuối năm 1076, Thái úy Lý Thường Kiệt về lập bản doanh ở Yên Phụ, xây dựng Phòng tuyến Như Nguyệt bên bờ Nam sông Cầu và chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống. Chọn vùng đất Yên Phụ làm đại bản doanh vì nơi đây nằm trên con đường thiên lý Thăng Long - Lạng Sơn, chốt giữ ở đây đảm bảo cho Thăng Long yên ổn. Yên Phụ cách bên bờ Như Nguyệt chừng dặm cây số, là vùng đông dân cư, nhiều thóc gạo, lại có nghề đúc đồng, nghề rèn sắt, nghề dệt vải tinh xảo, được ca ngợi là nơi “đất bụt người tiên”. Về Yên Phụ, Thái úy cất đặt đâu ra đấy: Nơi này là dinh của chỉ huy, sau này là cánh đồng Dinh. Nơi kia là kho lương thảo sau này có tên là Cầu Gạo. Nơi cao ráo lưng đồi, tổ chức cho quân sĩ làm lễ với lời thề Trung quân trước khi mở chiến dịch phản công vào ngày 18 tháng 2 (âm lịch) năm 1077 nơi ấy bây giờ là điểm Trung Quân...

Bây giờ là cuối mùa khô, Thất Diệu

Son cùng với làng xóm xanh tươi um tùm. Quân lính các địa phương, các ngả kéo về ngày đêm luyện tập. Quân lính đông tràn xuống các cánh đồng quanh làng. Tết sắp đến, mùa xuân đã gõ cửa. Sẵn có gạo nếp, lại có mật mía trong nhà, bà con tổ chức gói bánh chưng, nấu chè để khao quân sĩ ăn tết. Bánh chưng gói dài như kiệu bánh tét, bà con bảo như thế dễ chia, còn chè nấu theo kiểu chè con ong, chè bà cốt bây giờ. Chè nấu xong đổ ra mâm, không có mâm rải lá chuối mà đổ. Chè còn dùng làm lương khô cho những ngày sắp tới, chiến dịch tổng phản công vào giữa mùa xuân 1077. Chè nấu nhiều như “đất” lại có màu vàng như đất sét, nên cứ nôm na gọi là chè đất sét vậy.

Cũng đã gần ngàn năm rồi, chè Đất sét vẫn là thứ đặc sản của Lễ hội Yên Phụ, ai đã một lần được ăn, cái vị ngọt, thơm, thanh thảo của chè vẫn cứ vương vấn mãi không thôi. Cũng giống như bánh tẻ làng Chờ, bánh phu thê làng Đình Bảng đều là sản phẩm tinh hoa của mỗi địa phương. Bánh phu thê, bánh tẻ đều đạt tiêu chuẩn OCOP, hàng hóa được giao bán khắp nơi. Yên Phụ là đất đa nghề, con người tài hoa, lẽ nào lại để chè “đất sét” chưa có thương hiệu, dấu ngàn năm rồi? Nếu ai còn cho cái tên gọi thô mộc thì cứ địa danh mà gọi cho tiện là chè Yên Phụ.

2. Lễ hội du xuân Tứ Yên:

Từ xa xưa, làng Yên Phụ đã kết Chạ (Chạ là từ cổ có nghĩa là Chung) với 3 làng của xã Hòa Tiến là Yên Hậu, Yên Vỹ, Yên Tân nên gọi là chạ Tứ Yên,

Trong dân gian vẫn lưu truyền câu chuyện: Sông Cà Lồ ranh giới giữa Yên Phong và Đông Anh là vùng đất dữ, lắm bè đảng trộm cướp. Thời phong kiến, lắm bè đảng

khi thất thế cũng tìm về nơi này làm chốn nương thân để chờ cơ hội. Vì vậy, các toán cướp ở vùng núi Sóc Sơn hay tràn xuống vượt sông Cà Lồ sang cướp phá vùng biên viễn Yên Phụ - Đò Lo.

Chính vì vậy nhân dân 4 làng tổ chức kết Chạ với nhau, trước là chống cướp bóc rồi bảo vệ đồng điền cho nhau, đảm bảo đường tiêu nước khi úng, dẫn nước vào khi hạn, sau nữa là bảo vệ trật tự an toàn thôn xóm theo quy ước của làng phù hợp luật pháp của nhà nước.

Để duy trì mối kết Chạ được lâu dài bền chặt, hàng năm 4 làng Yên tổ chức lễ hội xuân từ ngày 16 đến 20 tháng Giêng. Ngày hội ấy, ai nấy đều ăn mặc đẹp đi hội chơi xuân nên còn có tên gọi là Hội du xuân Tứ Yên.

Lịch trình của hội đại để như sau :

- Ngày 16 các làng mở cửa đình chuẩn bị đồ tế lễ, tổ chức đoàn đại biểu, tập dượt các nghi thức, sắm sanh mũ áo để dự hội Tứ Yên.

- Ngày 17 các làng Yên Tân, Yên Hậu, Yên Vỹ tổ chức đoàn rước bài vị Thành hoàng về đình Yên Phụ.

Tại các đình làng, dân chúng tập trung đông vui tấp nập. Họ cùng tiến hành các đám rước: Kiệu vàng, lọng tía, cờ quạt, ngựa xe, chiêng trống khua vang, cờ xí rợp đồng... Tất cả đều hướng về nhà Hội của đình Yên Phụ nằm trên một ngọn Thất Diệu Sơn. Mỗi đám rước đủ cả Quan đám chủ lễ, đoàn bồi tế, phường bát âm, trai đình phục dịch và dân chúng đi xem hội. Vật phẩm để cúng lễ có cau trầu, rượu, hoa quả, xôi bánh và “chè đất sét”. Riêng làng Yên Phụ tổ chức kiệu rước bài vị Thành hoàng từ Đền về Đình. Về gần

đến nhà Hội các làng buộc phải đi và xếp theo thứ tự: Yên Phụ đi đầu, sau đến Yên Hậu, Yên Tân và cuối cùng là Yên Vỹ. Bài vị được chuyển vào ban thờ.

Từ đây diễn ra các cuộc tế lễ ở trong đình. Buổi chiều các trò vui chơi được tổ chức như chọi gà, tổ tôm điểm, bắt chạch trong chum, kéo dây lấy lửa, đập niêu, chơi đu, nghe hát ả đào... ở các thừa ruộng trước đình, khi gặt lúa xong còn tro gốc rạ. Buổi tối diễn tuồng cổ, phường tuồng cổ của Yên Phụ vốn nổi tiếng từ trước cách mạng tháng Tám cho đến những năm tám mươi của thế kỷ XX.

- Ngày 18 tháng Giêng, các làng tổ chức lễ Minh Thệ. Đây là dịp dân Tứ Yên kiểm điểm lại “những điều giao ước” đã làm được những gì, thiếu sót ra sao, cần bổ sung những điều gì vào trong giao ước. Sau đó Lễ Minh thệ được tổ chức trang nghiêm, có kèn trống, phường bát âm phụ họa. Chủ tế là 4 quan đám của 4 làng Yên, mặc quần áo thụng đỏ, chít khăn nhiễu điều. Người xướng tế và bồi tế là những người có học, gia đình nền nếp, hiểu thuận do Yên Phụ cắt cử ra đảm trách. Người xướng tế và bồi tế mặc quần áo thụng xanh, mũ quan văn, chân đi hia.

Lễ diễn ra suốt ngày đêm. Từ các cụ thượng làng đến dân chúng thập phương, khi có lòng ngưỡng mộ đều có thể đến làm lễ Thánh. Mỗi cuộc tế, lễ đều có kèn trống, phường bát âm phụ họa.

- Ngày 19 tháng Giêng: Các làng tổ chức làm lễ để rước bài vị Thánh về đình làng mình. Yên Phụ cắt cử đoàn đại biểu về dự hội với các làng. Đi đến đâu, hai bên đường, nhân dân áo quần tươm tất chào đón những người anh em, các ngõ còn bày mâm

lễ vái vọng. Về đến đình làng, tổ chức giới thiệu quan viên làng bạn, tổ chức tế 1, có kèn trống, bát âm phụ họa, có tiệc để khoản đãi mọi người.

Buổi chiều các làng trở về Yên Phụ, xem hội vật và hát tuồng, hát ả đào.

- Ngày 20 tháng Giêng, Yên Phụ tổ chức lễ rước Thánh từ đình về đền, làm lễ mãn hội và đóng cửa đình, đền.

Sau cách mạng tháng Tám 1945, rồi đến kháng chiến chống thực dân Pháp, lễ hội xuân Tứ Yên không tổ chức nữa nhưng hội làng Yên Phụ vẫn được tổ chức thường niên vào các ngày 16, 17 và 18 tháng Giêng. Tuy nhiên, ngày này các làng Yên Tân, Yên Hậu, Yên Vĩ vẫn cử đoàn đại biểu mang lễ về đền, đình Yên Phụ làm lễ Thánh.

3. LỜI KẾT:

Trong ký ức của người dân Tứ Yên cũng chỉ hình dung được những nét chính yếu của lễ hội như trên. Những người tổ chức, bây giờ ta gọi là xây dựng “kịch bản và đạo diễn chương trình” đã về với tổ tiên cả rồi. May mắn lắm gặp được cụ Kiều Lương ở thôn Yên Tân sinh năm 1931, năm nay đã 93 tuổi, vốn là kỹ sư vẫn còn minh mẫn. Tuy sống ở Hà Nội nhưng cụ lại là người mong mỏi làm sao tổ chức khôi phục lại Lễ hội xuân Tứ Yên. Cụ còn cho biết năm 1945 Lễ hội Tứ Yên được tổ chức lần cuối cùng, lần ấy do làng nhỏ thiếu người, mới 14 tuổi cũng được đi vác cờ hội. Hình ảnh của Lễ hội Tứ Yên thôi thúc cụ, để năm 2010 cụ viết tập tài liệu, muốn khôi phục lại Lễ hội Tứ Yên để gửi đến lãnh đạo địa phương và các thôn làng. Được từ biết năm 1997, bốn làng Yên đã họp bàn nhưng không thành và

ý kiến của kỹ sư Kiều Lương cũng lại chìm trong quên lãng.

Người viết bài này thiết nghĩ, bàn về chuyện Lễ hội Tứ Yên thời điểm bây giờ mới đúng thời cơ, bởi mấy lễ sau đây:

- *Thứ nhất là:* Kinh tế phát triển, nhân dân no đủ, đình chùa, nhà thờ được tôn tạo, xây dựng to đẹp gấp năm gấp mười ngày xưa, lại được công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh. Trong lòng dân có sự ngưỡng mộ, tôn kính.

- *Thứ hai là:* Ở tỉnh Bắc Ninh có nhiều hoạt động tôn vinh quảng bá giới thiệu tiềm năng, thế mạnh du lịch của các di tích lịch sử, trong đó có các di tích liên quan đến cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống của nhân dân ta. Đền thờ Thái úy Lý Thường Kiệt ở Tam Giang đã được xây dựng to đẹp. Hằng năm mở hội vào ngày 18 tháng 2 âm lịch. Nằm trong chuỗi sự kiện này có hội Tứ Yên được mở vào các ngày 16, 17 và 18 tháng Giêng. Ngày tương truyền Thái úy ăn chay năm mộng tại đền Yên Phụ, góp phần làm cho hào khí Như Nguyệt thêm toả sáng.

- *Thứ ba là:* UBND 2 xã Yên Phụ và Hòa Tiến làm Tờ trình BQL di tích lịch sử tỉnh Bắc Ninh để làm hồ sơ trình các cấp thẩm quyền phê duyệt, khi ấy Hội xuân vùng đất Tứ Yên chắc lại được mở ra.

Tôi thành thật chúc Kỹ sư Kiều Lương sức khỏe, ngày một ngày hai sẽ sớm được dự Lễ hội xuân Tứ Yên cùng với bao người khác để cho thỏa nỗi chờ mong./.

ĐỊA DANH SƠN PHẬN THỊ CẦU

NGUYỄN THỊ THANH HẢI

Địa danh “*Sơn phận Thị Cầu*” thuộc làng Thị Cầu (tức Thị Kiều) nằm bên bờ Nam sông Như Nguyệt, trên con đường huyết mạch từ kinh đô Thăng Long lên phía Bắc là biên giới Việt - Trung. Nơi đây chứng kiến nhiều cuộc giao tranh ác liệt trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm phương Bắc. Trong cuốn **An Nam chí nguyên** của Cao Hùng Trưng có ghi chép về thành Thị Cầu thời thuộc Minh là “*thủ ngự thiên hộ sở*” trên con đường huyết mạch từ Đông Quan (Hà Nội) nối liền thành Điều Diêu (Gia Lâm) và thành Xương Giang (Bắc Giang). Vào thời Lê Sơ, nơi đây vừa là trung tâm kinh tế - thương mại lớn của xứ Kinh Bắc - Bắc Ninh, đồng thời cũng là trung tâm quân sự của tỉnh thành Kinh Bắc - Bắc Ninh trong nhiều thời kỳ.

Về sau, trong những ghi chép thời Nguyễn cũng có nhiều đề cập đến địa danh Thị Cầu bởi nơi đây nằm trên con đường quan báo từ Thành Bắc Ninh lên biên giới phía Bắc. Cuốn **Bắc Ninh tỉnh chí** (ký hiệu A.569) tờ 38b ghi chép: một con đường quan báo từ Đỗ Xá chạy về hướng Bắc qua Y Na, Thanh Sơn, Thị Cầu đến bến đò Đáp Cầu dài



Một bản đồ năm 1776 mô tả Thành Bắc Ninh và Văn miếu Bắc Ninh tại Thị Cầu

3 dặm 3 trượng, rộng 1 trượng 2 thước. Một bản sách **Đại nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ**, quyển 23, mặt khắc 13 cho biết:

Năm Giáp Tý 1804, vua Gia Long cho dời thành trấn Kinh Bắc ở xã Đáp Cầu (giữa thế kỷ XV tách ra từ làng Thị Cầu) đến xã Lỗi Đình thuộc huyện Tiên Du (nay thuộc phường Vệ An). **Sách Bắc Ninh tỉnh chí** (A.569) thời vua Tự Đức, tờ 36b có ghi chép: Xã Thị Cầu có 2 ngọn núi, trong đó có một ngọn dựng Văn miếu của bản tỉnh. Xã Đáp Cầu có một ngọn núi, trên núi có một di tích thành đất của trấn xưa.

Thành Thị Cầu trước đây được đắp bằng đất, có 4 cửa núi có trấn thành còn có tên là núi Thành, tức núi ở khu vực thành cổ. Các cổng thành gồm có: cửa Bắc, cửa Nam, cửa Đông và cửa Tây (đường Trần Lưu hiện nay nối liền khu phố 5 và khu phố 6 chính là con đường trước đây nối cổng đông và cổng tây của thành Thị Cầu). Trong cuốn **Bắc Ninh toàn tỉnh địa dư chí**, ký hiệu A.2889, được biên soạn năm Thành Thái thứ 3 (1891), sao lại năm Bảo Đại thứ 8 (1933): “*Phế thành Thị Cầu (tại địa phận Doanh Sơn, Thị Cầu, Võ Giàng) do người Minh xây dựng, rộng chừng trăm mẫu. Xưa nhà Lê đặt trấn Kinh Bắc ở đây. Năm đầu niên hiệu Gia Long (1802) còn theo như thế. Đến năm Gia Long (1804) dời đổi, thành mới hỏng. Dấu vết xưa hãy còn*”. Hiện nay, dấu vết của thành Thị Cầu gần như không còn, nhưng những địa danh liên quan đến việc đóng binh, đồn trú và trạm dịch cạnh bờ sông Cầu trước kia vẫn còn được người dân lưu truyền: núi Dinh, trấn doanh Thị Cầu, Doanh Cầu giang, Doanh sơn... Năm 1988, núi Dinh của phường Thị Cầu được Bộ Văn hóa thông tin công nhận Di tích lịch sử thuộc chiến tuyến chống quân Tống của Thái úy Lý Thường Kiệt năm 1076 theo quyết định số 28-VH/QĐ ngày 18/01/1988.

Trong thời phong kiến, đình Kim Thị Cầu là nơi nghỉ lại của các đoàn đi sứ phương

Bắc, như ghi chép của danh nhân Lê Quý Đôn trong cuốn *Bắc sứ thông lục* cùng bản đồ về lộ trình đi sứ khi trọ lại trấn doanh Thị Cầu, ông cũng có đề bài thơ “**Trú Thị Kiều**” như sau:

*Tình tuyết lương tiêu đảo trấn doanh
Phân ti tức tức nhạ hành tinh
Án cần công yến kiên tư yến
Trịnh trọng trường đình hựu đoàn đình.
Cảnh hữu đường âm bằng cự ẩm,
Đình tùy kiều thụ đồ tân vinh
Tiền đồ bất quảng giang sơn viễn
Quốc mệnh gia quy trọng thị hành.*

Dịch thơ:

*Sương gió xông pha đến trấn doanh
Hương về cờ sứ thấy hoan nghênh
Án cần công yến rồi tư yến
Trịnh trọng trường đình lại đoàn đình.
Kiều mộc rợp sân thêm hiển quý,
Cam đường mát bóng cảm dân tình
Non sông chẳng quản đường khơi diễn
Nhà, nước hai vai, một sứ trình.*

(Đào Phương Bình dịch)

Thám Hoa Nguyễn Huy Oánh cũng ghi chép trong cuốn **Phụng sứ Yên Đài tổng ca** của có câu thơ nhắc đến “*Cầu Doanh*” trong hành trình của mình:

*Xu trình hiệp tập hành nang
Cầu Dinh văn bạc, Thọ Xương hiểu
hành.*

Nghĩa là: Hành trình đã ghi sẵn trong cẩm nang, chỉ việc đi theo. Tới dinh Thị Cầu nghỉ ngơi, sáng sớm đi Thọ Xương nơi có thành Xương Giang.

Tạm dịch thơ:

Hành trình ghi sẵn chỉ theo,
Thọ Xương đi sớm, nghỉ neo Dinh Cầu.

Địa danh “*Sơn phận Thị Cầu*” còn gắn liền với lịch sử khởi dựng Văn miếu xưa, là nơi thờ Khổng Tử và các bậc Tiên hiền đạo



*Văn Miếu và đền Khải Thánh trong sách
Đông Kinh dư địa chí*

Nho, vừa là nơi lưu danh các vị khoa bảng của cả xứ Kinh Bắc - Bắc Ninh. Văn bia “*Trùng tu Bắc Ninh bi đình ký*” khắc năm Nhâm Tý niên hiệu Duy Tân thứ 6 (1912) tại Văn miếu Bắc Ninh hiện nay có ghi: *Văn miếu vốn ở sơn phận Thị Cầu, lâu ngày mà hỏng nát, cho nên đến năm Quý Tỵ niên hiệu Thành Thái thứ 5 (1893) thì Tỉnh hiến dời đến xây dựng ở địa phận núi Phúc Đức huyện Võ Giàng...*

Lần theo các ghi chép xưa, đáng chú ý trong bộ địa chí đầu tiên của triều Nguyễn là **Hoàng Việt nhất thống dư địa chí** do Thượng thư bộ binh Lê Quang Định khởi sự biên soạn thì tại quyển bốn, tờ 34a về đường trạm trấn Kinh Bắc có mô tả: đi từ thành Bắc Ninh tại địa phận Yên Phong, Phủ Từ Sơn độ 854 tầm (tương đương 1,6km), hai bên đường đều là ruộng cây lúa, ở đây có điểm gọi là Quán Na, đến phố Thanh Sơn tục gọi là Quê Hoa (nay là khu vực phố Suối Hoa phường Vũ Ninh, có đền Quê Hoa thường gọi là đền Trình), sau đó đi 1.061 tầm (tương đương gần 2km), hai bên đường đều là núi đất, đến đình Thị Cầu, tục gọi là đình Kim, dọc hai bên đường dân cư rất trù mật, dân ở đây có nghề nấu sắt thành dây dài. Bên phía Tây có chợ, tục gọi là chợ Cầu, bên phía Tây của chợ này đi 170 tầm (tương đương 310m) thì đến miếu Văn Thánh (tức Văn Miếu). Một số sách như **Đại nam nhất thống chí**, **Đông Kinh dư địa**

chí, **Bắc Ninh tỉnh địa dư** đều có nhắc tới “đền Khải Thánh” nơi thờ cha mẹ Khổng Tử, là nơi không thể thiếu đối với kiến trúc của một Văn miếu. Theo tư liệu của Viện nghiên cứu Hán nôm, ghi chép trong **Bắc Ninh tỉnh địa dư** (ký hiệu A.590): Miếu Văn Thánh tại địa phận xã Thị Cầu, huyện Võ Giàng, ở chân núi. Hai tòa liền nhau cùng hai tòa bên phải và bên trái. Sau có nhà Khải Thánh, trước có nghi môn, đều lợp ngói. Bốn mặt tường xây bằng gạch xen lẫn đất đá. Hàng năm xuân thu nhị kỳ, vào ngày Đinh, được chuẩn cho dùng tiền nhà nước biện mua lễ vật cúng tế. **Đại nam nhất thống chí** có ghi: Văn miếu ở phía Đông bắc tỉnh thành, thuộc sơn phận xã Thị Cầu, huyện Võ Giàng, tu bổ năm Gia Long thứ nhất (1802), làm lại vào năm Thiệu Trị thứ tư (1844). Đền Khải thánh ở phía Tây Bắc Văn Miếu, tu bổ năm Minh Mệnh thứ sáu (1825). **Đông Kinh dư địa chí** cũng chép: Văn miếu, đền Khải thánh ở sơn phận xã Thị Cầu, huyện Võ Giàng.

Đến nay chưa tìm thấy ghi chép về năm cụ thể cho dựng Văn Miếu và đền Khải thánh tại sơn phận Thị Cầu, song nhiều chuyên gia cho rằng Văn miếu Bắc Ninh có thể là một trong những Văn miếu địa phương được dựng đầu tiên ở nước ta, chắc chắn cũng tu bổ, nâng cấp như các Văn miếu ở các trấn lộ thời vua Lê Thánh Tông - vị vua tôn sùng Nho học và Nho giáo nổi tiếng ở nước ta. Tại Hội thảo khoa học Di tích Văn miếu Bắc

Ninh năm 1998, Tiến sỹ Trần Đình Luyện cũng cho rằng nó phải là một trong những văn miếu địa phương đầu tiên ở Việt Nam mà niên đại tương đối vào khoảng thời gian từ đầu thế kỷ XV - cuối thế kỷ XVI. Nhà nghiên cứu Lê Việt Nga - Nguyên Giám đốc Bảo tàng Bắc Ninh, Chi hội trưởng Chi hội Văn nghệ dân gian Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh cho biết: Văn miếu Kinh Bắc xưa quy mô không lớn nhưng số lượng các nhà khoa bảng được lưu danh nhiều nhất trong Văn miếu hàng tỉnh của cả nước. Ở ngay làng Thị Cầu, khoa thi Nhâm Tuất năm Đại Bảo thứ 3 (1442) có Tiến sỹ Trần Bá Linh đỗ thứ bảy trong 33 đại khoa, sau này giữ chức Tri Đông đạo Quân dân bạ tịch, từng phụng mệnh đi sứ. Khi về quê, ông có công lập nên làng Đáp Cầu và dạy cho rất nhiều học trò Kim Đồi trở thành Tiến sỹ. Ông cũng cho biết cụ thể hơn về vị trí của Văn miếu thuộc sơn phận Thị Cầu là

nằm phía trên xóm Dải Áo khu 2 phường Thị Cầu ngày nay, khu vực gần đền ông Voi xưa thờ tướng quân Trần Lựu, mỗi năm tổ chức 2 lần tế lễ, sau đó xuống đây giặt áo mũ, cờ lọng rồi rải áo phơi theo sườn núi, cho nên tên xóm Dải Áo xuất phát từ đó.

Có thể nói, địa danh “*Sơn phận Thị Cầu*” trong các thư tịch cổ là những điểm kết nối rất quan trọng trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta nói chung, cũng như lịch sử văn hiến của vùng Kinh Bắc - Bắc Ninh nói riêng. Bởi nơi đây gắn liền với lịch sử truyền thống hiếu học, khoa bảng góp phần kiến tạo nên văn hiến và bản sắc Bắc Ninh - Kinh Bắc hôm nay, là một nhịp cầu nối quá khứ với hiện tại, khơi dậy và phát huy truyền thống “*Tôn sư trọng đạo*”, truyền thống hiếu học của quê hương./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. *Bắc Ninh Bắc Ninh tỉnh chí, Sở VHNT &DL Bắc Ninh - Viện Hán Nôm, Nxb Văn học, H.2021.*
2. *Địa chí tỉnh Bắc Ninh qua tư liệu Hán Nôm, Nxb Khoa học xã hội.*
3. *Văn miếu Bắc Ninh, Kỳ yếu Hội Thảo khoa học Di tích Văn miếu Bắc Ninh, UBND TX BN- Sở VHNTBN, 1999.*
4. *Văn miếu - Quốc Tử Giám và Hệ thống di tích Nho học ở Việt Nam, Kỳ Yếu hội thảo khoa học, H.2009.*
5. *Văn bia Văn miếu Bắc Ninh, Nguyễn Quang Khải, Nxb Văn Hóa Dân tộc, H.2000.*
6. *Hoàng Việt Nhất thống dư địa chí, Lê Quang Định, Nxb Thuận Hóa 2015.*
7. *Phụng sứ Yên đài tổng ca, Bảo tàng Bắc Ninh, “Nguyễn Thám Hoa chính bản, Thạc đình tàng bản.*
8. *Đại nam nhất thống chí, Quốc sử quán triều Nguyễn, Nxb Thuận Hóa, H.2006, tập 4.*
9. *Đại Việt sử ký toàn thư, Nxb Khoa học xã hội, H.1998, tập 2.*
10. *An Nam chí nguyên, Cao Hùng Trưng, NXB Đại học Sư phạm, H. 2017.*
11. *Quế đường thi tập, Lê Quý Đôn, Khảo cứu và dịch chú Trần Thị Băng Tâm, NXB Đại học sư phạm, H.2019.*

Đình làng Lam Cầu nay thuộc địa phận xã Hoài Thượng, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Đây là một ngôi đình còn bảo lưu được khá nguyên sơ nghệ thuật kiến trúc cùng nhiều di vật cổ niên đại tạo tác dưới thời Lê - Nguyễn.

Căn cứ vào dòng chữ Hán khắc trên cột quân phía Bắc tòa đại đình ghi “Cảnh Hưng nhị thập tam niên tam nguyệt sơ nhất nhật Thuận An phủ, Siêu Loại huyện,

Thượng Mão tổng, Đại Mão xã, Lam Cầu thôn, Quan viên kỳ lão thượng hạ đẳng tạo tác đại đình dĩ cung phụng sự” cho biết chính xác đình làng Lam Cầu được xây dựng vào ngày mùng 1 tháng 3 năm Cảnh Hưng thứ 23 (1762). Năm Giáp Thìn niên hiệu Thành Thái thứ 16 (1904) đình được trùng tu mở rộng với quy mô to lớn. Trải qua thời gian một số hạng mục công trình bị phá hủy chỉ còn tòa đại đình, mặt bằng kiến trúc kiểu chữ Đinh. Toàn bộ khung

ĐÌNH LÀNG

Lam Cầu

NGUYỄN VĂN AN

đình được làm bằng gỗ lim, trên các cấu kiện gỗ như cột, đầu bẩy, đầu dư và con chông được chạm lộng, chạm bong kênh đề tài “rồng cuốn mây”, “phượng vũ”, “lân châu”, “quy đô thư” và “tứ quý” mang phong cách nghệ thuật tạo hình thế kỷ XVIII - XIX, các họa tiết hoa văn trang trí đều được sơn son thiếp vàng. Theo nội dung thần tích, sắc phong thì đình làng Lam Cầu thờ vị thần Đông Hải vốn là một danh thần triều Lý có công lao to lớn trong việc bảo vệ đất nước, phù giúp dân chúng

được các triều đại phong kiến sắc phong là Thượng đẳng thần.

Bên cạnh giá trị về mặt nghệ thuật kiến trúc, hiện nay tại đình làng Lam Cầu còn bảo lưu được hệ thống di vật cổ khá đa dạng và phong phú có niên đại tạo tác vào thời Lê - Nguyễn, tiêu biểu như: 2 bức đại tự, 2 bức cuốn thư, 3 đôi câu đối, long đình, ngựa thờ, hương án, siêu đao, bát bửu, 7 đao sắc phong sớm nhất là năm Thiệu Trị thứ 6 (1846), muộn nhất năm Khải Định thứ 9 (1924), 11 tấm bia đá nội dung chủ

yêu ghi chép việc lập hậu thân ở đình và gửi giỗ hậu hội tư văn của làng vào các năm 1676, 1807, 1825, 1841, 1868, 1883, 1908, 1909, 1914... Trong đó đặc biệt giá trị nhất là 2 tấm bia “Tư chỉ bi ký” do Hoàng giáp Nguyễn Đăng Sở (1754 - 1840) người làng Hương Triện, xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình dâng khoa năm Đinh Mùi (1787) soạn nội dung vào năm 1825 và “Hậu thân bi ký” do Giải nguyên Nguyễn Cao (1837 - 1887) dâng khoa năm Đinh Mão (1867) người làng Cách Bi, nay thuộc phường Cách Bi, thị xã Quế Võ soạn nội dung vào năm 1883.

Ngoài ra tại gian giữa tòa đại đình còn lưu giữ được bức cửa võng niên đại thời Nguyễn. Cửa võng hình chữ nhật, dài khoảng 3,85m, cao 1,70m toàn bộ bề mặt được sơn son thiếp vàng, chia làm 3 tầng. Tầng dưới



cùng chia làm 3 ô, ô chính giữa chạm nổi hình hổ phù cùng dây lá cách điệu, 2 ô bên cạnh chạm hình long mã. Tầng thứ hai chia làm ba băng hoa văn: băng dưới cùng gồm 5 ô trang trí chạm nổi, chạm kênh bong đề tài “long cuốn thủy”, nghệ châu, ô chính giữa chạm hình đôi lân châu mặt trời; băng hoa văn ở giữa chia làm 9 ô, 4 ô lớn hình vuông khắc nổi 4 chữ Hán “Thần chi cách tư”, 5 ô nhỏ xen kẽ các ô lớn, 3 ô giữa chạm “trúc, cúc, mai”, 2 ô ngoài cùng chạm hình đôi hạc châu đứng trên lưng rùa; băng hoa văn trên cùng chia làm 5 ô, ô chính giữa chạm hổ phù, 2 ô bên cạnh chạm hình chim phượng hoàng, 2 ô ngoài cùng chạm hình long mã. Tầng trên cùng chạm nổi đôi rồng châu mặt trời xung quanh quán mây dải, đao lửa, đuôi xoắn tở tò vò, diềm hai bên hồi sát cột cái phía trên trang trí rồng châu, phía dưới chạm nổi đường hồi văn chữ triện. Cửa võng đình làng Lam Cầu là một tác phẩm nghệ thuật độc đáo chứa đựng giá trị về mặt lịch sử, văn hóa, khoa học và mỹ thuật. Thông qua bức cửa võng này góp phần nghiên cứu, tìm hiểu về nghệ thuật trang trí chạm khắc trên các loại hình đồ thờ tự truyền thống bằng gỗ của người Việt dưới thời Nguyễn còn tồn tại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện nay.

Với những giá trị to lớn nêu trên đình làng Lam Cầu được UBND tỉnh xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa - Quyết định số 61/QĐ-UBND, ngày 15/1/2009./.

LĨNH MAI PHỤC DỰNG ĐÌNH LÀNG

PHẠM HUY CHƯƠNG

Lĩnh Mai là một làng cổ thuần nông thuộc châu thổ sông Hồng. Theo dòng chảy thời gian, trải qua bao năm tháng, kể từ khi khai khẩn lập địa đến nay, Từ tên gọi “làng Mai”, “Nấp chợ”, “Lĩnh Mai” (thôn Lĩnh Mai bây giờ), để cho phù hợp với từng giai đoạn lịch sử phát triển của Làng trong cộng đồng xã hội. Từ bao đời nay, người dân Lĩnh Mai vốn có truyền thống cần cù, sáng tạo trong lao động, anh dũng trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, luôn đoàn kết một lòng vượt qua gian khó, bằng mồ hôi, nước mắt cả xương máu, cùng nhau chung sức tạo dựng lên vóc dáng một làng quê mang đậm nét văn hóa làng, xã Việt Nam. Làng có “Cây đa, Giếng nước, Mái đình”. Đình làng được làm từ thời vua Tự Đức (Trước năm 1857). Mái đình làng cổ kính, uy nghiêm, đẹp có tiếng trong vùng

quê Lương Tài, được coi là di tích tâm linh thiêng liêng của cư dân cả làng và các xã quanh vùng, gắn liền với những truyền thống, những trang Thần tích sáng ngời Trí - Đức của các vị “Thành Hoàng làng”, các vị “Thánh” đã vì dân, vì nước, được dân làng đời đời tôn kính, phụng thờ dưới mái đình cổ kính của làng, tuy trầm mặc nhưng rất đổi linh thiêng.

Không thể mà từ nhiều đời nay các bậc tiền sinh của làng từng truyền lại cho lớp lớp thế hệ con cháu hậu sinh: “Làng Mai ta là làng vốn có bề dày truyền thống lịch sử, thuần phong mỹ tục, nét đẹp văn hóa của làng quê Việt Nam, nên mọi người phải hết tâm gìn giữ...”

Trải qua những năm tháng thay đổi theo quy luật của vũ trụ. Mái đình làng Lĩnh Mai cũng biến cố theo dòng chảy lịch sử cùng thời gian đi lên của đất nước.

Nhiều thế hệ làng Lĩnh Mai từng tự hào với mái đình cổ kính 7 gian bề thế uy nghiêm, còn được xếp là một trong những đình làng có quy mô to lớn, có tiếng nhất nhì trong vùng. Ngoài giá trị là trung tâm văn hóa tâm linh của cả dân làng. Trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Nhật - Pháp, mái đình làng Lĩnh Mai còn là điểm tập hợp, điểm hẹn bí mật của dân quân du kích, và bộ đội ta về đánh Tây, phá bớt giặc giữ làng. Năm 1949 theo tiếng gọi của kháng chiến, của cách mạng, thực hiện khẩu hiệu “vườn không nhà trống”, nhân dân trong làng đã phải dứt lòng tiêu thổ cả mái đình linh thiêng, cổ kính, quý giá ấy để một lòng đi theo kháng chiến đánh Pháp, đuổi Nhật giải phóng dân tộc.

Sau ngày hòa bình lập lại. Mái đình được nhân dân tu sửa lại. Tuy đơn sơ nhưng vẫn được huyện chọn là điểm trung tâm của các xã lân cận, trong vùng của huyện để đón nhận và tiến đưa các tân binh của các xã trong huyện lên đường nhập ngũ. Và là nơi đón tiếp các đơn vị bộ đội về đây đóng quân an dưỡng, rèn luyện, trước khi ra chiến trường đánh quân xâm lược bảo vệ Tổ quốc. Theo dòng chảy của thời gian, với sự biến cố khắc nghiệt của thiên nhiên, đã làm cho đình làng Lĩnh Mai dần bị phế tích.

Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. hòa trong công cuộc đổi mới đi lên cùng đất nước. Bà con thôn làng Lĩnh Mai đã cùng với nhân dân cả nước hăng hái lao động, sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng đất nước. Quê hương ngày càng

đổi mới, đời sống nhân dân được cải thiện không ngừng. Thôn Lĩnh Mai đã được cấp tỉnh, cấp huyện công nhận là “Nông thôn mới”, “Làng văn hóa mới”. Mới đây thôn lại được cấp trên quan tâm đầu tư xây dựng Nhà Văn hóa thôn khang trang, là trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng của thôn. Cùng với những cố gắng nỗ lực của toàn dân trong thôn đã kiến thiết xây dựng đường làng ngõ xóm, các cơ sở hạ tầng, các gia đình nhà cửa khang trang bề thế càng tôn lên bộ mặt của cả quê hương Lĩnh Mai, của xã Quảng Phú ngày thêm đổi mới, tươi đẹp.

Trong sự đổi thay tươi đẹp ấy, bà con nhân dân trong thôn ai cũng khao khát, ấp ủ một mong ước được phục dựng lại ngôi đình làng như xưa.

Đáp ứng nguyện vọng của bà con dân làng về việc phục dựng, kiến thiết ngôi đình làng, với quy mô là 5 gian, bằng gỗ lim, có hậu cung, trên nền đất cũ đình làng năm xưa. Làng đã thành lập “Ban kiến thiết xây dựng đình làng”. Lễ phát động, cũng là ngày khởi công xây dựng đình làng (ngày 12/4 - Nhâm Dần 2022). Nhân dân thôn làng đoàn kết nhất tâm, trăm người như một, trên dưới đồng lòng, nhà nhà, người người, phát tâm công đức với số tiền hơn 6 tỷ đồng. Có gia đình đã phát tâm công đức 200 triệu đồng, 300 triệu, 500 triệu đồng; nhiều gia đình phát tâm công đức cả trăm triệu đồng, hơn trăm gia đình công đức với số tiền từ 10 triệu đến 20, 50, 70, 90 triệu đồng, hầu hết các gia đình công đức từ 3 triệu đồng trở lên, một số gia đình chưa hết



khó khăn nhưng cũng giành những đồng tiền tuy không nhiều nhưng bằng những tấm lòng thành tâm, quý báu của mình để góp một phần công sức cùng bà con dân làng chung tay xây dựng ngôi đình làng. Điều ghi nhận và tự hào đối với bà con dân làng Lĩnh Mai: Toàn bộ số tiền của các gia đình, đoàn thể, cá nhân của bà con thôn làng và trong xã...các doanh nhân có tâm với quê hương, có tâm với công trình tâm linh Đình làng, được Ban xây dựng đình làng, tiếp nhận và sử dụng đúng mục đích và hiệu quả cao. Tuyệt đối không để xảy ra hiện tượng tiêu cực và lãng phí nào trong suốt quá trình thi công, đảm bảo đúng tiến độ, vượt thời gian, đạt yêu cầu cả về chất lượng kỹ và mỹ thuật. Bà con nhân dân trong làng, trong xã, trong và ngoài huyện về đây ghé thăm đều tấm tắc lời khen: “Đình làng Lĩnh Mai làm sau nhưng đẹp, uy nghiêm, bề thế không kém gì các đình làng cổ có tiếng trong tỉnh, trong vùng”... Mọi người dân trong thôn ai cũng cảm nhận công trình tâm linh đình làng quê mình đẹp mỹ mãn, ngoài mong đợi của mỗi người.

Ngày 8/4 năm Quý Mão 2023 (ngày Đình Đám - theo tục truyền thống của làng) - Cũng là ngày thôn làng mở hội cắt băng khánh thành Đình làng Lĩnh Mai, trong niềm vui náo nức khôn tả của bà con nhân dân trong thôn, trong xã nườm nượp đổ về đây dự hội, thắp hương thành kính Thành Hoàng làng, các vị đã có công với dân với nước và chiêm ngưỡng ngôi đình mới được xây dựng.

Ngôi đình làng được đặt đúng trên nền đình cũ. Mặt bằng kiến trúc tổng thể hình chữ Đinh, nhìn về hướng Nam (phía ao cổ của làng), Đình được kiến trúc theo mẫu dáng cổ mang đậm phong cách nghệ thuật truyền thống với các đình Việt xưa: bộ mái đình kết cấu kiểu 4 mái, 6 đao cong vút, lợp ngói vẩy cá (ngói mũi); hệ thống bờ guột, bờ dải được trang trí bằng các hoa văn đẹp mắt; đỉnh nóc đình đắp hình “Lưỡng long châu Nguyệt” được tạo dáng, kỹ mỹ thuật bằng lớp vẩy Rồng, vẩy Rồng, tinh xảo sống động; trên các bờ nóc, các đao đình còn được trang trí hình tượng các linh vật “tứ linh, tứ quý” theo truyền thống dân tộc; Bộ khung chịu lực được kiến trúc với 16 cột cái, 18 cột quân, gồm 6 bộ vì kèo, kết cấu theo kiểu thức “con chông giá chiêng”, “tiền bảy hậu bảy”; trên các cấu kiện gỗ đình làng hiện nay, tập trung chủ yếu ở các bức cốn, đầu dư, đầu bẩy, con rường... cũng đều được chạm khắc, trang trí bằng các hoa văn, họa tiết, hoa lá cách điệu theo các tiết ý: mây xoắn, mây lười mác, thể rồng bay; trên các bức cốn, các bộ câu đầu, vì kèo gian giữa đình đều được tạo tác bằng kỹ thuật chạm nổi, chạm lõng, và chạm bong, tỳ mỹ, tinh xảo theo với các hình “tứ linh, tứ quý” của bàn tay tài hoa, đội thợ kỹ nghệ lành nghề; hai cửa sổ phía tiền đình là hình “mặt nguyệt” hai cửa sổ đầu hồi Đông, Tây đình gắn kết bởi chữ “Thọ” được tạo dáng, thanh tao, kỹ thuật ưa nhìn; phần các chân cột đình, 5 bậc thềm đình được đặt và via bằng đá tảng xanh, có hai linh rồng xanh quy phục châu đình.

Các dòng họ, đoàn thể, các hội đồng niên và nhân dân trong làng cũng phát tâm cung tiến hiện vật đồ thờ của đình như: Tượng thờ, ban thờ, hoành phi, câu đối, lư hương, đèn thờ... đều bằng đồng nguyên chất và gỗ hương, gụ, đồ sứ cao cấp. Đình có ba ban thờ chính: ban thờ ở gian chính giữa và hậu cung thờ vị Thành Hoàng làng “Anh La Xung ứng Chi Thần” (tức Tuấn Lương Lã Nam đế Lang quân Chi thần) với bộ hoành phi, câu đối đề trước ban thờ hậu cung: “Hộ Quốc an dân” và đôi câu đối: “Đức đại an dân thiên cổ tại/ Công cao hộ quốc vạn niên trường” và bức Đại tự mặt tiền đề hậu cung đề: “Uy túc phong vân” với đôi câu đối: “Thủy đức uông hàm tứ giáp hoa khai chiêm nhuận trạch/ Kim đài xám lạn tam dân lưu phúc mộc ân quang”. Gian thờ đầu tiên phía Đông của đình được trang trọng đặt ban thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh với bức tượng đúc bằng đồng nguyên chất nặng 99 kg, bức hoành phi “Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại” và hai đôi câu đối trang trọng treo hai bên ban thờ “Thâu kết tinh hoa kim cổ lại/ Xây cao văn hiến nước non này” và “Đoàn kết, Đại đoàn kết/ Thành công Đại thành công”. Gian thờ phía Tây của đình đặt Ban thờ các anh hùng liệt sỹ được ghi danh trang trọng 36 liệt sỹ là người con yêu dấu của quê hương trong 3 cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm của dân tộc; bức hoành phi mang chữ “Đời đời ghi nhớ công ơn các anh hùng liệt sỹ” và hai đôi câu đối hai bên đề: “Thân ngã xuống thành đất đai tổ quốc/ Hồn bay lên hóa linh khí quốc gia”

và “*Thế phách gửi núi sông, mãi mãi tuổi xanh cùng đất nước/ Linh hồn quy đất mẹ, đời đời gương sáng với nhân dân*”, ngoài ba Ban thờ đình làng còn có đủ các bộ rước tế: Long đình, Bát cống bằng gỗ quý được sơn son thiếp vàng; chiếc Chiêng đồng có đường kính 1m 55cm, nặng 200kg và Trống đình cao 2m 30 cm, mặt trống có đường kính 1m55 cm... càng tôn lên nét đẹp truyền thống, cổ kính, uy nghi của mái đình làng Lĩnh Mai hôm nay. Hiện nay tại đình làng còn lưu giữ 4 đạo “Sắc phong” của các đời nhà Vua đã ban tặng cho thần Thành Hoàng làng và đình Lĩnh Mai. Các bút tích còn lưu giữ nguyên vẹn.

Từ sau ngày đình làng được khánh thành, các ngày mùng một, ngày rằm, tuần tiết thông lệ hàng tháng, những ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, không chỉ có các cụ lão ông trong làng mà đông đảo người dân thuộc các lứa tuổi, đại diện các gia đình, đoàn thể, cả những con em dân làng đi công tác xa quê cũng về, ra đình làng thắp hương tri ân Thành Hoàng làng, các vị có công giúp dân, giúp nước, vì nền độc lập - tự do của Tổ quốc.

Điều còn có ý nghĩa mà bà con dân làng ai ai cũng thấy: từ khi đình làng được phục dựng và đi vào sinh hoạt, dưới sự quản lý và hoạt động của Ban quản lý di tích đình làng, làng quê như đông vui, tấp nập hơn, tình làng nghĩa xóm như càng thêm gắn kết, thương yêu, đùm bọc hơn, người người, nhà nhà chung tay đoàn kết xây dựng làng quê giàu đẹp - gia đình hạnh phúc./.

Độc đáo nghi lễ đón tiếp chạ LÀNG TAM TẢO

LÊ THỊ CHUNG

Tam Tảo là một làng cổ, xưa thuộc phủ Từ Sơn, trấn Kinh Bắc. Ngày nay Tam Tảo thuộc xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Người dân Tam Tảo không chỉ tự hào là một làng quê văn hiến có lịch sử lâu đời với một hệ thống các di tích lịch sử phong phú đa dạng, mà còn lưu giữ nhiều phong tục đẹp, trong đó có tục kết chạ giữa hai làng Tam Tảo và Xuân Dục. Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, Xuân Dục và Tam Tảo cùng thuộc vùng Kinh Bắc - Bắc Ninh. Trải qua hơn hai thế kỷ, Xuân Dục, Tam Tảo đến nay đã có nhiều biến đổi. Địa dư hành chính hai nơi cũng đã khác xưa: Xuân Dục về thành phố Hà Nội và Tam Tảo thuộc huyện Tiên Du - Bắc Ninh, song mối ân tình sâu nặng của hai làng vẫn thủy chung son sắt như một mối lương duyên mà trời đã định sẵn.

Truyện kể rằng: Vào thời Nguyễn Gia

Long thứ 14, năm Ất Hợi (1815), làng Tam Tảo đi mua gỗ ở kinh đô Thăng Long về làm đình. Khi bè gỗ lớn xuôi đến địa phận làng Xuân Dục (nay là xã Yên Thường, huyện Gia Lâm, Hà Nội) thì bị mắc cạn. Thấy vậy, dân làng Xuân Dục đã hết lòng giúp đỡ tạo điều kiện vận chuyển bè gỗ về Tam Tảo thuận lợi. Đến khi khánh thành đình Tam Tảo, dân làng Tam Tảo nhắc lại chuyện cũ và thống nhất cử một đoàn đại biểu mang lễ vật đến đình làng Xuân Dục tạ ơn và xin được làm lễ kết chạ. Kể từ đó, hai làng gắn bó thân thiết đi lại với nhau, coi nhau như anh em ruột thịt, giúp đỡ nhau, quan tâm đến nhau trong mọi hoàn cảnh. Mối quan hệ này được biểu hiện tập trung trong những lúc hoạn nạn, khó khăn và vào dịp lễ hội hàng năm. Đặc biệt người dân hai nơi Xuân Dục - Tam Tảo vẫn giữ gìn và lưu truyền nhiều bài thơ phản ánh về

nghi lễ phụng sự Thành hoàng, nghi lễ tiếp đón chạ trong ngày hội làng. Chẳng hạn, như lời ca đón chạ anh sau:

*Hoa cỏ níu mừng đón chào anh
 Chúng em ngả ô chào mời anh
 Cuộc gặp thật vui vẻ chí thành
 Nhớ buổi đầu gặp nhau
 Thuở giúp nhau chuyển gỗ sửa đình
 Tình hai dân đẹp vui như lời thơ phật mộc.
 Tình ấy không vui sao được
 Nghĩa ấy không bền sao được.
 Vĩ đại lắm thay!
 Anh em đức hợp tâm đồng
 Chia sẻ ngọt ngào nguyện cùng có nhau
 Đón anh dâng hộp trầu cau
 Vật sơ mời nặng mà sâu nghĩa tình
 Bên nhau nếp cũ đình ninh.*

Và đây là nội dung lời ca khi chủ - khách đã yên vị:

*Anh em ta gắn bó đã lâu
 Nhưng gặp gỡ nhau cùng chung vui
 phải đâu chuyện dễ
 Vời vợi đường xa, quan san cách trở
 Gặp nhau tay bắt mặt mừng mới vơi
 đi nỗi nhớ
 Hôm nay, đến hẹn lại lên
 Chúng em đón anh, trầu nghĩa trầu
 tình
 Cùng đối mặt chung vui thụ hưởng
 Tình ấy mãi mãi tạc lòng
 Nghĩa ấy lời nào tả xiết.*

Theo tục lệ, trước ngày mở hội, làng Tam Tảo cử người đến mời làng kết nghĩa Xuân Dục sang dự. Đúng ngày giờ đã hẹn, dân làng Tam Tảo cử đoàn đại biểu đi đón “chạ anh” tập trung tại đền Hộ quốc từ chiều hôm trước ngày mở hội. Trong ngày hôm đó, các gia đình ở đầu ngõ, xóm, miếu

đều phải treo màn, thắp hương khi đoàn đại biểu chạ đi qua. Những người đi đón phải là người cao tuổi, có chức sắc, khăn áo chỉnh tề cùng với một số trai đình cầm cờ biểu, rước kiệu Long đình và phường bát âm đi đón chạ anh. Làng sở tại Tam Tảo còn cử người trái chiếu, pha trà, tèm tràu để đón chạ. Sau khi chạ anh uống nước, ăn tràu và thay mũ áo chỉnh tề thì một vị đại diện làng Tam Tảo có nhờ mời các chạ về hội sở. Khi chiêng, trống nổi lên, phường bát âm cử nhạc, cờ quạt, long đình bắt đầu diễu hành đi thành hai hàng: chạ anh Xuân Dục một hàng, chạ em Tam Tảo một hàng theo trình tự: Long đình - lễ vật - các vị tế đám - kỳ lý - phụ lão và các đại biểu, sau cùng là người đi phòng. Đám rước đi khoảng một giờ đồng hồ mới về đến đình Tam Tảo. Tại đình các nghi lễ được diễn ra, như sau: Các cụ Tam Tảo dâng lễ vật xôi, gà lên điện thờ xong, các vị tế đám của chạ Xuân Dục cùng với các vị quan viên ở địa phương sở tại hợp tế (Sở tại đứng hàng trên, chạ Xuân Dục đứng hàng dưới). Hành lễ xong, chạ Xuân Dục ngồi vào vị trí trang trọng đã được bố trí từ trước, hướng mặt vào gian giữa đình để dân Tam Tảo tiếp đón mời tiệc. Một vị đại diện làng Tam Tảo có nhờ mời, kiểu như :

- Tiểu đệ Tam Tảo cảm túc trình chư tôn huynh Xuân Dục, bên ấy ạ!

Sau đó cỗ chạ được bày lên mâm vuông có chân do các thanh niên bung ra. Mỗi mâm có một thanh niên được làng cử ra phục vụ (Các thanh niên mặc trang phục áo dài, đội khăn, thắt lưng bỏ múi cạnh bên sườn, quỳ bên cạnh xới cơm, lấy nước mời chạ anh). Chạ anh ăn xong thì ngồi xem

hát cho đến 12 giờ đêm mới đi nghỉ. Sáng hôm sau đại biểu chạ anh, chạ em lại tập trung tại hội sở hợp tế, rồi xoi cơm. Ăn xong, chạ em (sở tại) đưa chạ anh (khách) đi xem hội, xem các trò chơi ở trung tâm hội, như: Tổ tôm điểm, chơi cờ, xem dẹt vải... cho đến chiều thì chia tay ra về.

Các bậc cao niên trong làng Tam Tảo vẫn còn nhớ vào năm Kỷ Ty (1929) Tam Tảo hoàn thành Tam quan chùa, xây dựng trường học đầu tiên của tổng Ân Phú và đúc chuông chùa. Vì vậy Tam Tảo xin phép Tổng đốc Bắc Ninh mở hội lớn và mời chạ Xuân Dục về dự hội, đoàn đại biểu Xuân Dục đã công đức 400 đồng. Khi chia tay ra về, hai bên chủ - khách tiễn đưa nhau đều bằng thơ:

*Mừng anh mở hội mùa xuân
Khánh thành hợp xá đúc chuông cửa
thiên.*

*Trước hợp tế dâng hương lễ thánh
Sau anh em hội yến hưởng xuân
Cùng anh nhóm lửa nung gang
Tham quan cờ tướng, nấu cơm mọi trò
Luống tiếc thay thời giờ quá ít
Vàng ô đã quá ngọc sang mùa
Chúc anh ngày hội càng vui
Cáo qui có đôi lời nôm na.*

Chạ Xuân Dục tức trình xong, chạ em Tam Tảo đáp lại, chúc chạ anh thượng lộ bình an bằng lời thơ:

*Cuộc vui ngắn chừa tày gang
Tiễn anh luống những dưng dưng
bước chân*

*Tay nắm tay ngáp ngừng không dứt
Phút chia tay dạ sắt bùì nguì.
Quan san muôn dặm xa xôi
Kim ô ngã bóng non đoài chéch xa*

*Chúc chạ huynh bình an thịnh lộ
Cho phép em qui gót hội đình
Coi trầu tiễn biệt kính dâng.*

Sau đó chạ em Tam Tảo mới cử người đưa chạ anh lên ga Lim lấy vé xe hỏa ra về. Ngày nay, tục “kết chạ” là tài sản quý báu của hai quê hương Tam Tảo- Xuân Dục và luôn được các thế hệ tiếp nối nhau giữ gìn và phát triển. Hàng năm vào dịp hội Tam Tảo mừng 10 tháng hai âm lịch, Tam Tảo cử đoàn đại biểu ra Xuân Dục mời đại biểu về dự lễ hội. Đến hội Xuân Dục ngày 10 tháng ba âm lịch, dân Tam Tảo về Xuân Dục dự hội. Đây là dịp hai làng cùng nhau ôn lại lịch sử kết chạ Tam Tảo- Xuân Dục, đánh giá những kết quả mối quan hệ thân thiết gắn bó của hai địa phương, giúp cho nhân dân hai nơi nhận thức đầy đủ sâu sắc mối quan hệ gắn bó với nhau như anh em ruột thịt để cùng nhau, tay nắm tay, chung sức chung lòng xây dựng quê hương, xây dựng đất nước phát triển, đời sống nhân dân ngày càng giàu mạnh, văn minh, hạnh phúc. Việc đón tiếp chạ của hai làng được diễn ra qui củ, trang trọng, đặc biệt là những nghĩa cử cao đẹp trong mối quan hệ giữa Tam Tảo và Xuân Dục cứ nối tiếp từ thưở ông cha tới bao đời con cháu ngày nay trở thành một tấm gương trong lớp lãnh muôn đời ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Hồ sơ di tích thôn Tam Tảo, xã Phú Lâm.
- Tập thơ “Người Xuân Phong”.

NGUYỄN NGỌC HÙNG

Chớm xuân

Yếm hoa vừa điểm hoa hồng
 Tình duyên cũng chớm dệt bông duyên tình
 Xuân về ngang ngõ trúc xinh
 Thăm mong ai đứng một mình đợi ai!

PHƯƠNG ĐĂNG

Ngày xưa

Ngày xưa qua cửa em cười
 Nay về, em đã là người của ai
 Nắng vàng sao nắng vàng phai
 Để anh thơ thẩn nhớ hoài ngày xưa...



NGUYỄN VĂN VIẾT

Tình yêu Quan họ

Yêu nhau sao lại đứng xa ?
 Dao cau không sắc như là mắt em
 Anh về Kinh Bắc hội Lim
 Mang theo câu hát đi tìm dáng xưa

Lạy trời đừng có đổ mưa
 Ướt câu quan họ anh chưa tỏ lòng
 Hỏi rằng : em có nhớ mong ?
 Thuyền rồng với bóng má hồng chưa phai

Tình xuân mong hội thêm dài
 Trầu têm cánh phượng môi ai đỏ màu
 Duyên quê thấm đượm từ lâu
 Tình ta như đã bắc cầu trao duyên

Sông Cầu lời hát bình yên
 Nghe câu quan họ giữa miền nhớ thương
 Ai làm cho dạ vấn vương ?
 Quai thao giã bạn nứi đường khách xa

Ước gì quên chuyện hôm qua
 Đừng say quan họ mượt mà hội Lim
 Nhớ trăng mây phải đi tìm
 Bồng bênh câu hát xuyên tim hôm nào./.



NGUYỄN HANH VƯỢNG

Chiều đông

Chiều đầu đông em về thăm quê mẹ
Luy Lâu mình giờ cầu đã thông dong
Hoàng Cầm ơi! Nếu người sống lại
Sẽ không buồn vì ngày nhớ, đêm mong./.

XUÂN LINH

Quê tôi

Mới ngày hai mươi Tết
Đã nhộn nhịp đường quê
Bước chân đều hồi hả
Ngập tiếng cười, tiếng xe.

Mới ngày hai mươi Tết
Đông người sắm quất, đào
Đã quáng quàng mua bán
Trong làng nhiều tiếng rao.

Mới ngày hai mươi Tết
Không ít những tấm lòng
Xa quê đi làm mướn
Trở về làng rất đông.

Mới ngày hai mươi Tết
Chen chân chôn chợ chiều
Đều dấy lên háo hức
Trong xóm làng thân yêu./.

NGUYỄN HÀ HẢI

Giọt mồ hôi

Ta đang đi giữa mùa xuân
Mơn man hoa cỏ, trong ngàn mưa bay
Quê giờ bao sự đổi thay
Sáng hồng ánh điện, vòng tay vẫy chào.

Cầm tờ lịch cũ năm nao
Bồi hồi nhớ lại thuở nào khó khăn
Cái thời cơm sắn độn sung
Thương mùa giáp hạt nâu sòng đất quê.

Mỗi khi tết đến xuân về
Bên câu đối đỏ lắng nghe hồn làng
Ta như lạc cõi nhân gian
Tháng giêng sao lỡ vội vàng người ơi.

Quê nghèo nuôi lớn hồn tôi
Nông thôn đổi mới 1 thời văn minh
Đường hoa rộng bước hoà bình
Miếng trầu quan họ ta mình trao duyên.

Hẹn em đến hẹn lại lên
Miếng trầu cánh phượng, xanh thêm nụ cười
Chợ xuân anh bán mùa vui
Có cô má đỏ để trời ngân ngơ.

Xuân về kết nắng đan thơ
Tình yêu cái thưở mộng mơ hẹn thề
Mạn thuyền ngòi tựa trăng quê
Cây đa quán dốc câu thề sắt son.

Giêng hai rắc hạt mưa giòn
Ruộng cày đỏ ải, bà con xuống đồng
Mạ non em cấy ngang lưng
Mà như công cả mùa xuân đất trời./.

“Chẳng thể dừng dừng”*với hiện hiện xuân của**Vũ Tuấn Anh*

VŨ THỊ PHƯƠNG

Mùa xuân là mùa đẹp nhất. Đồi diện với mùa xuân lòng ai lại không náo nức. Mùa xuân đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho thi ca. Mỗi thi phẩm viết về mùa xuân lại có nét hấp dẫn riêng. Bài thơ **“Chẳng thể dừng dừng”** của tác giả Vũ Tuấn Anh đăng trên tạp chí Người Kinh Bắc số 170 tháng 3 năm 2023 trang 34 có một phong vị rất lạ trong cách cảm. Tiếng xuân của đất trời với tiếng xuân trong lòng người tạo nên những cung bậc đồng vọng thiết tha về tình yêu cuộc sống, sự sống và con người.

*Tôi đã nghe tiếng cựa mình
của chồi non lộc biếc*

Từ cành cây đang thêm thiếp ngủ đông

Tôi đã nghe gió ấm đang

tràn ngập cánh đồng

Tiếng vỗ cánh của bầy chim chiến chiến

Ngõ bình lặng nhưng thời gian đang tiến

Chẳng thể dừng dừng trước hiện hiện

mùa xuân.

Sức hút của bài thơ là sự cảm thấu trước bước đi thời gian vô cùng tinh tế và sâu lắng. Bài thơ có sáu câu chia thành 2 ý: Bốn câu đầu là bước chuyển mùa xuân qua những hình ảnh cụ thể. Hai câu cuối là phát hiện mang tính triết lí về dòng chảy thời gian và cảm xúc của nhân vật trữ tình.

Điều hồn của bài thơ được làm nên bởi chính sự vận động âm thầm của tứ thơ: Mùa xuân đến! Âm thanh “tiếng cựa mình của chồi non lộc biếc”, tiếng “gió ấm”, tiếng “vỗ cánh của bầy chim chiến chiến” đã xôn xao khắp không gian. Không gian vườn xuân, cánh đồng mùa xuân và bầu trời xuân ngập tràn sức sống.

Bốn câu thơ đầu thực sự là một một bản hòa ca mùa xuân rất ấm áp, tươi tắn và ngọt ngào. Đầu tiên là âm thanh tiếng chồi non “cựa mình”. Động từ “cựa mình” đối với “thêm thiếp ngủ” đã diễn tả trạng thái vận động của sự sống thật tài tình. Những chồi non, lộc biếc đang bắt đầu nhú lên để

khởi nguồn cho một hành trình sống mới. Chúng như những sinh thể sống có linh hồn trỗi dậy sau một giấc ngủ dài chờ đợi, khao khát, ấp ủ. Hòa với tiếng “cựa mình” của lộc biếc vườn xuân, gió xuân cũng tràn về “tiếng gió ấm đang tràn ngập cánh đồng” Không gian vừa được thay áo mới. Thật tuyệt diệu! “Tiếng gió ấm” như một tiết tấu ngân nga, dịu dàng lan tỏa khắp đất trời. Ngọn gió xuân thổi bùng sự sống, sự sống sinh sôi, nảy nở. Không gian rộn ràng thắm sắc xuân. Để rồi, âm thanh “tiếng vỗ cánh của bầy chim chiến chiến” như một nốt thăng khiến cho cả mùa xuân như đang bay lên cùng gọi mùa...

Mùa xuân về thật rồi, không thể phủ nhận được. Mùa xuân đã “hiển hiện”

*“Ngõ bình lặng nhưng thời gian đang tiến
Chẳng thể dừng đứng trước hiển hiện
mùa xuân”.*

Cụm từ “bình lặng” và “đang tiến” cho thấy sự chuyển biến trong nhận thức của nhân vật trữ tình. Sự đối lập trong nhận thức để khẳng định một chân lý: thời gian không ngừng trôi. Thời gian “đang tiến”. Mùa xuân đang “hiển hiện” không thể cưỡng lại được, không còn là “ngõ” nữa. Chân lý hiển nhiên ấy được đúc rút từ chính sự vận động của những âm thanh sự sống ở bốn câu thơ trước. Tứ thơ trở nên trọn vẹn và viên mãn. Bản nhạc mùa xuân mở ra gọi mời. Mùa xuân đã tồn tại rất hữu hình theo dòng thời gian. Cảm xúc của nhân vật trữ tình chuyển biến: Từ “ngõ bình lặng” đến “chẳng thể dừng đứng”. Nghĩa là con người không thể đứng ngoài

mùa xuân, không thể thờ ơ, hững hờ khi tạo vật đang hòa ca náo nức. Con người đã hòa mình vào mùa xuân tự lúc bắt đầu để lắng nghe, để cảm nhận và vỡ òa trước sự “hiển hiện của mùa xuân”./.



Sắc xuân quê mình



Tươi vui - Rộn ràng

Nhạc và lời : Mạnh Thắng

Xuân sang qua ngọn gió đông, môn man cây nẩy lộc trời. Chim
huyền xao động người ơi, nắng xuân len tía nắng trùn. Cho
môi ai nở nụ cười (à) sắc xuân. Xuân sang tập nập xóm
thôn. Cầu ca vang dọc hội làng. Kia bao Liên chị Liên anh. Đón
xuân đi trẩy hội làng. Quê hương thay đổi từng ngày trước
xuân. Vui đón xuân khắp nơi trống hội mừng
Vui đón xuân khắp nơi bóng rợp cờ
ông. Khắp nơi đi trẩy hội làng Đất Bắc Ninh khác
hoa. Bốn phương sum họp một nhà Đất Bắc Ninh với
ghi trang ở hào hùng, Ngàn năm tô thêm sắc xuân quê
quê hương trọn tình người, Ngàn năm tô
ta ..thêm Bắc Ninh quê mình.

Rall. (Chậm lại để kết)



Tương ngộ

Nhịp vừa - Tình cảm

Nhạc và lời : Bá Quang



Hội Lim chúng mình gặp nhau mỗi như một miếng trầu
cay làm lòng. Uống chung một chén rượu đào. duyên tình người ấy duyên
tình ta đây. ở đâu trúc mọc cũng xanh, cầu nào em
hát cũng làm say lòng người. Núi ba tìm chỗ che nghiêng, đồng ai làm khất nọ cười
duyên má đào. Ô hén anh đã dâng cau cho mua cho nằng cho má
đào đồng phai. Mắt huyền lóng lánh nhìn ai, cho bao khuôn mặt chàng
trai đắm tình. Em xinh em hát càng xinh. Hội Lim hội hát chúng mình gặp
nhau. Ngày vui có chăng là bao. Lời ca già
bạn vương sâu lòng ta. Sông sâu dờ chệt dờng qua, hay là mình ở với
ta đời này, hay là mình ở với ta đời ngày.

SỔ TAY TẠP CHÍ

Trong số này, Tạp chí Người Kinh Bắc đã nhận được tác phẩm tham gia cộng tác của các tác giả:

* **Trong tỉnh:** Lương Thìn, Nguyễn Hà Hải, Nguyễn Cát Chuyên, Bùi Hồng Mận, Phạm Thuận Thành, Lê Viêt Nga, Nguyễn Thị Hằng, Hà Nguyên Thảo, Nguyễn Khắc Bảo, Nguyễn Xuân Tường, Nhất Mạt Hương, Lê Khanh, Vũ Thế Thước, Nguyễn Thượng Luyến, Vũ Việt Tâm, Đỗ Hữu Bằng, Vũ Ngọc Hòa, Trần Thiết, Nguyễn Trọng Liễu, Nguyễn Đình Ché Phan Trụ, Phạm Đình Thái, Nguyễn Cát Chuyên, Duy Đắc, Nguyễn Trung, Nguyễn Đức Quế, Nho Thuận, Mai Kháng, Vũ Thế Thước, Nguyễn Xuân Hùng, Nguyễn Tiến Lộc, Nguyễn Văn Hôi, Đặng Phương Linh, Nguyễn Thị Trang, Bùi Thị Hải Anh, Vũ Ngọc Hòa...

* **Ngoài tỉnh:** Ngô Trọng Nghĩa (Trà Vinh), Nguyễn Văn Trụ (Thanh Hóa), Lê Hứa Huyền Trân (Bình Định), Ngô Văn Hiếu (Bắc Giang), Nguyễn Thanh Vũ (Tp. Hồ Chí Minh), Nguyễn Phú Ninh (Hải Dương), Nguyễn Văn Danh (Phú Yên), Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị), Nguyễn Bích Thuận (Lạng Sơn), Nguyễn Đình Thu (Bình Định), Nguyễn Văn Toàn (Huế), Trần Anh Thuận, Nguyễn Thị Thanh Duyên, Nguyễn Quỳnh Anh, Nguyễn Văn Viêt (Ninh Bình), Phụng Tú, Hoàng Bích Hà, Khuê Việt Trường (Khánh Hòa), Lê Minh Hải, Bùi Quốc Bình (Phú Thọ), Nguyễn Văn Thanh (Quảng Trị), Trần Thái Học (Bến Tre), Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Đoàn Huy Cảnh (Bắc Giang), Lý Thị Minh Khiêm (Lâm Đồng), Đoàn Mạnh Tiến (Nghệ An), Huỳnh Thị Mộng Tuyền (Kiên Giang), Vũ Đăng Bút (Hà Giang)...

Tạp chí xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác của quý tác giả và mong muốn thường xuyên nhận được những ý kiến đóng góp của hội viên, cộng tác viên, độc giả ở trong và ngoài tỉnh về chất lượng, nội dung, hình thức... của Tạp chí để từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng Tạp chí văn nghệ tỉnh nhà.

Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trân trọng kính báo tới Hội viên Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh, cộng tác viên trong và ngoài tỉnh chủ đề Tạp chí số 3 năm 2024: Học tập làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Văn hiến cách mạng Bắc Ninh - Kinh Bắc; Quốc tế Phụ nữ 8/3... Kính mong Hội viên, cộng tác viên và độc giả gửi tác phẩm về Ban Biên tập Tạp chí Người Kinh Bắc trước ngày 10/02/2024.

Bài viết gửi về email: tapchinguoiKinhbac@gmail.com hoặc qua Bưu điện theo địa chỉ: Hội VHNT tỉnh Bắc Ninh (Số 01, Lý Thái Tổ - TP Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh). Truy cập Website nguoiKinhbac.vn để xem nội dung của Tạp chí hàng tháng.

Trân trọng cảm ơn!

BBT